

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHÂU

THƯ VIỆN

4(N523)

NG 527Đ

Sách
có kèm
Đĩa VCD

Phương pháp mới

PHIÊN DỊCH - BIÊN DỊCH

Anh-Việt, Việt-Anh

Cuốn 2



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Phương pháp mới
Điền kick - Biên kick



THU VIỆN
ĐIỂN BẢN LẬP HỒ
KÝ KÊU: 411123
Số: _____

NGUYỄN ĐỨC CHÂU

Phương pháp mới

Phiên Dịch - Biên Dịch

ANH-VIỆT, VIỆT-ANH

(dùng kèm 1 CD)

CUỐN 2

THU VIỆN ĐIỂN BẢN LẬP HỒ
PHÒNG ĐỌC
2007 DLV 878

Nhà xuất bản Trẻ

1111

1111

1111

1111

Lời nói đầu

Phiên dịch (dịch nói) là môn học tương đối mới và giáo trình thích hợp cho môn học này cũng không nhiều nhưng lại là nhu cầu quan trọng của một số đông học viên các ngành Kinh tế, Tài chính, Báo chí, Anh văn, Quản trị, Du lịch. Đây là cuốn sách thứ hai trong bộ sách luyện phiên dịch và biên dịch (dịch viết) gồm 4 cuốn được áp dụng cho cấp học thứ hai, tương đương với trình độ B hoặc năm 2. Giáo trình này đã được áp dụng tương đối thành công tại ĐH Mở-Bán công TP.HCM, ĐH Hồng Bàng, ĐH Bình Dương nơi đào tạo chuyên ngành phiên dịch.

Với mục đích soạn cho các bạn có trình độ trung cấp tiếng Anh (giống như cuốn 1, dành cho các bạn học viên có trình độ Anh văn tương đương A hoặc năm thứ 1), cuốn sách này gồm các bài tập phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh và biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh với các đề tài phổ thông. Phần Nghe-Dịch có lẽ là phần rất quan trọng đối với các bạn mới học. Các bạn phải học thật thuộc các từ cho sẵn trước khi nghe băng và nghe dịch ít nhất 3 lần trước khi tham khảo Tape Scripts. Mặc dù có phần Tape Scripts nhưng các bạn không nên trông cậy vào đây nhiều quá mà phải theo hướng dẫn trong phần phương pháp luyện Nghe-Dịch.

Điểm giống nhau khác là phương pháp nâng cao kiến thức và vốn từ về các vấn đề thời sự, kinh tế-tài chính, giáo dục, kinh doanh-thương mại, v.v...

Điểm khác nhau trong sách là các bạn học viên sẽ gặp các bài tập nâng cao hơn về cấu trúc, từ vựng, phong cách. Tất cả các bài trong sách đều trích từ các báo chí trong và ngoài nước theo các đề tài nêu trên, rất phù hợp cho nhu cầu học tập của các bạn.

Các bài tập phiên dịch được trình bày theo phương pháp *Interaction*, vốn rất phổ biến trong việc dạy ngôn ngữ ở các ĐH Anh, Mỹ. Trong khi các bài tập biên dịch vẫn trung thành theo phương pháp *Grammar - Translation* phổ biến từ thế kỷ 17.

Các bạn học viên cần làm khi học:

- Phiên dịch các bài tập từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích và ngược lại; đạt các tiêu chuẩn về phát âm (*pronunciation*), ngữ điệu (*intonation*), lưu loát (*fluency*), kịp thời (*simultaneity*), cấu trúc (*structure*), từ vựng (*vocabulary*).

- Lập nhóm khi nghe dịch (nếu có thể).

- Biên dịch các bài tập báo chí đa dạng.

- Hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, khái niệm trong kinh doanh và kinh tế.

- Áp dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào phiên dịch, biên dịch.

Chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót trong sách. Mong nhận được các ý kiến xây dựng để lần tái bản sau hoàn chỉnh hơn. Mọi ý kiến xin thư về Khoa Ngoại ngữ, ĐH Hồng Bàng.

Chúc các bạn thành công.

Thành phố Hồ Chí Minh, 2004

NGUYỄN ĐỨC CHÂU

CONTENTS

Lời nói đầu	5
Contents	7
For Instructors	11
Preface	16
Description	18
Acknowledgements	20
Course Outlines	21
Suggested Schedule	22



English-Vietnamese

Simultaneous Translation

Lesson 1	28
Lesson 2	30
Lesson 3	31
Lesson 4	33
Lesson 5	34
Lesson 6	35
Lesson 7	36

Lesson 8	37
Lesson 9	39
Lesson 10.....	41
Lesson 11	42
Lesson 12.....	43
Lesson 13.....	44
Lesson 14.....	46

Vietnamese-English Simultaneous Interpretation

Lesson 1	47
Lesson 2.....	51
Lesson 3.....	54
Lesson 4.....	57
Lesson 5.....	60
Unit 6	64
Unit 7	67
Unit 8	71
Unit 9	74
Unit 10	77

CHAPTER 3

Vietnamese-English Translation (Simplified)

Unit 1	80
Unit 2	83
Unit 3	87

Unit 4	91
Unit 5	94
Unit 6	97
Unit 7	100
Unit 8	103
Unit 9	106
Unit 10	109
Unit 11	111
Unit 12	114
Unit 13	117
Unit 14	120
Unit 15	123
Unit 16	127
Unit 17	130
Unit 18	133

CHAPTER 4

English-Vietnamese Translation

Selection 1	138
Selection 2	142
Selection 3	146
Selection 4	150
Selection 5	155
Selection 6	159

Selection 7	163
Selection 8	167
Selection 9	171
Selection 10	175
Selection 11	179
Selection 12	184
Selection 13	189
Selection 14	193
Selection 15	197
Selection 16	202
Selection 17	206
Selection 18	211
Selection 19	216
Selection 20	220

CHAPTER 5

Scripts For English-Vietnamese

Simultaneous Interpretation	224
--	------------

REFERENCE	247
------------------------	------------

SIMULTANEOUS TRANSLATION

INTERACTIVE APPROACH

For Instructors

(ENG-VIE)

Suggested time frame:

1. (10') American Accent Training. TC (do it fast)
 2. (5') Reading and learning the notes. TC
 3. (15') Pick out 3-4 students to do example. Play the tape. The students will stand in front of the rest and take turn to do oral translation, T corrects.
 4. (20') Pair work or group work. Students listen to their tape (ENG-VIE) and translate together.
 5. (20') Other groups of 4 or 5 students perform their tasks before the audience. Teacher corrects. Students' interpretation is taped for later use.
 6. (15-20') TIII
- T plays the tape again. Teacher invite each student to perform his oral translation.
7. (5') Students ask questions related to the lesson (never allow students to ask randomly). If there's no question, T can go on.

Always pay attention to your pronunciation and

intonation .

T: Teacher C: Class I: Individual

If there is not enough time to cover the lesson, you just stop to follow the next steps.

WRITTEN TRANSLATION GRAMMAR-TRANSLATION APPROACH

The first meeting. (preparatory classes, inter classes)

Suggested time frame

(40') Theory of translation.

1. (10') Explain how to do homework. Tell students to hand in their homework regularly.

2. (40') Give students a Vie-Eng task. Assign each student a portion.

(20') Then ask them to write on the blackboard (T divides the blackboard into 3 parts for 3 students. After that, T corrects.

From the second meeting on:

1. T returns student's homework. Collect new homework.

2. The student who gets highest mark will read his Eng-Vie translation in front of the class.

3. T corrects Eng-Vie portion while some students come to the blackboard to write the Eng-Vie portion. T corrects.

4. Ask St to prepare the next homework.

T Explains Grammatical Points, Gives Corrections

T: Teacher I: Individual C: Class.

If there's not enough time to cover the lesson, you just stop and follow the next steps.

SIMULTANEOUS TRANSLATION INTERACTIVE APPROACH

For Instructors

(ENG-VIE)

Suggested time frame:

1. (10') Reading the notes 3 times with students (teaching pronunciation). TC.

2. (30-40') T reads Vietnamese portion, a group of 3 or 4 students takes turn to do oral translation. Each student/group will perform respectfully (the performance is taped for later use). Students take notes about 10'.

T corrects.

3. (20') Pair work or group work.

T goes around oversee them.

4. (15') TIII T reads Vietnamese. Students take turn to translate. T corrects

5. Students ask questions related to the lesson.

(Never allow St to ask at random)

Always pay attention to your pronunciation – intonation.

T: teacher I: Individual C: Class

If there's not enough time to cover the lesson, you just stop to follow the next steps.

Preface

This is the second in the series of 4 books of the oral and written translation field. Unlike the first, Eng. 207A, which deals with pattern translation, yet, the beauty of style or lexicology is more or less unmentioned, nor is the art of translation, this book aims at upgrading students' skill and knowledge in more authentic translation.

The task of translation, written or oral, has been considered rather challenging for it requires that the translator master both the source and the target language which students find it difficult to attain. However, if they are well trained methodically, they are gradually able to overcome the difficulties. Students are supposed to encounter each kind of special subject at one period of time, say, a semester, collecting some knowledge of syntax, vocabulary and the subject itself.

To meet the above - mentioned needs, my booklet, which consists of a few subjects and the formal style (not yet colloquial and literary styles) provides sufficient materials, most of which are from domestic and foreign magazines, for a 15 - week course of Translation in the HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY.

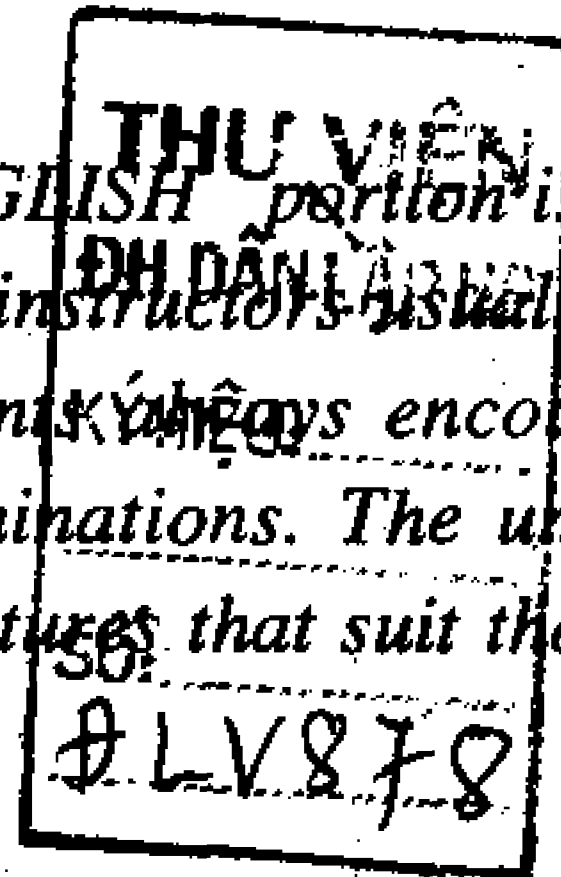
It has 2 parts:

Part I: Perform Oral Translation ENGLISH - VIETNAMESE and VIETNAMESE - ENGLISH. The selections are presented in the forms of simplified units so that students can find it not too hard to follow. There are 15 units that meet the university's semester and the teacher can optionally choose the preferable ones for his students. Teachers, however, also can cross off some in case the time is limited, a 12 - week course, for instance. Besides, the simplified units for Oral translation (Simultaneous translation) do not required Pattern Practice which is composed specifically for Written Translation.

In order to teach Oral Translation ENGLISH - VIETNAMESE and VIETNAMESE - ENGLISH the selections are presented in a few paragraphs so that they can satisfy the time frame regulated in a classroom meeting.

Instructors are supposed to spend not more than one period (45') for each selections. Students are required to prepare the selections at home as their homework so that the instructors would not waste time for explanation. Students can individually practice the patterns after finishing the 2 selections: VIETNAMESE - ENGLISH and ENGLISH - VIETNAMESE.

VIETNAMESE - ENGLISH portion is put before the other since I realized that instructors usually put it on low esteem. As a result, students encounter difficulties when they deal with examinations. The units are chosen for their easy - doing structures that suit the freshman's or sophomore's level.



July 1, 1997

NGUYỄN ĐỨC CHÂU

Description

While Eng. 207A mentions the theory of translation; some basic steps on the practice of translation; some English basic patterns; the development of these simple patterns based on practicing Simultaneous Interpretation and Written Translation, Eng. 207B expands further the 4 basic skills - reading, writing, listening, speaking and the advanced skill of translation.

In the book, students are supposed to face up to more complex structures excerpting from domestic and foreign magazines. Dealing with domestic and foreign magazines not only widens students' knowledge of update and heightens students' level of vocabulary but also helps them approach newspaper - style texts so that they can indulge themselves to the culture, the style that, I hope would be useful for higher level - Eng. 207C, Eng. 207D - and after graduation. The units and selections in the book are within the students' interested fields: diplomatic, culture, education, common science, etc. Most of terms are included in the section following the texts and, as many other books of Grammar - Translation method which used notes as devices of guiding, they are selected in such a way students find it easy to bear in their memory. The level of vocabulary is raised to that of 3,000 which goes with intermediate students or sophomores. Simultaneous Interpretation lessons are edited after the Interac-

tive Approach which is very popular in America nowadays. Students who perform Simultaneous Interpretation are expected not to use any materials so that they can build reflex attributes for their own.

Phrasal verbs which are very common in English and introduced in Eng. 207A now are varied - to some extent - in the forms of PATTERNS. Practicing these patterns would help students drill systematically and then gain reflex habit whenever they deal with similar situations in both oral and written forms.

There, certainly, are many shortcomings of some sorts in the book and all comments are welcomed.



Acknowledgements

Grateful acknowledgement is made to the following teachers for their enthusiastic assistance without which this booklet might not come into life:

Le Thi Thanh, Dean of the Department of Foreign Languages.

Dinh Trong Khang, vice Dean of the Department of Foreign Languages.

Le Hong An, Instructor.

Le Thi Bao, Instructor.

Nguyen Vu Phuong Thao, Instructor.

Pham Thi Xuan Hong, Instructor.



Course outlines

AIMS:

Present some advanced units in the business, economic, foreign trade fields to upgrade students' skills of translation in both oral and written forms after they finish intermediate courses.

SPECIFIC OBJECTIVES:

Students are expected to:

* Interpret some business situations from the target language into the source language and oppositely with understandable pronunciation, intonation, and acceptable fluency, simultaneity.

* Perform group interpretation in listening tasks, being aware of each individual portion in the exercise.

* Present academic written forms of translation with varieties of domestic and foreign newspaper-style texts.

* Understand and use some English and Vietnamese authentic terms and concepts in the fields of economy, business, and foreign trade.

* Receive some practical, specific knowledge of the above-mentioned fields.

* Know how to analyze some relatively complicated structures in both languages to apply to simultaneous and written translation.

Suggested schedule

Week 1: Introduction

Lesson 1 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 1: Selection 1 (submitted week 2)

Week 2 : Collect Home Assignment 1

Unit 1 VIE-ENG Oral Translation

Unit 1 VIE-ENG Written Translation

Students prepare Unit2.VIE-ENG Written Translation
(to be corrected week 4)

Week 3 : Return Home Assignment 1

Correct Home Assignment 1

Lesson 2 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 2: Selection 2 (submitted week 4)

Week 4 : Collect Home Assignment 2

Unit 2 VIE-ENG Oral Translation

Unit 2 VIE-ENG Written Translation

Students prepare Unit 3 VIE-ENG Written Translation
(to be corrected week 6)

Week 5 : Return Home Assignment 2

Correct Home Assignment 2

Lesson 3 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 3: Selection 3 (submitted week 6)

Week 6 : Collect Home Assignment 3

Unit 3 VIE-ENG Oral Translation

Unit 3 VIE-ENG Written Translation

Students prepare Unit 4 VIE-ENG Written Translation
(to be corrected week 9)

Week 7 : Return Home Assignment 3

Correct Home Assignment 3

Lesson 4 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 4: Selection 4 (submitted week 9)

Week 8: Midterm Examination

Week 9 : Collect Home Assignment 4

Unit 4 VIE-ENG Oral Translation

Unit 4 VIE-ENG Written Translation

Students prepare Unit 5 VIE-ENG Written Translation
(to be corrected week 11)

Week 10: Return Home Assignment 4

Correct Home Assignment 4

Lesson 5 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 5: Selection 5 (submitted week 11)

Week 11: Collect Home Assignment 5

Unit 5 VIE-ENG Oral Translation

Unit 5 VIE-ENG Written Translation

Students prepare Unit 6 VIE-ENG Written Translation
(to be corrected week 13)

Week 12: Return Home Assignment 5

Correct Home Assignment 5

Lesson 6 ENG-VIE Oral Translation

Home Assignment 6: Selection 6 (submitted week 13)

Week 13: Collect Home Assignment 6

Unit 6 VIE-ENG Oral Translation

Unit 6 VIE-ENG Written Translation

No Home Assignment

Week 14: Return Home Assignment 6

Correct Home Assignment 6

Lesson 7 ENG-VIE Oral Translation

No Home Assignment

Week 15: Review for Final Examination

Week 16: Final Examination

NOTES

6 Home Assignments will be scored as Class Activity.

5 VIE-ENG Written Translation Units will be corrected in class with or without scores.

Teachers are free to choose their favorite lessons

Class Activity + Midterm Exam : 20%

Final Exam : 80%

Liaison interpretation

Unit	Vocabulary	Language structure	Week
1	A&G. ltd., enterprises, hospitality	It's kind of you to... N clause	1
2	Infrastructure, miss the plane	As + adj + as, because of	3
3	Resort, to be bogged down	Passive voice, N clause	5
4	To be numbered alphabetically	Kinds of conjunctions	7
5	Feel at ease, woolen products	It's + adj - for us to...	9
6	Factory – forming decision, furnace	Put aside, passive voice	11
7	Division, decorative lights	Clauses of results	13
	REVIEW		15





**ENGLISH-VIETNAMESE
SIMULTANEOUS TRANSLATION**

Listening Approach

***CÁC BƯỚC LUYỆN NGHE DỊCH TẠI LỚP
LISTENING-INTERPRETATION PROCEDURES***

CÁC BƯỚC LUYỆN NGHE DỊCH - TỰ HỌC

- Học viên lập nhóm 2, 3 người.
- Học viên học thuộc các notes trước khi nghe TAPE.
- Học viên đọc 3 lần để học cách phát âm (hoặc tra tự điển).
- Học viên nghe lần 1 để nắm đại ý.
(KHÔNG ĐƯỢC DÙNG SÁCH)
- Học viên nghe lần 2, dịch từng câu, hoặc từng mệnh đề.
- Học viên thực tập ít nhất 3 lần trước khi tham khảo Scripts, đáp án.

LƯU Ý: Đối với phần VIỆT-ANH, 1 học viên đọc phần tiếng Việt, các học viên khác không sử dụng sách, chỉ lắng nghe, nhớ ý và cố gắng dịch. Cần rất chú ý đến phát âm, ngữ điệu và ngữ nghĩa. Không chú ý đến tốc độ phiên dịch, vì tốc độ sẽ tự động được nâng cao.

HỌC TẠI LỚP

- Sinh viên học thuộc các notes trước khi nghe TAPE.
- Sinh viên đọc theo GV 3 lần để học cách phát âm (hoặc tra tự điển).
- Sinh viên nghe lần 1 để nắm đại ý. (**KHÔNG ĐƯỢC DÙNG SÁCH**)
- 1 nhóm sinh viên khá dịch mẫu trước lớp, GV sửa lỗi.
- Sinh viên chia thành nhóm nhỏ (group work) nghe băng dịch với nhau.
- Các nhóm sinh viên thay nhau nghe dịch trước lớp. (Nếu có thể dùng 1 máy khác thu lại để SV về nhà tự sửa).

LƯU Ý:

1. Giáo viên nên chuẩn bị microphone.
2. Giáo viên có thể sửa đổi vài chi tiết về cấu trúc hoặc từ vựng trong câu gốc khi sinh viên đã nắm vững bài (communicative drills).



***SIMULTANEOUS TRANSLATION
ENGLISH – VIETNAMESE***

LESSON 1: Scientists Make Copy of Animal

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Scotland

Shocked the world: *làm thế giới kinh ngạc*

Exact copy of an adult animal: *bản sao chính xác của con vật trưởng thành*

Clone: *sinh sản vô tính, nhân bản*

Ian Wilmut, Roslin Institute in Edinburgh

Did the experiment: *thực hiện thí nghiệm*

Doctor Wilmut: *Tiến sĩ Wilmut*

Genetic material: *chất liệu di truyền*

A sheep's egg: *trứng của cừu (trong buồng trứng)*

DNA: *ADN (Deoxyribonucleic Acid)*

Cells: *tế bào*

Breast: *vú*

Removed the nucleus: *tách nhân (tế bào)*

Linked: *liên kết*

Egg cell: *tế bào trứng*

Breast cells: *tế bào vú*

Grew into an embryo: *phát triển thành 1 phôi*

Female sheep: *cừ cái*

Gave birth to a healthy lamb: *sinh ra 1 cừu con khỏe mạnh*

Medical research: *nghiên cứu y học*

Cows: *bò cái*

In danger of disappearing: *có nguy cơ tuyệt chủng*

Oregon, President Clinton



LESSON 2: *Men's And Women's Brains*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Yale University

Brains: *não*

Special device: *thiết bị đặc biệt*

Magnetic resonance imaging x-ray: *máy cộng hưởng từ quang tuyến X*

Thinking tasks: *công tác suy nghĩ*

Words that mean nothing: *từ vô nghĩa*

Sound the same: *có âm giống nhau*

Make the sound of the letter groups: *phát âm cả tổ hợp từ*

Perform the task correctly: *thực hiện công tác chính xác*

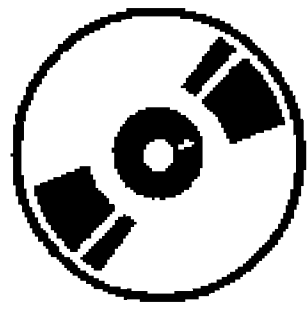
Front of the left side: *phần trước bên trái*

Dyslexia, reading problem: *bệnh khó đọc*

Separating the sounds: *phân biệt các âm*

Groups of letters: *các nhóm mẫu tự*

Bennett Shaywitz and Sally Shaywitz, "Nature"



LESSON 3 : *Nicotine and The Brain*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Nicotine: *chất nicotine*

Chemical: *hoá chất*

Tobacco: *thuốc lá*

Makes it hard for people: *làm người ta thấy khó*

The American Medical Association: *Hiệp Hội Y Học Mỹ*

The most powerful: *mạnh nhất*

Make people dependent: *làm người ta nghiện thuốc*

Affects the brain: *tác động đến não*

Lead to new ways: *dẫn đến các phương pháp mới*

Heart rate: *nhịp tim*

Restricts the flow of blood: *cản trở máu lưu thông*

Central nervous system: *hệ thần kinh trung ương*

Their memory improves: *trí nhớ minh mẫn*

Well-established: *cụ thể*

Heart disease: *bệnh tim*

Lung cancer: *ung thư phổi*

Low birth weight: *sinh con nhẹ cân*

The leading preventable cause of death: *nguyên nhân gây tử vong hàng đầu*

Columbia University: *DH Columbia*

Experimented: *thí nghiệm*

Chickens: *gà*

Nerve cells: *tế bào thần kinh*

Molecular receptors: *vùng tiếp nhận phân tử*

Are not designed to receive nicotine: *không được tạo ra để nhận nicotine*

The release of the chemical Glutamate: *việc tiết chất Glutamate*

Carries messages: *mang các thông điệp*

Alzheimer's disease: *bệnh Alzheimer (rối loạn thần kinh, giảm trí nhớ)*



LESSON 4: *Personality Gene Update*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Influences personality: *ảnh hưởng đến cá tính*

Feelings and thoughts: *tình cảm và tư tưởng*

Israel and the United States

The gene D4DR: *loại gen D4DR*

Novelty seeker: *người bốc đồng*

Excited quickly: *dễ kích động*

Act before thinking: *hành động trước khi suy nghĩ*

Slow to anger: *ít khi nổi nóng*

Finland, Finnish men: *Phần Lan, người Phần Lan*

Considered normal: *được xem là bình thường*

Mental health experts: *chuyên gia thần kinh*

Criminals: *tội phạm*

Measured the gene D4DR: *đo đếm gen D4DR*

The magazine "Molecular Psychiatry": *tên tạp chí*



LESSON 5 : *Older Mother*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

The oldest known woman: *phụ nữ lớn tuổi nhất (từng được biết)*

Gave birth to: *sinh ra*

Took part in: *tham dự*

Become pregnant: *có thai*

As part of the treatment: *theo chương trình điều trị*

Series of drugs: *một loạt thuốc*

University of Southern California at Los Angeles

Lied about her age: *khai gian tuổi*

Has not been identified: *giấu tên*

To protect her privacy: *bảo vệ đời tư*

Fertilized eggs: *trứng thụ tinh*

Sperm: *tinh trùng*

Uterus: *dạ con, tử cung*

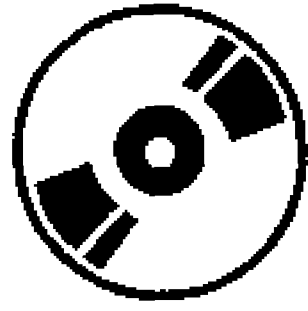
The first three efforts failed: *3 lần đầu thất bại*

Admitted: *thú nhận*

Breastfeeding: *cho bú (sữa mẹ)*

Well past menopause: *đã mãn kinh*

Ovaries: *buồng trứng*



LESSON 6: *Mice and Mothering Gene*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Reaction: *phản ứng*

Care for their babies: *chăm sóc con*

Show no interest: *thờ ơ, không quan tâm*

Leave them alone: *bỏ rơi con*

Complex actions: *phản ứng phức tạp*

Gene Fos –B

“Immediate early gene”: *gen đầu tiên*

Changes in light levels: *thay đổi cường độ ánh sáng*

The sight and smell: *thị giác và khứu giác*

Children’s Hospital: *BV nhi đồng*

Boston, Massachusetts. Jennifer Brown.

Havard Medical School: *ĐH Y khoa Havard*

Turfs University

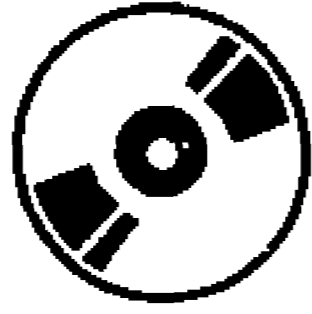
The goal: *mục đích*

Make nests: *làm ổ*

Gathering their young together: *gom con lại*

Abnormal mice investigate: *các con chuột bất bình thường thăm dò*

Were physically able to care for: *về mặt vật chất có thể chăm sóc*



LESSON 7: *Studying earthquakes from space*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Dealing with earthquakes: *đối phó động đất*

Satellites: *vệ tinh*

Watch for very small movements: *theo dõi các chuyển động rất nhỏ*

Surface of the earth: *bề mặt trái đất*

Asia-Pacific area: *khu vực châu Á – Thái Bình Dương*

“Ring of Fire”: *vùng lửa*

Active volcanoes: *núi lửa đang hoạt động*

San Andreas fault: *vết nứt San Andreas*

Rock formations: *các tầng đá*

Tectonic plates: *địa tầng*

Float about: *trôi dạt*

Crashing: *va chạm*

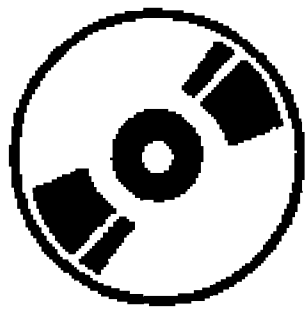
Pressure builds along the faults: *áp suất xuất hiện dọc theo các vết nứt*

Global Positioning System: *hệ thống định vị toàn cầu*

Orbit the earth: *quay quanh trái đất*

Soldiers, sailors: *binh lính, thủy thủ*

Observations: *quan sát*



LESSON 8: *Water on the moon?*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

What may be ice: *những gì có thể là băng*

Spacecraft called Clementine: *tàu không gian Clementine*

Defense Department project: *dự án bộ Quốc Phòng*

Orbited the moon: *quay quanh mặt trăng*

Radar waves: *sóng ra đa*

South Pole: *nam cực*

Appear to show the existence: *dường như có sự hiện diện*

Water molecules: *phân tử nước*

Mercury, Mars, Jupiter: *sao Thủy, sao Hỏa, sao Mộc*

Comet: *sao chổi*

Frozen lake: *hồ bị đóng băng*

The ice probably is left: *băng có lẽ còn sót lại*

Shines: *chiếu sáng*

Temperature: *nhiệt độ*

Degree Celsius: *độ C*

Trapped: *bị giữ*

Escape: *thoát ra*

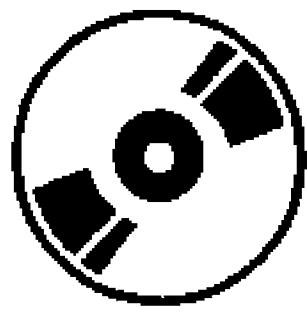
Launch a satellite called Lunar Prospector: *phóng vệ tinh tên LP*

Instruments: *thiết bị*

Paul Spudis

Lunar and Planet Institute: *Viện nghiên cứu mặt trăng
và hành tinh*

Rice University in Houston, Texas



LESSON 9: *Space Snowballs*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Small comets: *các sao chổi nhỏ*

Upper atmosphere: *thượng tầng khí quyển*

Space objects: *thiên thể*

Filled the oceans: *làm đầy các đại dương*

NASA's Polar satellite: *vệ tinh vùng cực của cơ quan không gian Mỹ*

American Geophysical Union: *Liên đoàn Địa Vật Lý Mỹ*

Louis Frank. University of Iowa. Robert Hoffman

Led the team: *cầm đầu toán nghiên cứu*

Astronauts: *phi hành gia*

Snowballs: *quả cầu tuyết*

Organic matter: *chất hữu cơ*

Inorganic matter: *chất vô cơ*

Melt into clouds of water gas: *tan thành các đám mây hơi nước*

Speed toward: *lao nhanh về*

Visible Imaging System: *Hệ thống quan sát hình ảnh*

Ultraviolet: *tia cực tím*

Dark circles: *các vòng tối*

Dynamics Explorer One satellite: *tên vệ tinh (Nhà Thám Hiểm 1)*

Atmospheric holes: *lỗ khí quyển*

Broke apart: *vỡ tan*



LESSON 10: *Earliest life*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Pieces of Earth's oldest known rocks: *các mẫu đá xưa nhất của trái đất*

Akilia island in southwestern Greenland: *đảo Akilia*

Under great pressure: *dưới áp suất lớn*

Locked carbon inside calcium phosphate crystals: *nhốt carbon bên trong các tinh thể calcium phosphate*

Shoots cesium ions: *bắn các ion cesium*

Free the rock's carbon ions: *phóng thích các ion carbon*

Carbon – 12. Carbon 13

Processed by living things: *tạo ra bởi các sinh vật*

Publication "Nature": *tạp chí "Tự nhiên"*

After the planet formed: *sau khi hành tinh hình thành*

Remains of bacteria: *di tích của vi khuẩn*

Asteroids: *thiên thạch*



LESSON 11 : *Dinosaurs and birds*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes

Dinosaur : *khủng long*

Fernando Novas, Pablo Puerta

Museum of natural history: *viện bảo tàng lịch sử tự nhiên*

Buenos Aires: *thủ đô Argentina*

Patagonian paleontological museum: *bảo tàng đồ đá cũ Patagonia*

The national geography society: *hội địa chất QG*

Pieces of bones: *mảnh xương*

Fossils: *hoá thạch*

Ostrich: *đà điểu*

“*unenlaga comahuensis*”: *half-bird*

Mapuche

Shoulders, arms: *vai, cánh tay*

In much the same way

Chimpanzee: *hắc tinh tinh*



LESSON 12 : *Growing vaccines in food*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Be injected into: *được tiêm vào*

Genetically-changed foods: *thực phẩm biến đổi di truyền*

Preventing diarrhea: *ngừa tiêu chảy*

Are taking place: *đang diễn ra*

Boyce Thompson Institute for Plant Research : *Viện nghiên cứu cây trồng BT*

Cornell university in New York

Enteric disease: *bệnh đường ruột*

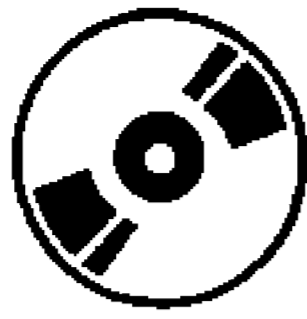
Cholera: *dịch tả*

Rockefeller Foundation: *Hội Rockefeller*

Ithaca, New York

Controlled temperatures: *nhiệt độ được kiểm soát*

Survived the long local winter: *sống sót qua mùa đông dài ở địa phương*



LESSON 13: *Cleaning water*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

Wastecrop material: *phế liệu nông sản*

Jacob Lefeld

Agricultural Research Service: *Sở Nghiên Cứu Nông Nghiệp*

Corn bran: *cám bắp*

Remove lead: *tách chì*

National center for agricultural utilization research in Peoria, Georgia: *Trung tâm QG nghiên cứu ứng dụng nông nghiệp ở Peoria, Georgia*

Phytic acid: *acid phytic*

Solid substance: *chất rắn*

Resin: *nhựa*

Oil-based resin: *nhựa gốc dầu*

Chromium and copper: *crôm và đồng*

Rust: *rỉ sét*

Food oil: *dầu ăn*

Corn steep liquor: *rượu bắp*

Starch: *tinh bột*

Zinc: *kẽm*

Pass through: *đi qua*

Hog: *heo*

Crushed corncob: *lõi ngô*

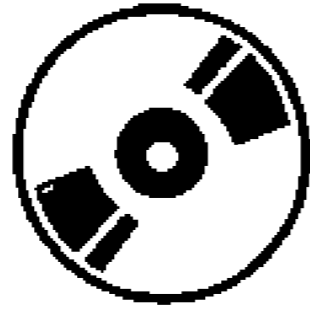
Oat: *lúa mạch*

Soy hull: *vỏ đậu nành*

Sugarbeet pulp: *xác củ cải đường*

Insect killer Atrazine: *thuốc trừ sâu Atrazine*

Cadmium



LESSON 14: *Rain forest cafe*

(Students are required (a) to learn by heart all the notes before listening, (b) to practice interpretation 3 times before referring to the scripts)

Notes:

McLean, Virginia

Waterfall: *thác*

Gorilla: *khỉ đột*

Peter Kasiotis, Steve Schussler

Dolphin: *cá heo*

Minneapolis, Minnesota

Mall of America: *đại siêu thị America*

Martin O'dowd

World Wildlife Fund: *Quỹ động vật hoang dã TG*

Conservation International: *Hội bảo tồn tự nhiên QT*

Rain Forest Action Network: *mạng lưới bảo vệ rừng nhiệt đới*



**VIETNAMESE - ENGLISH
SIMULTANEOUS INTERPRETATION**

LIAISON INTERPRETATION

LESSON 1

Characters: Interpreter, Allan Head, Nguyen Khanh

I: Excuse me, sir. Are you Allan Head from A&G Ltd..

AH: Yes, I'm Allan Head from A&G Ltd.. Are you Mr. Khanh?

I : No, I'm not. I'm Sinh. This is Mr. Khanh, Deputy Director of Phong Phu textile mill. We all come here especially to meet you.

AH: How do you do? I'm honored you come to meet me.

I:

NK: Xin chào ông. Rất hân hạnh được gặp ông.

I:

AH: Nice to meet you, too. I'm happy to have a chance to visit a nice country like VN and to meet nice people like both of you.

I:

NK: Không dám, việc ông đến thăm làm chúng tôi rất sung sướng. Chúng tôi hy vọng ông sẽ được hài lòng trong thời gian ở VN.

I:

AH: Your country is a lovely one. It's not the first time I come here. I already came to Hanoi in 1998. At the time, I had a good time of sight-seeing.

I:

NK: Vâng Hà Nội có nhiều cảnh đẹp. Ông đã đến thành phố Hồ Chí Minh bao giờ chưa?

I:

AH: No, I haven't got any chance to come to Ho Chi Minh City but I'm told that Ho Chi Minh City is a big one in South East Asia. It has many successful enterprises.

I:

NK: Chúng tôi hy vọng sẽ đưa ông đi tham quan thành phố khi ông có thời gian. Từ bây giờ, ông Sinh sẽ là phiên dịch viên cho ông. Ông Sinh trẻ tuổi và rất thông minh. Chúng tôi hy vọng ông sẽ hài lòng với khả năng của ông ấy.

I:

AH: Thank you very much for this nice young man. I hope my visit will not give you too much trouble.

I:

NK: Không có gì phiền phức đâu. Chúng tôi mời ông đến và đương nhiên ông là khách của chúng tôi. Dân tộc VN rất hiếu khách. Ông đừng lo gì cả.

I:

AH: It's kind of you to say so. Thank you very much.

I:

NK: Không có chi. Ông có gặp khó khăn gì ở phòng Hải quan không?

I:

AH: Ah, yes, my computer was held for a while for checking up. Can you help me to get it back soon?

I:

NK: Vâng. Để tôi giúp ông việc đó. Bây giờ mời ông đi theo chúng tôi. Xe chúng tôi chờ ở đằng kia.

I:

AH: OK. Let's go.

I:

NK: Ông có mệt lắm không? Để tôi xách dùm ông chiếc vali này nhé.

I:

AH: Oh no, I can do it myself. I'm not very tired because I used to travel a lot for my business.

I:

NK: Ông thấy thời tiết ở thành phố Hồ Chí Minh ra sao? Có nóng lắm không?

I:

AH: The summer in my home town is much hotter. Don't worry. I get no problem with this kind of weather.

I:

NK: Bây giờ chúng tôi sẽ đưa ông về khách sạn River Side. Khách sạn này nằm cạnh bờ sông Sài Gòn, ngay trung tâm thành phố. Ngày mai chúng ta sẽ lại gặp nhau và hy vọng việc làm ăn của chúng ta sẽ được tốt đẹp.

LESSON 2

Characters: Interpreter, Allan Head, Nguyen Khanh

AH: Hello, Mr. Nguyen Khanh, nice to meet you again. According to my schedule, we will have a visit to your factory in Thu Duc this morning, right?

I:

NK: Đúng vậy, sáng nay chúng ta sẽ đi đến Thủ Đức thăm nhà máy. Xin lỗi, ông đã dùng điểm tâm chưa? Nếu ông chưa dùng chúng ta sẽ xuống nhà hàng ở tầng trệt. Nhà hàng này có các món ăn Châu Âu. Tôi hy vọng ông sẽ thích.

I:

AH: No, thanks. I have already got my breakfast. How long does it take from here to Thu Duc?

I:

NK: Nếu không có kẹt xe chúng ta sẽ đến đó trong vòng 20 phút. Bây giờ là 7:10. Chúng ta sẽ khởi hành vào lúc 7:20 và sẽ đến nhà máy dệt Phong Phú vào khoảng 7:40. Ông không có gì phải vội vàng. Chúng ta còn 10 phút để chuẩn bị.

I:

AH: OK, I have some errands to do. Would you please wait for me a moment? I'll be back soon.

I:

NK: Xin cứ tự nhiên.

I:

AH: By the way, may I ask you a question? You've just mentioned the traffic jams. Is it as hard as it is in Thailand? I came to Thailand several times and I must say that though the infrastructure (cơ sở hạ tầng) in Bangkok is good, traffic jams usually take a lot of our time.

I:

NK: Tôi cũng đã đến Thái Lan cách đây 3 tháng. Lần đó tôi bị lỡ chuyến bay vì bị kẹt xe 3 tiếng đồng hồ. Ở thành phố Hồ Chí Minh, nạn kẹt xe chỉ xảy ra vào giờ cao điểm (rush hour). Và thông thường nó chỉ kéo dài khoảng 30 phút.

I:

AH: Before coming here, I learnt from newspapers that there used to be traffic jams after heavy rains in Hanoi and in Ho Chi Minh City.

I:

NK: Đúng vậy, hệ thống thoát nước (the sewage system) của 2 thành phố này không được tốt lắm. Một vài con đường bị ngập lụt sau những cơn mưa lớn, xe cộ đi lại không được nên xảy ra kẹt xe. Chính phủ VN đang cải tạo (to improve) hạ tầng cơ sở để thu hút đầu tư nước ngoài (to attract foreign investment). Dự án Nhiều Lộ đang được

triển khai. Sau khi hoàn thành, sẽ không còn nước ngập trên đường phố nữa (street-floods).

I:

AH: I also learnt from newspapers that Hang Xanh intersection where vehicles from provinces in the north and the east gathered in high condensity and that causes traffic jams. Does your government have any projects to improve the situation for the better?

I:

NK: Nạn kẹt xe ở Hàng Xanh đã giảm rất nhiều. Việc kẹt xe ở đó cách đây 2 năm rất là trầm trọng. Bây giờ các xe tải không được vào thành phố vào giờ cao điểm nên có rất ít kẹt xe.

I:

AH: Thank you very much for your talks. Are we leaving right now?

I:

LESSON 3

Characters: Interpreter, Allan Head, Nguyen Khanh

AH: What a big building! I'm surprised for what I see is somewhat different from what I heard of.

I:

NK: Nhà máy của chúng tôi được thành lập cách đây 40 năm. Lúc đó ở đây không có nhà cửa. Một doanh nhân đã mua khu vực này với giá rẻ. Ông ta chia miếng đất ra làm 2 phần. Một phần ông xây khu giải trí (resort), một phần ông ta xây nhà máy dệt (textile mill).

I:

AH: Oh, I see. Where is the resort?

I:

NK: Khu giải trí lúc đầu thì sinh lợi, nhưng vì có chiến tranh nên bị ế ẩm (to be bogged down). Nhà máy dệt thì vẫn hoạt động bình thường. Nó đem lại cho người chủ một số lợi tức lớn.

I:

AH: And where is the businessman?

I:

NK: Sau ngày giải phóng (after liberation), ông ta và gia đình rời VN đi Úc. Chính quyền mới tiếp quản (took over) nhà máy này và giao cho chúng tôi điều hành.

I:

AH: Have you made any renovation since then?

I:

NK: Chúng tôi đã tu bổ (to repair) thêm nhiều. Chúng tôi đã xây thêm 2 phân xưởng nhuộm (dyeing division). Năm 1986, chúng tôi xây thêm 2 phân xưởng dệt (weaving division). Các máy dệt cũ (old looms) đã được thay thế bằng các máy dệt hiện đại của Hàn Quốc và Nhật Bản. Chốc nữa ông sẽ nhìn thấy chúng.

I:

AH: How many workers do you have?

I:

NK: Nhà máy chúng tôi có 7.000 công nhân. Đa số công nhân là nữ. Có 5.500 công nhân ở các phân xưởng dệt. 200 công nhân ở bộ phận cơ khí (mechanical section). 260 người ở bộ phận hành chính tổng hợp (General Affairs section). Có khoảng 900 người ở các phân xưởng khác như phân xưởng nhuộm, phân xưởng in hoa (dyeing, printing divisions). Số còn lại làm ở bộ phận nhà bếp, bảo vệ, chuyên chở, v.v.

I:

AH: What are the staff in the General Affairs section doing?

I:

NK: Bộ phận hành chính tổng hợp gồm các phòng kế toán, phòng tài vụ (finance department), phòng quản trị, v.v.

I:

AH: Your ways of organization are different from ours.

I:

NK: Xin ông cho biết ý kiến.

I:

AH: In our organization, especially in textile industry, the number of white-collar workers is about 2% compared to the blue-collar workers. Fewer staff means less payment. And the staff have to work harder to get higher salary.

I:

NK: Cám ơn ông đã cho ý kiến. Chúng tôi đã thực hiện tinh giản biên chế (retrenchment) nhiều lần. Mỗi lần chúng tôi đều chuyển nhân viên dôi ra (extra staff) cho các phân xưởng sản xuất. Bây giờ công việc rất nhiều. Chúng tôi không thể thực hiện tinh giản biên chế được nữa.

I:

AH: Do you supply your staff any refreshment courses? How many times a year?

I:

NK: Chúng tôi có tổ chức các khóa bồi dưỡng cho nhân viên văn phòng mỗi năm 1 lần. Ngoài ra họ còn phải học các môn bắt buộc (compulsory courses) như vi tính, Anh văn.

LESSON 4

Characters: Interpreter, Allan Head, Nguyen Khanh

NK: Đây là sơ đồ nhà máy chúng tôi. Có tổng cộng 16 khu vực được đánh số theo mẫu tự ABC (to be numbered alphabetically). Chúng ta đang ở trong khu vực A, tức là khu vực hành chính tổng hợp (General Affairs area).

I:

AH: I see. And what are the B and C areas?

I:

NK: Đó là phân xưởng cơ khí và phân xưởng kéo sợi (spinning division). Bây giờ chúng ta vừa đi tham quan vừa cầm sơ đồ xem. Như vậy ông sẽ hiểu rõ hơn. Xin mời ông bước lên xe.

I:

AH: After you, please. Oh, if I'm not mistaken, these roads are newly rebuilt, aren't they?

I:

NK: Vâng, mỗi năm chúng tôi đều dành 1 khoảng kinh phí (fund) cho việc tu bổ đường sá, cây cối.

I:

AH: These kinds of trees are beautiful. I'm really impressed with these tropical trees. They give me a feeling of peace and they also remind me of Singapore, the country I love to work in. In Singapore, the city is clean and tidy. Littering can be fined up to 500 USD. You can see flowers everywhere in the city. There are thousands kinds of flowers, especially orchids (phong lan). You know orchids? They are arranged according to the specific scenery. Have you ever been to Singapore?

I:

NK: Đúng vậy. Tôi cũng có dịp đi Singapore rồi. Hoa ở đó được bố trí rất đẹp. Chúng tôi cũng cố gắng bắt chước tạo phong cảnh theo phong cách Singapore.

I:

NK: Xin mời ông xuống xe thăm phân xưởng cơ khí và phân xưởng kéo sợi của nhà máy chúng tôi. Xin ông đi lối này.

I:

NK: Đây là các máy tiện (lathes). Công nhân ở đây chỉ làm 2 ca (shifts). Mỗi ca là 8 giờ đồng hồ, chứ không phải làm 3 ca như các phân xưởng khác.

I:

AH: What is the main function of this division? There are so many workers over here.

I:

NK: Các công nhân này sửa chữa các bộ phận cơ khí đã bị hỏng. Đồng thời bảo trì tất cả các thiết bị (device) trong nhà máy. Vào thời bao cấp (totalitarianism), chúng tôi

không có khả năng thay đổi máy tốt. Mà máy cũ thì thường hay hư hỏng. Phụ tùng (spare parts) thì đắt đỏ và khó kiếm. Chúng tôi tự tạo lấy phụ tùng để thay thế, cho nên công nhân cơ khí rất đông và phải làm việc 3 ca. Bây giờ chúng tôi nhập toàn bộ máy hiện đại cho nên ít bị hư hỏng. Công nhân giảm nhiều và chỉ làm việc 2 ca.

IL:

NK: Bây giờ mời ông sang phân xưởng kéo sợi.

I:

NK: Xin ông mang khẩu trang (gauze mask) vào. Đây là quy định của phân xưởng. Mặt hàng truyền thống (traditional merchandise) của chúng tôi là sợi Calico và sợi Peco (Calico yarn). Như ông biết sợi Calico gồm 100% cotton, sợi Peco gồm 45% Polyester.

I:

AH: I heard of your popular Polyester merchandise. Can I see Polyester or Nylon spinning machines?

I:

NK: Các sản phẩm Polyester và Nylon của chúng tôi rất nổi tiếng. Nhưng thực ra thì sợi được nhập từ Đài Loan. Chúng tôi đã thí nghiệm kéo sợi Poly nhiều lần nhưng chưa thành công.

I:

LESSON 5

Characters: Interpreter, Allan Head, Thắng

Thắng: Chào ông, tôi là Thắng, trưởng phòng kinh doanh nhà máy dệt Phong Phú.

I:

AH: How do you do? I'm Allan Head from A&G Ltd. Here's my name card.

I:

Thắng: Xin cảm ơn ông. Và đây là danh thiếp của tôi. Xin mời ngồi.

I:

AH: Thanks. I already got your catalogues 2 days ago. I have to say that after the factory tour accompanied by Mr. Nguyen Khanh, I feel at ease (thoải mái) for finding out a right counterpart.

I:

AH: Now, I'll tell you my mind. There are some differences on what presented in the showroom and what presented in your catalogues, specially, woolen products.

I:

Thắng: Thực sự là không có gì khác nhau đâu. Mặt hàng áo lạnh của chúng tôi bán rất chạy ở các nước Bắc Âu đấy.

I:

AH: What is your market share in the North European countries?

I:

Thắng: Gần 5%. Con số này không nhỏ nếu ông biết rằng thị trường Bắc Âu là 10 tỷ đô la.

I:

AH: Your average wholesale price is USD 20 per unit. Is it CIF London Port Incoterms 1990? (charge, insurance, freight; giá CIF theo quy định Incoterms 1990)

I:

Thắng: Thưa vâng.

I:

AH: I'd appreciate if you could bring the price down.

I:

Thắng: Số lượng đặt hàng ban đầu của ông là bao nhiêu?

I:

AH: Our first order could be 100,000 units. How much can you down the price?

I:

Thắng: Chúng tôi có thể bán với giá 18 USD 1 đơn vị sản phẩm, nếu số lượng đặt hàng là 150.000 đơn vị.

I:

AH: It's difficult for us to order such a number. How about 17 USD? If it's OK, we both could sign the contract today, because I still have something to do.

I:

Thắng: Xin lỗi ông. 17 đô la thì khó cho chúng tôi lắm. Giá của chúng tôi có thể cạnh tranh với giá của Trung Quốc ở Bắc Âu đấy.

I:

Thắng: Chúng tôi cho rằng giá 18 đô la là giá cạnh tranh nhất rồi. Thực tình chúng tôi đâu có lời bao nhiêu. Chất lượng sản phẩm thì tốt y như hàng mẫu ở cửa hàng trưng bày sản phẩm mà ông đã xem.

I:

AH: OK. We put it aside for a moment so that I can have time thinking of it. What do you think about my offered chemicals (hoá chất chúng tôi chào hàng)?

I:

Thắng: Chúng tôi đã xem hàng mẫu (samples) của ông. Chúng tôi có thể mua với giá 50 USD 1 ký. Giá CIF giao tại cảng Sài Gòn. Đợt hàng đầu tiên là 10 tấn.

I:

AH: Our wholesale price is 60 USD per kilogram. Now let's go fifty-fifty. Make it 55 USD per kilogram.

I:

Thắng: Chúng tôi sẵn lòng mua hóa chất của ông với giá đó, với điều kiện là ông phải mua hàng len của chúng tôi với giá 18 USD một đơn vị sản phẩm. Số lượng đặt hàng đầu tiên là 150.000 đơn vị.

I:

AH: OK. That's a deal. The contract will be in English and will be made into 6 copies, 3 copies for each party.

I:

AH: And if there is nothing else, I should report to my headquarter in New York first to get the approvals from my boss. I guess we should put an end to our negotiations right now, because I have to say good-bye soon. We'll send you the contract tomorrow. Thanks for your time.

I:

LIAISON INTERPRETATION

UNIT 6: VISITING A FACTORY

Characters: A: Americans B: Vietnamese I: Interpreter

A: Good morning, Let's introduce ourselves. I'm John Stein. This is June Cardrill.

I:

B: Xin chào. Hân hạnh được biết quý vị. Còn tôi là Nguyễn Minh Cường, GD nhà máy thủy tinh Vạn An.

I:

A: As we already informed you last week, our purpose of this visit are: firstly, to see your factory's manufacturing capability; secondly, we want to see some of your documents before making a decision of signing the contract.

I:

B: Chúng ta sẽ có 60 phút đi tham quan các phân xưởng (divisions) của nhà máy. Sau đó chúng ta sẽ về lại văn phòng của tôi và tôi sẽ cho quý vị xem quyết định

thành lập nhà máy, một số hình ảnh về sự phát triển của nó, và các hợp đồng trước đây.

I:

A: Thank you, after you, please.

I:

B: Đây là lò (furnace) nấu thuỷ tinh. Nguyên liệu chính của thuỷ tinh là cát từ Cam Ranh. Chúng tôi sử dụng than đá Quảng Ninh để đốt lò. Than được vận chuyển đến nhà máy chúng tôi bằng tàu hoả.

I:

A: Can you tell me something about your workers' protective wears? Are these clothes good enough to protect them from the heat as well as the harmful chemicals?

I:

B: Vâng các bộ quần áo bảo hộ lao động kia tuy có vẻ đơn giản nhưng có tính cách nhiệt (insulation) rất tốt. Ngoài ra, lò hoạt động bán tự động nên công nhân không trực tiếp tiếp xúc với sức nóng trong lò. Lò được các chuyên gia Liên Xô cũ (Former Soviet Union) xây dựng cách đây 20 năm, và hiện đang trong tình trạng rất hoàn hảo. Năng suất của lò có thể đạt đến 4 tấn / ca. Còn một điều nữa là công nhân vận hành lò hoạt động 6 tiếng /ca chứ không phải 8 tiếng/ ca như các công nhân khác. Chúng tôi cũng có các khoản bồi dưỡng (refreshments) cho các công nhân vận hành lò.

I:

A: Could you please tell me about the total number of materials and products that your factory consumed and pro-

duced last year? Your answers surely help us have a good decision.

I:

B: Năm 1998, chúng tôi đã sử dụng hết 500 tấn than đá, 25.000 tấn cát, 14 tấn hoá chất các loại và sản xuất được 14.000 tấn thủy tinh. Trong đó 4.000 tấn dùng để cung cấp cho các nhà máy thủy tinh Gò Vấp và Khánh Hội. Số còn lại chúng tôi dùng để sản xuất các mặt hàng riêng của mình. Đặc biệt là kính xây dựng. Riêng mặt hàng này chúng tôi sản xuất không đủ cho nhu cầu thị trường. Trước mặt chúng ta là phân xưởng sản xuất kính xây dựng. Dây chuyền sản xuất (assembly line) này chúng tôi đã mua của Ý cách đây 3 năm. Theo dự tính sang năm sẽ thu hồi vốn. Chúng tôi sản xuất 3 loại kính: kính trắng, kính màu trà và kính màu xanh biển. Kính trắng và kính màu trà rất được thị trường trong nước ưa chuộng. Sang năm chúng tôi dự trù sẽ mở thêm một phân xưởng sản xuất kính xe ô tô.

UNIT 7: VISITING A FACTORY (cont.)

A : I'm well aware that Vietnamese government is trying to develop its infrastructure, firstly, to attract foreign investment; secondly, to give jobs to people. The unemployment rate in Vietnam is still very high, and I think that with the government's support in construction development, this unemployment rate will be slow down. Besides that, the government's encouragement in the construction field will surely help construction companies to develop fast. By the way, could you please tell me more about your construction glass and auto-glass?

I :

B : Như tôi đã nói lúc này, kính xây dựng đang là mặt hàng *bán chạy nhất* (best-seller) trong công ty chúng tôi. Hiện chúng tôi có 18 hợp đồng với các công ty xây dựng trong nước, thí dụ như Tổng công ty Xây dựng số 1 (General company of construction No. 1), Công ty Xây dựng Hà Thành, Công ty Xây dựng Hòa Bình, v.v... Theo như các hợp đồng này, chúng tôi phải cung cấp hàng triệu m² kính xây dựng mỗi năm. Trong đó kể cả kính 10 ly để làm cửa. Loại kính này chúng tôi sản xuất không có lời. Thứ nhất, đơn đặt hàng quá ít, *không đủ để chúng tôi sản xuất đại trà* (not enough for our mass production) và không đủ để

chúng tôi có thể *manh dạn đầu tư vào* (firmly invest in) dây chuyền sản xuất. Thứ hai, các công ty xây dựng thường đặt hàng ở các công ty Nhật, Hàn Quốc hay Trung Quốc nơi họ cho là chất lượng cao hơn, mặc dù giá kính xây dựng ở các quốc gia này đắt hơn nhiều. Thứ ba, vì chúng tôi không có *số lượng đặt hàng lớn* (big order) nên chúng tôi không thể nào đưa ra các *chương trình khuyến mãi thu hút* (good promotion program) được. Tại Hàn Quốc và Nhật, các công ty sản xuất kính xây dựng tặng cho đối tác của mình *một bộ tay nắm cao cấp* (a pair of luxurious handles) nếu họ mua 100m² kính. Tại Việt Nam, giá của bộ tay nắm này là khoảng 5 triệu đồng. *Đây cũng là lý do tại sao* (that's why) các Công ty Xây dựng Việt Nam thích mua kính 10 ly của các nhà sản xuất Hàn Quốc và Nhật. Thứ ba, chúng tôi không sản xuất được *bản lề sàn* (floor fringe). Đây là loại bản lề đặc biệt dùng cho cửa kính 10 ly, 12 ly. Các nhà sản xuất Hàn Quốc và Nhật có sản xuất loại bản lề này. Cho nên các công ty Xây dựng Việt Nam *cảm thấy tiện lợi hơn* (feel more convenient) khi mua kính ở các nhà sản xuất này. *Nói tóm lại* (to sum up), chúng tôi *khó lòng mà cạnh tranh với* (find it hard to compete with) các nhà sản xuất Hàn Quốc, Nhật đối với loại kính này.

I :

A : What about another special glass for *highrises* (cao ốc) that is presented in your catalogues? Do you know what I mean ?

B : Đó là kính cường lực (extensive glass). Chúng ta sẽ đi thăm khu vực sản xuất loại kính này sau. Đây cũng là loại sản phẩm đặc biệt mà chúng tôi đang đầu tư vào. Từ

nào đến giờ, chỉ có nhà máy kính Đáp Cầu ở miền Bắc Việt Nam là sản xuất loại kính này. Nhưng sản lượng của nhà máy cũng không cao lắm. Kính cường lực dùng để trang trí *mặt tiền* (the front) các tòa cao ốc. Vì *chức năng chủ yếu* (main function) của nó là *trang trí* (decoration) nên nó cần có nhiều màu sắc. Chúng tôi chỉ sản xuất được 4 màu: màu trắng, màu trà (brown), xanh biển và xanh lá. Hiện nay nhu cầu về kính xây dựng dùng để trang trí các cao ốc đã và đang tăng lên rất nhanh. Chúng tôi phải cố gắng *bắt lấy cơ hội này* (catch up this chance). Chúng tôi hy vọng sẽ đạt được 50% *thị phần* (market share) trong năm nay. Ngoài giá cả ra, kính cường lực phải đảm bảo được về cả tính thẩm mỹ (aesthetics) và *tính bền vững* (durability) nữa.

A : It seems to me that your factory has to *speed up* (đẩy mạnh) your *production output* (sản lượng) and to be ready for the competition with regional and international producers. Could you please tell me something more about Vietnam's *property market*? (thị trường bất động sản)

B : Thị trường bất động sản có liên quan mật thiết đến các công ty xây dựng và các nhà máy sản xuất kính. Hiện nay Nhà nước Việt Nam đang quản lý một *quỹ nhà đất rất lớn* (a big property fund). Các công ty đang cố gắng *lập các dự án xây dựng nhà ở* (make housing projects) để xin đất của Nhà nước. Sau đó họ xây nhà ở, chung cư (apartment houses) để bán lại cho *người có nhu cầu* (those who have a demand). Các công ty nhỏ hơn, *ít vốn hơn* (less capital) mua các khu đất nhỏ hoặc các căn nhà *hư hỏng, sụp xệ* (rickety house) để xây lại thành các *ngôi nhà nhiều tầng xinh đẹp* (beautiful multi-story houses). Vì nhu cầu về nhà ở và nhà cho thuê rất cao nên giá cả bất động sản đã liên

tục tăng vọt 10 năm nay. Chính phủ Việt Nam lo ngại việc giá đất tăng có thể *ảnh hưởng đến* (affect) đầu tư nước ngoài, vì thế họ đã *ban hành* (issue) nhiều *chính sách mới* (new policies) để ngăn chặn sốt đất. Các chính sách này cũng *phần nào ảnh hưởng đến* (more or less affect) các nhà sản xuất *vật liệu xây dựng* (building material) như chúng tôi.

UNIT 8: VISITING A FACTORY (cont.)

A: Do you intend to export your products to foreign markets? To some nations in ASEAN, for example?

I:

B: Dĩ nhiên đến một lúc nào đó thị trường trong nước đã đầy đủ thì chúng tôi phải tìm cách xuất khẩu sản phẩm của mình. Để làm được điều đó chúng tôi còn phải cố gắng rất nhiều: thứ nhất, chúng tôi chúng tôi phải nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm để có thể cạnh tranh với hàng Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan... Các sản phẩm loại 2 phải giảm đến mức tối thiểu (be minimized) để giảm bớt giá thành. Ngoài ra còn phải có sự trợ giúp của Nhà nước về nhiều mặt như thuế chẳng hạn. Nhân tiện, xin giới thiệu anh Đỗ Hoà, người đã nhiều năm được giải thưởng “Công nhân giỏi” của thành phố. Đây là ông John Stein, nhà đầu tư nước ngoài. Và đây là bà June Cardrill, trợ lý.

I:

A: Hi, Mr. Do Hoa, Nice to meet you.

I:

C: Xin chào ông. Xin chào bà.

I:

A: May I ask you some questions? What do you think about your job? Your factory?

I:

C: Tôi rất yêu nghề của mình. Tôi đã làm việc ở đây hơn 15 năm. Và tôi hài lòng với tiền lương ở đây, vì nó bảo đảm được cuộc sống của gia đình tôi. Tôi coi nhà máy là gia đình thứ 2 của tôi, cho nên tôi làm việc hết mình. Ngoài ra các ý kiến của tôi cũng được Ban GD chú ý, nên tôi cũng hãnh diện vì công sức của mình (my contribution).

I:

A: Have you ever improved your skills by attending some courses outside your country?

I:

C: À, tôi đã dự 2 khoá học ở Nhật và ở Ý. Mỗi khoá tuy chỉ kéo dài 1 tháng, nhưng tôi đã học được rất nhiều. Và khi về nước, tôi đã áp dụng những gì mình đã học vào công việc.

I:

A: Thank you very much.

I:

C: Không có chi.

I:

B: Ngoài kia là phân xưởng mới. Nó được xây dựng cách đây 3 tháng và chắc sẽ hoàn thành trong tháng 5 sắp đến. Phân xưởng này có 4 phần chính.

I:

A: Let me take a photo.

I:

B: Xin cứ tự nhiên. Bên trái là khu vực nhà ăn của nhà máy. Tại đây phục vụ cơm trưa và cơm chiều cho công nhân. Công nhân được chọn 4 trong số 20 món của nhà ăn. Chúng tôi rất chú ý đến khẩu phần (diet) của công nhân và chúng tôi phụ giúp 50% tiền ăn của họ. Như vậy, họ sẽ được ăn uống tốt hơn. Bên phải là phân xưởng sản xuất đèn trang trí (decorative lights), phân xưởng này hoạt động tốt mấy năm nay. Năm 1998, doanh thu đèn trang trí đã chiếm $\frac{1}{4}$ tổng doanh thu của chúng tôi. Tuy chỉ có 1 khu nhỏ như vậy, nhưng lợi tức đem lại rất nhiều. Bây giờ chúng ta đến thăm phân xưởng kính khác. Phân xưởng này sản xuất kính màu trà. Như lúc này tôi có nói loại kính này hiện nay rất được ưa chuộng. Đây là máy cán thủy tinh (smoother). Nó được mua của Ý. Giá lúc đó là 400.000 đô la. Đây là máy cắt kính điều khiển bằng vi tính. Màu được pha vào (put into) thủy tinh trắng trước khi sử dụng. Kính có 2 loại: loại 1.2 x 1.2 và 1.2 x 2.4. Cuối cùng là khu vực sản xuất kính cường lực. Từ nào đến giờ chỉ có nhà máy kính Đáp Cầu ở miền Bắc là sản xuất loại kính này. Như tôi có nói lúc này, kính này thường dùng để trang trí mặt tiền các cao ốc và hiện nay nhu cầu về loại kính này đã và đang tăng rất nhanh.

UNIT 9: VISITING (cont.)

A: Why are there so many workers overthere? Do they work effectively? In my factory, those workers are replaced by automatic cranes and forklifts. The cranes do the job faster, more exactly and very safely. If you use those workers for the job, labor accidents may happen when the workers are tired. I already heard of some similar accidents in Taiwan and the compensation for lives was so high.

I:

B: Thực tình thì một số công nhân đó trước kia làm tại phân xưởng 6. Hiện tại công việc bên đó không nhiều nên chúng tôi chuyển họ qua phân xưởng này. Vì họ không chuyên (laymen) nên họ làm không tốt lắm. Nhưng chẳng lẽ lại sa thải họ (How could we fire them?). Ở bên nước quý vị, chuyện sa thải công nhân khi khó khăn là chuyện bình thường. Còn ở nước tôi, công đoàn rất mạnh. Công đoàn bảo vệ quyền lợi của công nhân, cho nên công nhân không bị sa thải dễ dàng. Chỉ 2 tháng nữa, phân xưởng 6 sẽ có hợp đồng mới, các công nhân này sẽ trở lại làm việc ở đó. Vấn đề tai nạn lao động cho đến giờ chưa xảy ra, nhưng chúng tôi luôn chú ý. Theo luật lao động của chúng tôi thì tiền bồi thường (compensation) không cao lắm. Nhưng chúng tôi luôn luôn cẩn thận.

I:

A: I think most of your contracts are from domestic market. If you try to improve your products' quality, try to invest in new machinery; you would create more jobs for your people. And your products have chance to appear in foreign markets. Let's see some of the products overthere. These products still have some defects. Are they the kind to deliver to your customers? These tiny bubbles are acceptable here? In our factory, these belong to grade B (loại 2) and they are sold with half price. I think there are some problems with your technical division. If we have time, show us your lab.

I:

B: Chúng tôi đã nghĩ đến việc xuất khẩu sản phẩm từ lâu. Cách đây 3 năm, một công ty Nhật Bản đã đến đây tham quan và đề nghị bán cho chúng tôi 1 dây chuyền sản xuất kính nhưng chúng tôi không đủ tiền để mua. Ngoài ra thủ tục giấy tờ (administrative formalities) của VN rất khó khăn. Chúng tôi không thể thay đổi mau chóng được. Sang năm 2000, chúng tôi sẽ đủ tiền trang bị cho phân xưởng này các máy móc hiện đại, để cho sản phẩm tốt hơn. Ngân hàng cũng hứa giúp chúng tôi tiền để mua máy móc mới. Nếu việc cổ phần hoá (equitization) của chúng tôi thuận lợi, thì việc huy động vốn bằng cổ phiếu (proceed) thật chẳng khó khăn gì. Chúng tôi hy vọng lần viếng thăm kế tiếp của quý vị sẽ làm quý vị ngạc nhiên. Và trên lầu là văn phòng làm việc của Ban GD. Xin mời đi theo tôi. Đây là phòng tài chính. Đây là phòng kế toán. Và đây là phòng họp. Chúng ta sẽ vào đây nói chuyện. Xin mời tất cả ngồi xuống. Ông Hạnh sẽ cho quý vị xem một số hợp đồng.

Hợp đồng mới đây nhất là hợp đồng với Tổng công ty Xây Dựng Số 1 (General Company of Construction No 1). Chúng tôi sẽ cung cấp 5.000.000m² kính 5 ly trong 5 năm.

I:

A: May we see your last-year books? So that we can have a clear look at your work. We don't want to check over your own business, but it is important for us to know what you have been doing.

B: Không có vấn đề gì. Xin quý vị kiểm tra trong máy vi tính. Tất cả các dữ liệu năm 1999 đều nằm trong đó. Ngoài ra, quý vị có thể xem các sổ sách bên cạnh.

UNIT 10: VISITING (cont.)

B: Thưa bà June Cardrill, tôi có thể hỏi bà 1 vài câu không ạ?

I:

A: OK. Please go ahead.

I:

B: Chúng tôi biết công ty của bà muốn tìm đối tác làm ăn (partner) ở VN. Và bà đã tham quan 3 nhà máy thủy tinh cũng như nhà máy của chúng tôi. Thế bà có nhận xét gì chung về các nhà máy thủy tinh VN? Và nhận xét gì riêng về nhà máy chúng tôi.

I:

A: First of all, we have to say that VN's glass factories work effectively, though the machinery is somewhat out of date. Vietnamese workers are hard working though the working conditions are still not good enough. The management in 4 factories are the same. There are so many white-collar workers. It makes the management less effective. I think the management division needs only one-third of them. So the cost will be reduced and you can use that money to train the rest and to buy more office equipment. In our country, management is considered important. One

person can do a lot of things effectively. We pay him well because he works well. He must learn how to manage. He must learn how to deal with people. He must learn how to motivate people around him. If he can not meet our requirements, we find out another one to replace him. That's the rule of management. We don't have long meetings because there are few people in the Director Board. And because we can talk together on the phone. Besides, we can use our fax and E-mail. They help us save much time. Another thing is administrative formalities. In our country, it's not very difficult to ask for government's permission of construction, export, import, customs, etc.. Everything is fast. The government's duty is to help businesses make money, as much as possible. We always think of improving our products' quality, because quality decides our survival.

I:

B: Thế bà có nhận xét gì về nhà máy chúng tôi?

I:

A: You have many young workers and staff. But we don't know whether they are well-trained or not. The Director Board pays much attention to the development of the factory. Your factory's size is larger than the others and its yield (sản lượng) is much more than the others.

I:

B: Thế bà có nghĩ rằng trong tương lai nhà máy của chúng tôi sẽ phát triển mạnh? Sản phẩm của chúng tôi có thể cạnh tranh với Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc hay không?

I:

A: I do think your factory will go farther as expected. But that it goes fast or slow depends on many things. If you try to improve your products more, you can export them and the market will tell you what to do to be competitive.

I:

B: Thế thì chúng tôi có trở thành đối tác của quý vị hay không?

I:

A: We will make our decision after we have enough information about your factory. You know, we need some-time to have a comparison. Anyway, we have to say that your factory seems to be the best one. If we recognize your future development, we will have a contract with you soon. Now we wanna send your information to our office in the US, and we will tell you our final decision about 2 months later. By the way, I want to say thanks to all of you. And I hope our relationship and business would be better and better.



Chapter 3

VIETNAMESE - ENGLISH TRANSLATION (SIMPLIFIED)

UNIT 1:

Thân gửi Dũng,

Tôi đã ở Sydney được ba tuần, tôi rất lấy làm tiếc là tôi đã không viết thư cho bạn trong một thời gian khá dài. Lần đầu tiên đến Sydney thật là thú vị. Ở đây có nhiều điều mới lạ. Khung cảnh mới, con người mới, xứ sở mới và phong tục mới. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ rất đẹp mà cô tôi đã thuê cho tôi trước khi tôi sang đây 15 ngày, có lẽ vì cha tôi đã viết thư trước cho cô ấy. Tôi đã làm quen được rất nhiều bạn từ khi tôi đến đây, tất cả các bạn ấy đều thân thiện và dễ thương. Các bạn ấy giúp tôi rất nhiều trong việc học tập cũng như mua sắm, tham quan.

Mặc dù tôi gặp nhiều khó khăn trong khi giao tiếp vì bạn biết đấy tiếng Anh của tôi không giỏi lắm, mọi việc đến giờ vẫn thuận lợi. Ở Sydney, thành phố rất sạch đẹp và ngăn nắp. Nhưng thức ăn đối với tôi ghê lắm, tôi không tài nào nuốt nổi thức ăn Úc.

Cô tôi chỉ cho tôi vài nơi bán thức ăn Việt Nam nếu không ngày nào tôi cũng phải ăn cơm sấy mà cơm sấy thì bạn biết đấy khó nuốt lắm!

Bạn đừng ngạc nhiên khi tôi viết thư bằng tiếng Anh, chả là tôi đang thực tập tiếng Anh đấy thôi.

Thân ái chào bạn.

NOTES:

Xứ sở: country, land

Khung cảnh: scenery

Thú vị: to be interesting

Tham quan: to go sightseeing

Mua sắm: to go shopping

Mọi việc đến giờ vẫn thuận lợi: everything goes so far (expression)

Ngăn nắp: tidy, in order

Ghê: awful, terrible

Nuốt: eat, stuff (colloquial)

Cơm sấy: instant rice

PATTERNS

1.1. Present Perfect Tense

- a. Tôi đã ở Sydney được 3 tuần.
- b. Tôi đã không viết thư cho bạn trong một thời gian khá dài.

- c. Tôi đã làm quen được rất nhiều bạn từ khi tôi đến đây.
- d. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ rất đẹp mà cô tôi đã thuê cho tôi trước khi tôi sang đây 15 ngày.
- e. Hẳn cả đời chưa làm việc gì nên thân.

1.2. Past Perfect

- a. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ rất đẹp mà cô tôi đã thuê cho tôi trước khi tôi sang đây 15 ngày, có lẽ vì cha tôi đã viết thư trước cho cô ấy.
- b. Cô ấy đã có vô số công việc trước khi lập gia đình năm ngoái.
- c. Các anh phải biết rằng chúng ta đã hy sinh biết bao trước khi đạt được chiến thắng vừa qua.
- d. Trước khi tai nạn phi cơ xảy ra hôm thứ Sáu, người ta đồn là sẽ có khủng bố.

1.3. IT

- a. Lần đầu tiên đến Sydney thật là thú vị. (*)
- b. It is interesting to be in Sydney for the first time.
- c. Đối với hẳn việc đi du học thật là quan trọng.
- d. Thật không thể tưởng tượng hẳn lại là người như vậy.
It's impossible for someone to do something.
- a. Tôi không tài nào nuốt nổi thức ăn Úc.
- b. Hẳn không cách gì vượt qua trạm để đến Mexico đúng hẹn.
- c. Bà Năm không tài nào nghe lọt giọng điệu con gái bà.
- d. Đối với John, việc lấy cấp tài liệu của Bộ ngoại giao Đức trong vòng ba tuần là không thể làm nổi.

UNIT 2

Hiện nay vấn đề môi trường được xem là vấn đề cả thế giới quan tâm hàng đầu. Nhiều năm nay các nhà khoa học đang cố chế tạo các loại tủ lạnh không gây hại cho môi trường. Để giữ cho thực phẩm không hư, tủ lạnh sử dụng rất nhiều năng lượng. Năng lượng dùng cho tủ lạnh và máy điều hòa ở Việt Nam càng ngày càng gia tăng cùng với đà phát triển kinh tế.

Tủ lạnh cũng sử dụng các hóa chất nhân tạo có hại đến môi trường. Chúng được gọi là Clorofluoro Carbons (CFC). Chất CFC phá hủy Ozone trong khí quyển của trái đất. Ozone là một dạng của Oxy giúp bảo vệ thực vật và động vật trên trái đất khỏi bị bức xạ mặt trời làm hại. Các tổ chức môi trường thế giới đã yêu cầu các nhà sản xuất tủ lạnh giảm năng lượng sử dụng trong máy xuống 25% và chấm dứt việc sản xuất CFC càng sớm càng tốt. Năm 1998, việc sản xuất CFC đã gần như chấm dứt trên thế giới.

Để đáp ứng yêu cầu trên, 24 công ty năng lượng trên thế giới đã đưa ra 1 kế hoạch mới. Kế hoạch này tạo ra sự thi đua giữa các công ty sản xuất tủ lạnh hàng đầu. Năm 1999, một vài công ty đã đưa ra thị trường các loại tủ lạnh sử dụng ít năng lượng hơn 25% so với loại thông thường. Các nhà sản xuất cũng không sử dụng CFC. Tháng vừa qua công ty Whirlpool đã đoạt một giải thưởng 30 triệu đô la

nhờ vào việc đưa ra thị trường loại tủ lạnh tiết kiệm 50% năng lượng. Ở Việt Nam, loại này chưa thấy bày bán.

Theo nhà sản xuất thì người tiêu dùng sẽ tiết kiệm được 40 đô la một năm khi sử dụng loại tủ lạnh mới này. Nó có cửa dày hơn để giữ lạnh. Một mạch vi tính đặt trong tủ lạnh sẽ tự động giảm, tăng nhiệt độ khi cần thiết. Như vậy tủ lạnh sẽ không có tuyết. Các nhà môi trường tin rằng chỉ vài năm nữa, các loại tủ lạnh tương tự sẽ có mặt ở khắp mọi nơi.

Các công ty năng lượng đã tổ chức chương trình nói trên dự định sẽ tạo ra các cuộc thi sản xuất các loại máy điều hòa, máy giặt không gây ô nhiễm.

NOTES:

Tủ lạnh: refrigerator, fridge.

Bức xạ: radiation

Nhà sản xuất: Producer

Nhà môi trường: Environmentalist

Kế hoạch: Project, program

Công ty năng lượng: The energy company

Thực vật và động vật: plants and animals, fauna and flora

Ít năng lượng hơn 25% so với loại thông thường: 25% less power than the normal.

Mạch vi tính: computer chip.

Tự động giảm, tăng: increase, decrease temperature automatically.

Máy giặt, máy điều hòa không gây ô nhiễm: Non-polluted washing machines, air-cons.

PATTERN

2.1. Non-defining clause

a. Vào năm 1945, Văn Trúc đã cho xuất bản cuốn MÙA HÈ vốn là cuốn sách nổi tiếng nhất thời bấy giờ.

b. Mitchell Peterson, một cô gái có ngoại hình thật là xấu xí lại kết hôn với một vị vua không ngai.

c. Giải Pulitzer được trao cho Pullman, một học giả và ký giả tiếng tăm đã có nhiều công trình khoa học xuất sắc.

d. Nhà văn hóa (culturist) Trần Bạch Đằng vừa mới chỉ trích nạn quan liêu vốn là quốc nạn (national woe) thứ hai sau tham nhũng.

2.2. Present perfect continuous Tense

a. Họ mãi cho đến giờ vẫn đang cặm cụi làm thí nghiệm

b. Cho đến lúc hấp hối, lão hà tiện vẫn không chịu trả tiền thuốc cho thầy.

c. Anh làm gì lục đục hồi sáng đến giờ?

d. Thầy bói Ngao đi đâu cả đêm giờ mới về?

e. Mấy năm nay cô ấy vẫn luôn học tốt như thế.

2.3. Phrasal verbs- To give

a. Trong buổi lễ kéo cờ đêm 30-6-1997, viên sĩ quan lễ tân đã trao (give away) lá cờ Anh Quốc cho toàn quyền Chris Patten.

b. Để xoa dịu bớt nỗi đau của những người dân vùng duyên hải miền Tây, chúng ta nên nhường cơm xẻ áo với họ (give them a piece of the cake).

c. Nếu Chủ Tịch Đảng Dân Chủ còn tiếp tục phỉ báng chúng tôi, chúng tôi sẽ xạc cho một trận (give him a piece of our mind).

d. Rõ ràng Đại sứ Mỹ Cabot Lodge đã bật đèn xanh cho nhóm đảo chính lật đổ chính phủ ông Diệm (give somebody a go-ahead).

e. Những ví dụ rõ ràng của ông Thống Đốc bang New Jersey đưa ra chắc chắn làm cho lý lẽ của ông xác đáng hơn (give point to his arguments).

UNIT 3

Mỗi năm bệnh sởi giết hơn một triệu trẻ em ở các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, bệnh này đặc biệt phát triển mạnh ở các vùng quê, nơi mà các điều kiện về y tế và kiến thức y tế ở các bà mẹ không đầy đủ. Người ta có thể điều trị bệnh sởi dễ dàng nếu nó được phát hiện sớm, nhưng các bậc cha mẹ thường không phản ứng kịp thời với các dấu hiệu báo trước cho nên các biến chứng nghiêm trọng khác xảy ra. Ngoài ra, sự mê tín của các bà mẹ vùng quê Việt Nam cũng là 1 trở ngại khó khắc phục.

Thường thường ở các nước đang phát triển trẻ em sau khi khỏi bệnh sởi phải chịu mù lòa hay bệnh phổi nặng. Đây là các biến chứng thường thấy và chính tỉ lệ rất cao của các bệnh này đã khiến cho giới y học rất là lo lắng trong việc phòng ngừa và điều trị bệnh sởi.

Bước đầu trong việc điều trị bệnh sởi là dùng thuốc để ngăn chặn sự phát triển của bệnh. Cách đây 30 năm thì các loại thuốc như vậy chưa có. Bệnh sởi lúc đó đã làm thiệt mạng khoảng 8 triệu trẻ em mỗi năm trên toàn thế giới. Thuốc ngừa bệnh sởi hay vacxin ngày nay được phát miễn phí. Tổ chức y tế thế giới mong muốn tất cả trẻ em trên 9 tháng tuổi ở các nước đang phát triển có thể được phân phát vacxin càng sớm càng tốt. Trẻ em chỉ cần cho dùng thuốc vacxin một lần duy nhất.

Đứa trẻ khi mắc bệnh sởi sẽ có nhiều dấu hiệu của bệnh từ 8 đến 12 ngày sau khi bị nhiễm. Dấu hiệu của bệnh là thân nhiệt cao, 1 dấu hiệu khác là sự xuất hiện các nốt đỏ trên khắp cơ thể. Các dấu hiệu khác nữa bao gồm: ho, đau vùng miệng, mắt đỏ và chảy nước mũi. Phải mất nhiều tháng thì trẻ mới bình phục. Giai đoạn bình phục tùy thuộc vào đứa trẻ nhận được thuốc sớm hay muộn. Hầu hết các ca bệnh sởi có thể được điều trị tại nhà, nhưng điều quan trọng là các bà mẹ phải có được những lời khuyên về y tế ngay khi họ thấy được bất cứ dấu hiệu nào của bệnh. Bác sĩ hoặc nhân viên y tế sẽ khuyên người mẹ pha nước chanh và mật ong cho trẻ bị ho, súc miệng cho trẻ đau vùng miệng bằng nước muối ít nhất 4 lần/ngày. Tất cả trẻ mắc bệnh sởi đều phải uống vitamin A để chống lại sự hư hại về mắt và chúng phải được ăn nhiều thức ăn giàu năng lượng để phòng sụt cân. Sự điều trị bệnh sởi đúng phương pháp sẽ ngăn ngừa tử vong. Nhưng các bác sĩ nói rằng: phương pháp tốt nhất để chống lại bệnh sởi là cho trẻ em dùng vaccin.

NOTES:

Bệnh sởi: measles

Phát hiện sớm: to be found out soon

Kịp thời: timely, in time

Phản ứng: to react

Nhiễm: to infect

Nốt đỏ: red spots

Dấu hiệu báo trước: warning signs

Mật ong: honey

Khỏi bệnh sởi: to recover from measles
Dùng thuốc: to take medicine
Tổ chức y tế thế giới: World Health Organization
Các nước đang phát triển: developing countries
Thân nhiệt: body temperature
Chảy nước mũi: running nose
Lời khuyên y tế: medical advice
Hư hại mắt: eye-damage
Thức ăn giàu năng lượng: high-energy-content foods
Sụt cân: to lose weight

PATTERNS

3.1. Passive voice

- a. Người ta có thể điều trị bệnh sởi dễ dàng nếu nó được phát hiện sớm.
- b. Bệnh sởi lúc đó đã giết hơn 8 triệu trẻ em mỗi năm.
- c. Thuốc ngừa bệnh sởi được phát miễn phí.
- d. Tổ chức y tế thế giới mong muốn tất cả trẻ em trên 9 tháng tuổi được phát vaccin càng sớm càng tốt.
- e. Trẻ em chỉ cần cho thuốc một lần duy nhất.

3.2. It takes (use)

- a. Từ nhà đến trường phải mất hai tiếng đồng hồ.
- b. Muốn đi Nha Trang phải mất một giờ ngồi xe hơi.
- c. Làm xong bài khảo luận này ít nhất phải mất một tháng.
- d. Phải mất nhiều tháng thì trẻ mới bình phục.

e. Muốn được việc anh phải mất ít nhất một tháng chuyên tâm theo dõi các bài xã luận của đài BBC và VOA.

f. Đừng lo gì cả, chỉ cần một tuần nằm bệnh viện anh sẽ khỏi ngay mà.

g. Anh bị đối thủ giáng liên tiếp hai cú direct bằng tay trái, nhưng anh vẫn gượng bám vào dây đài.

h. Cảnh sát đánh hấn bằng dùi cui vậy mà hấn nhất định không khai ra đồng phạm.

i. Toàn quyền Chris Patten của Hồng Kông được mọi người hoan hô nhiệt liệt khi ông cam kết sẽ đòi cho được sự ổn định về cơ cấu kinh tế cho thuộc địa này.

j. Đặc khu trưởng Đổng Kiến Hoa nhận được sứ mệnh phải điều hành luồng máy kinh tế và chính trị ở Hồng Kông một cách linh động (Chief executive Tung Chee Hua)

UNIT 4

*N*gành cổ sinh vật học (Ancient Biology) ở VN hoạt động còn nhiều hạn chế vì nhiều lý do. Vì thế, các nhà khoa học VN rất quan tâm khi các nhà khoa học nước ngoài nói rằng họ vừa tìm thấy xương của một trong những sinh vật đầu tiên bước đi trên mặt đất.

Các nhà khoa học nước ngoài đã công bố sự khám phá của họ mới đây trong các tạp chí khoa học. Họ nói rằng xương này thuộc về một sinh vật sống cách đây ít nhất 365 triệu năm. Nó sống khoảng 140 triệu năm trước khi có con khủng long đầu tiên. Họ cho rằng sinh vật cổ xưa này là mối liên hệ giữa các động vật sống dưới biển và các động vật sống trên cạn. Các nhà khoa học tìm thấy các bộ phận của cái đầu và xương vai của sinh vật ở phía đông tiểu bang Pennsylvania, Mỹ. Xương vai cung cấp nhiều manh mối quan trọng của sự di chuyển. Họ nói rằng bộ xương thì hoàn toàn khác với xương của một con cá. Nó rất mạnh và có thể chịu đựng sức nặng của con vật trên các chi, bộ xương vững chắc này rất cần thiết cho con vật bước đi trên cạn. Các khoa học gia nghĩ rằng con vật này dài khoảng 1m và có đuôi, chúng có thể sống một thời gian dưới nước và thở bằng mang. Khi chúng lớn lên chúng có phổi và chân để có thể di chuyển trên cạn. Đó là con vật lưỡng cư cổ đại. Họ cho rằng lý do duy nhất cho con vật

này rời khỏi nước là nhằm tránh những con cá khác tấn công. Họ cũng nói rằng một số cá lúc đó có chiều dài từ 3-5m có những hàm răng cực lớn và cá lớn ăn cá nhỏ. Một số loài có da cứng và răng lớn hơn để tồn tại. Sinh vật đó thấy rằng muốn sống sót phải lên cạn, vật duy nhất tìm thấy trên cạn đó là thực vật và côn trùng. Hóa thạch lâu đời hơn của một loài lưỡng cư được khám phá ở Scotland. Nó lớn tuổi hơn từ 5-10 triệu năm, tuy nhiên sinh vật ở Pennsylvania thì giống với con vật ở trên cạn nhiều hơn con vật ở Scotland, nó không có mang để thở trong nước, vai và chân thì mạnh hơn nhiều.

NOTES

mối liên hệ (link)

trên cạn (on land)

manh mối (clue)

mang (gills)

con vật lưỡng cư (amphibian)

PATTERN

4.1. Phrasal verbs- to be

a. Miệng thì hấn nói hòa giải, nhưng bụng thì hấn tìm cách (be out for) trả thù.

b. Chẳng còn gì vui vẻ để ở lại. Tổ đi đây (to be off).

c. Thằng Còm trông hấn hở ra mặt, không biết nó tính gì đây (be up to).

d. Chúng tổ dự định (be on to) sau khi đi Nha Trang sẽ làm việc ở Hà Nội

e. Các bạn đồng ý hoặc phản đối (be for, be against) việc cổ phần hóa công ty (equitization)?

4.2. Phrasal verbs- to get

a. Sự khoe khoang của anh nhân viên làm tôi bực mình (get into my hair).

b. Ai cũng cho là bà X giàu, thực ra bà mắc nợ ngập đầu (get into debt).

c. Nếu không có cái nạng, tôi làm sao đi lại được (get around).

d. Người tù khổ sai và bạn mình đã chuồn (get away from) khỏi cái nhà tù tử thần đó.

e. Bích xoa tay thích thú vì đã đạt được mục đích (get home).

f. Tôi trăn trở cả đêm vẫn không nghĩ ra cách thoát khỏi (get out of) tình trạng bế tắc này.

4.3. Causative form (get, have)

a. Sau cơn động đất dữ dội đã tàn phá vùng Tây Bắc đất nước, chính phủ quyết định tái xây dựng toàn thể các khu quan trọng của thành phố.

b. Sau sự ra đời của nàng cừu Dolly, các hãng dược phẩm khổng lồ đua nhau đầu tư vào lĩnh vực sinh sản vô tính.

c. Bà chủ nhà muốn trang trí lại toàn bộ căn nhà, nhưng bà ấy cứ kỳ kèo về giá cả mãi.

d. Bộ trưởng Bộ Tư Pháp (Attorney General) ra lệnh lục soát toàn bộ khu vực khả nghi nhằm tìm ra các tội phạm có liên can đến vụ ám sát Tổng Thống.

UNIT 5

Ở Hoa Kỳ, người ta dùng số an sinh xã hội để xác định rõ một người nào đó làm việc cho công sở, cho trường học hay các công việc chính thức khác. Bạn cần biết số an sinh xã hội khi bạn xin việc, khi bạn điền vào các biểu mẫu thuế và khi bạn đăng ký học ở trường nào đó. Nói một cách cơ bản, bạn cần có số an sinh xã hội để tồn tại ở xã hội Hoa Kỳ.

Khi tôi lần đầu tiên từ Việt Nam đến Hoa Kỳ người ta bảo tôi nên xin số an sinh xã hội. Vì thế tôi đón xe buýt đến phòng an sinh xã hội. Văn phòng rất bận rộn, có nhiều người xếp hàng chờ. Khi đến phiên tôi, viên thiếu tá đưa cho tôi xấp giấy để điền vào và nộp lại cho ông. Sau đó tôi cầm xấp giấy, kiếm chỗ ngồi và bắt đầu điền vào.

Tôi đọc tới đọc lui nhiều lần nhưng lòng cảm thấy thất vọng vì tôi vẫn không thể nào hiểu được chút gì cả. Tôi cảm thấy hoảng sợ và bắt đầu nghi ngờ khả năng tồn tại của mình ở Hoa Kỳ. Tôi nghĩ “Trời đất ơi! Nếu cái này khó như vậy làm sao mình đi học nổi”. Sau khi đọc tới đọc lui nhiều lần để cố hiểu mẫu đơn cuối cùng tôi tự bảo “sau bao năm cố học tiếng Anh mình vẫn chưa đủ từ vựng để điền vào mẫu đơn sơ đẳng. Nhưng mà thế nào đi nữa mình cũng phải xin được số an sinh xã hội. Nếu không điền vào được, có lẽ phải nhờ người khác giúp”. Vì thế tôi ngại ngần đến gần viên thiếu tá xin giúp đỡ “Xin lỗi ông, ông có thể

giúp tôi điền vào mẫu đơn này không? Tôi mới đến thành ra tôi không hiểu”, viên thiếu tá nhìn vào mấy tờ giấy và thốt lên ngạc nhiên “Ồ không! Tôi làm rồi, mẫu này bằng tiếng Tây Ban Nha. Đây hãy cầm lấy mẫu này”. Tôi quê quá, ông đưa tôi mẫu mới và tôi điền vào chỉ mất vài phút.

Hai tuần sau tôi nhận được giấy thông báo (notice) số an sinh xã hội của mình.

Bây giờ tôi đã ở Hoa Kỳ được hai năm, nhưng tôi vẫn không bao giờ quên giây phút sượng sùng trong lần đầu tiên đến phòng an sinh xã hội.

NOTES

Nghi ngờ: suspect

Sượng sùng: feel shy,

Quê: embarrassing, embarrassed

Tôi quê quá!: How embarrassed I was

An sinh xã hội: social security

Thiếu tá: major

Điền vào: to fill in, to fill out

Mẫu đơn: form

Đọc tới đọc lui: read over and over

Trời đất ơi!: Oh Dear! My God!

PATTERN

5.1. Double Comparatives

a. Tôi càng ăn nhiều chừng nào, tôi càng gầy đi nhiều chừng đó.

b. Càng học nhiều chừng nào tôi càng thấy sự học mênh mông chừng đó.

c. Có điều chắc chắn là em càng tập dượt thì em càng giỏi hơn.

d. Cô ta khó lòng tin rằng càng khó khăn bao nhiêu tôi càng quyết chí bấy nhiêu.

5.2. Take, Bring, Fetch, Get

a. Vì không có xe, Hai phải đón tôi hàng ngày ở cổng trường.

b. Chị Hằng ơi, chị đưa mấy thùng táo này đến cửa hàng đi nhé!

c. Hãy kiểm tra xem đem súng đạn theo đầy đủ không?

d. Chết rồi! Bé Ti lại trở bệnh nặng, mau đi đón bác sĩ gấp.

e. Thưa ngài, ngài có cần tôi mang nước và khăn đến không ạ?

5.3. Let alone, Put aside

a. Khoan nói đến việc ký hợp đồng mới, nợ cũ anh đã thanh toán hết chưa?

b. Chỉ riêng việc học hành cũng làm hấn mệt mỏi rồi, nói gì đến biên soạn sách vở.

c. Đối phó với nạn tham nhũng cũng đủ làm tôi kiệt sức rồi, nói chi việc đấu đá nội bộ.

d. Khoan tính đến việc đi học nước ngoài đã, hãy lo việc tài chính cho gia đình anh ổn định trước đã.

e. Chưa nói đến việc thiệt hại 2 tỷ đô la về du lịch vội, nội việc bồi thường cho du khách bị thảm sát ở Ai Cập cũng đủ làm chúng tôi muốn phá sản rồi.

UNIT 6

Thưa quý vị,

Hôm nay tôi rất hân hạnh được trình bày vấn đề có liên quan mật thiết đến cuộc sống và môi trường của chúng ta. Đó là nước.

Nước trên trái đất liên tiếp được tái tạo trong một quá trình được gọi là chu kỳ thủy phân. Bước đầu tiên của chu kỳ là sự bốc hơi nước trong đại dương. Sự bốc hơi nước là quá trình của nước biến thành hơi, và rồi tạo thành các đám mây trên trời.

Bước thứ hai là nước trở lại mặt đất dưới dạng kết tụ hoặc là mưa, tuyết hoặc băng. Nó chảy vào sông hồ và biển, nơi mà chu kỳ đó bắt đầu trở lại.

Tuy nhiên, không phải tất cả nước đều ở trên mặt đất trong chu kỳ thủy phân. Một số ngấm vào lòng đất và tụ tập lại dưới mặt đất thành nước ngầm. Nước ngầm cực kỳ quan trọng đối với cuộc sống trên trái đất vì 95% nước trên trái đất nằm ở các đại dương và nước này thì quá mặn đối với con người và cây cối. Trong số 5% nước ở đất liền chỉ có 0.5% nước trên sông hồ. Phần còn lại là nước ngầm. Nước ngầm rất phong phú và đáng tin cậy, vì nó không phụ thuộc vào mưa hay tuyết. Nó là nguồn nước chủ yếu cho thành phố khi dân số gia tăng và nhu cầu nước gia tăng, nước ngầm ở một vài khu vực thì

đang hạ thấp một cách nguy hiểm. Ở Việt Nam, vì giá nước sạch quá cao và chỉ có ở các thành phố lớn nên dân chúng đua nhau khai thác nước ngầm thoải mái. Vấn đề này ảnh hưởng mạnh đến nguồn nước ngầm. Thêm vào vấn đề đó là số lượng chất ô nhiễm thấm vào nước ngầm. Trong tương lai với dân số gia tăng, đặc biệt là ở vùng quê Việt Nam, và thêm nhiều chất thải độc hại, chu kỳ thủy phân mà chúng ta phụ thuộc vào có thể mất cân đối một cách trầm trọng.

NOTES:

Trình bày: present, expound

Chu kỳ thủy phân: hydro-logic cycle

Chu kỳ: cycle

Bốc hơi: to evaporate

Hơi: steam, vapour

Tạo thành: create, set up

Kết tụ: precipitation

Ngấm: to seep

Tụ tập: to gather

Nước ngầm: underground water

Chất thải độc hại: toxic waste

Mất cân đối: to imbalance

PATTERN

6.1. Conditionals

a. Nếu Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc phê chuẩn, Mỹ sẽ oanh kích Baghdad lần nữa, nhưng lần này thì dữ dội hơn.

b. Hôm qua nếu chúng ta ký được hợp đồng với bên A thì sáng nay anh bay sang Ý nhận lô hàng đó được rồi.

c. Nếu FARC đừng quá hung hăng, có lẽ lực lượng tại mình không đến nỗi kiệt quệ như vậy

d. Cho dù hấn giàu có đến đâu đi nữa, nếu không có người đỡ đầu thì hấn cũng vào tù từ lâu rồi.

6.2. To be + to

a. Công tác khẩn cấp trước mắt là tập trung các lực lượng tinh nhuệ (elite forces) ở phía Bắc lại và vào giờ X sẽ tấn công A Sao.

b. Đội đặc nhiệm (The Special Unit) phải phối hợp với đội bảo vệ yếu nhân ở khu vực công trường Dân Chủ trước khi Tổng Thống Pháp đọc diễn văn.

c. Công việc của anh là phải đảm bảo thông tin liên lạc giữa các tổ trong Đội của chúng ta.

d. Mục đích học đại học của tôi là hợp pháp hóa kiến thức của mình.

e. Sở dĩ chúng ta bắc cầu và đào đường hầm qua Thủ Thiêm là để tận dụng hơn 900 hecta đất bên đó.

UNIT 7

Ngành đánh cá ở Việt Nam không đạt được nhiều sản lượng như những năm trước đây. Một nguyên nhân là không có các đội tàu đánh bắt xa bờ. Nguyên nhân khác là việc đánh cá bằng chất nổ đã làm chết sạch các loại hải sản. bây giờ việc nuôi thủy sản đang được phát triển để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nuôi thủy sản là công việc nuôi và thu hoạch cá cũng giống như các nông dân trồng và thu hoạch nông sản. Một tổ chức môi trường tư nhân quốc tế nói rằng 2/3 cá nuôi là ở trên đất liền. Người ta nuôi cá ở ao, hồ, sông ngòi và ngay cả các trại đặc biệt. 1/3 còn lại được nuôi ở gần bờ biển hoặc ở ngoài khơi. Phần lớn là các loại cá như: cá trê, cá hồi, cá trê phi...

Sò huyết, sò lông, nghêu... chiếm 24% sản lượng thủy sản nuôi ở trên thế giới. Tôm chiếm 6%. Năm ngoái (1998), sản lượng tôm ở Việt Nam là khoảng 1.200 tấn. Càng ngày tôm càng được nuôi nhiều hơn các loại khác. Nuôi thủy sản rất phổ biến vì người ta có thể thu được rất nhiều tiền. Ngày nay có nhiều nông dân miền Trung và miền Tây trở nên giàu có nhờ nuôi thủy sản. Thông thường, một gia đình sở hữu 1 hecta. Nếu biến nó thành một cái ao to mà tiếng địa phương gọi là “vuông” để nuôi tôm thì gia đình có thể thu nhập khoảng 300 triệu/năm.

Ở một số khu vực tại Phi Châu, người dân có thể sản xuất được 100 tấn cá trê phi trên 1 hec ta mỗi năm. Hiện có khoảng 10.000 người Zaiere nuôi cá trê phi. Tổ chức World Watch nói rằng với kỹ thuật tiến bộ ngày nay, nông dân có thể tăng sản lượng lương thực của thế giới rất mau.

Các nhóm môi trường cho rằng phân bón hữu cơ và các chất thải thực vật có thể dùng để nuôi cá. Đồng thời chất thải của cá có thể làm phân bón cho cây. Tuy nhiên, họ cũng lưu ý rằng nuôi thủy sản có thể gây ra các vấn đề có hại cho môi trường. Một số nông dân nuôi cá đã sử dụng các hóa chất gây hại đến môi trường. Các trại cá lớn tạo ra rất nhiều chất thải. Tảo sẽ mọc lên từ các chất thải này, chúng tiêu thụ hết oxy trong ao và làm cho các chết.

NOTES

Ngành đánh cá: fishing, fishery.

Đội tàu đánh bắt xa bờ: off-shore fishing fleet.

Chất nổ: Explosives, dynamites.

Sản lượng: yield, production, outcome.

Nuôi thủy sản: Aqua-culture.

Đáp ứng nhu cầu xã hội: to meet the social demand

Cá trê: Tilapia

Cá hồi: Salmon

Thủy sản nuôi: Farmed aqua-culture production

Sò huyết, sò lông, nghêu: Oyster, shell, clam

Ao: pond

Phân bón hữu cơ: Organic fertilizer

Chất thải của cá: Fish waste.

PATTERNS

7.1. Phrasal verbs - To see

a. Rất tiếc là ngày mai anh Hải lên đường, em lại không đi tiễn (see off) được.

b. Ông đừng lo gì cả, chúng tôi sẽ lo (see to) cho xe của ông cẩn thận như là con chúng tôi vậy.

c. Ông công tố viên đó thật là khó đối phó. Ông có thể nhìn thấu (see through) mọi việc.

d. Bộ anh tưởng việc phi đoàn trưởng giám sát (see over) là tình cờ đấy à?

e. Nếu anh muốn được các thuộc cấp của anh tin tưởng và làm việc hết mình, anh phải lo (see about) cho họ một mức lương tương xứng.

7.2. Seem Adj + inf., Find it Adj + inf.

a. Ngày nay mọi người dường như khó mà kiếm đủ thời gian để vừa làm việc, vừa lo cho gia đình và giải trí.

b. Vị mục sư khả kính thấy khó lòng dàn xếp yên chuyện này.

c. Căn biệt thự cổ kính trên sườn đồi đằng kia dường như rất vất vả khi chống chọi với thời gian.

d. Bộ anh không thấy rằng không dễ gì nuốt trôi mấy container đó sao?

e. Đối với anh ta, kỷ niệm đó dường như dễ dàng trôi qua như cơn gió thoảng (a breeze).

UNIT 8

Hôm nay tôi sẽ bắt đầu thảo luận về vấn đề nóng dần lên của trái đất. Trước hết chúng ta sẽ bàn về mối tương quan giữa chất fluorocarbon và tầng ozone, có lẽ bạn nhớ rằng tầng ozone là chắn bảo vệ quanh trái đất. Điều đó rất quan trọng đối với tất cả mọi sự sống vì nó lọc tia cực tím có hại từ mặt trời. Là một dạng của oxygen, ozone được tạo ra đều đặn bởi sự hoạt động của mặt trời trong thượng tầng khí quyển. Nó cũng bị phá hủy đều đặn bởi sự tác động của các hóa chất tự nhiên. Vấn đề bây giờ là quá nhiều ozone bị phá hủy. Các khoa học gia nghi ngờ là vài hóa chất nào đó như là fluorocarbons đã góp phần vào việc phá hoại tầng ozone. Và người ta đã chế tạo fluorocarbons như thế nào? Các nhà chế tạo sử dụng chất này nhiều nhất trong các chai dầu xịt tóc và trong hệ thống máy lạnh xe hơi. Sự ô nhiễm hóa chất fluorocarbons có thể giải thích cho sự tồn tại ozone đã được báo cáo. Tuy nhiên, có một số công trình nghiên cứu đổ lỗi cho mặt trời về sự phá hủy tầng ozone, chúng ta sẽ đi sâu hơn vào sự nghiên cứu đó tuần tới.

NOTES

Lọc: filter out

Tia cực tím: ultraviolet ray

Tia: ray, radiation

Tác động: act upon (on)

Thượng tầng: stratosphere, upper atmosphere

Hóa chất: chemicals

Đổ lỗi: to blame

Góp phần: take part in, do one's bit in, contribute

Giải thích: to account for

Sự phá hủy: depletion

Bàn về: discuss, touch on

PATTERN

8.1. Conditionals

a. Cũng may cô ấy chỉ là thư ký, chứ nếu cô ta làm tổng thống chắc chúng ta chết hết.

b. Em mà là triệu phú, em mua ngay mảnh đất ấy cho xem.

c. Nếu ông X đòi nợ gắt quá, chúng ta phải làm sao?

d. Nếu chuyến này không xong, chúng ta đành phải bỏ mất nửa tỷ cho công ty A.

e. Nếu chiến tranh không xảy ra, cha con mình đâu phải khổ sở thế này.

f. “Ví đây đổi phận làm trai được, sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu”. (Hồ Xuân Hương)

8.2. Had better- Would rather (than)

a. Theo tôi thấy thì anh nên chọn ngành pháp y

(forensic medicine) vì ít người học và nó hợp với cá tính của anh.

b. Trước khi khảo sát đường đạn (trajectory) đi như thế nào, anh phải xác định viên đạn bắn ra từ khẩu súng nào và loại gì.

c. Với tạng người béo phì của anh vốn rất dễ bị bệnh tim mạch, anh nên chạy bộ mỗi sáng 1 tiếng đồng hồ.

d. Đừng tưởng rằng có bằng cử nhân rồi là giỏi, con nên phấn đấu nghiên cứu thêm nếu không muốn bị đào thải.

e. Thà tôi chọn chiến lược sản xuất bán thủ công còn hơn làm đại qui mô có ngày phá sản.

f. “Ta thà làm quý nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc” (Trần Bình Trọng).

g. Thà làm giọt mưa vỡ trên tượng đá, thà như mưa gió đến ôm tượng đá, có còn hơn không? (Nguyễn Tất Nhiên)

UNIT 9

Không chỉ các thư viện ở Việt Nam mà các thư viện trên thế giới, nơi chứa các bộ sưu tập sách lớn, cũng phải vất vả chống lại sự mục nát giấy (paper deterioration). Các bộ sách cũ quý giá thường ngả màu vàng và bị rách khi người ta chạm tay vào, cho nên chúng ta muốn mượn để photo cũng không được. Thủ phạm chính trong trận chiến này là giấy acid (acidic paper) mà người ta dùng làm giấy từ thế kỷ XIX. Độ ẩm và sự ô nhiễm cũng gây tác hại cho giấy. Thật là kỳ lạ, những cuốn sách đang có nhiều nguy cơ bị phá hủy nhất (most destroyable) lại không phải là sách cũ nhất. Giấy trong nhiều cuốn sách chế tạo trước thế kỷ vừa qua được làm bằng cotton vốn có nồng độ acid thấp một cách tự nhiên. Cuốn thánh kinh Gutenberg được in cách đây năm thế kỷ thì được làm bằng da bò mỏng và đang trong tình trạng rất tốt. Ở thế kỷ XIX sự phổ biến sách (literacy) đòi hỏi một nguồn cung cấp giấy rẻ hơn và phong phú hơn. Công nghiệp giấy bắt đầu dùng bột giấy được xử lý hóa chất (chemically treated wood powder) để chế tạo giấy. Chính các hóa chất trong giấy này gây ra vấn đề nói trên.

Vấn đề mục nát giấy được cả thế giới quan tâm. Pháp, Canada, và Áo đang thực hiện các cuộc nghiên cứu tìm kiếm các phương pháp mới nhằm làm giảm chất acid. Người

ta đã phát hiện một kỹ thuật mới có thể cho phép làm giảm acid ở hàng ngàn cuốn sách trong cùng một lúc kỹ thuật này giá rẻ hơn Vifim và vẫn giữ sách ở dạng cũ. Bộ Văn hoá Thông tin Việt Nam đã và đang áp dụng phương pháp này. UNESCO hứa sẽ xem xét vấn đề tài trợ (to finance) cho các thư viện Việt Nam nhằm bảo vệ các di sản văn hoá (cultural legacies).

Sẽ sớm có các phương tiện xử lý trên khắp thế giới nhằm bảo quản (preserve) các bộ sưu tập sách trong thư viện.

PATTERN

9.1. Used + infinitive/ Be used to + V-ing

a. Trước kia cô ấy thường lo lắng về chuyện thi cử nên tôi phải giúp cô ấy. Không biết bây giờ cô ấy còn nhớ đến tôi không!

b. Khu rừng này trước kia thú hoang nhiều lắm, bây giờ dân di cư săn bắt không còn một mống.

c. Trước kia vì không quen uống rượu nên mới vài ly mặt tôi đã đỏ như gấc, còn bây giờ tôi uống như hũ chìm (to drink like a fish).

d. Ông trưởng phòng tổ chức rất thích căn biệt thự đó, nhưng tôi nghĩ ông ấy khó mà quen với sự yên tĩnh của nó.

e. Một khi cô ấy đã quen với việc tập luyện cho giải điền kinh sắp đến, thì chúng ta đâu phải lo gì nữa!

9.2. Owing to, thanks to, due to + phrase

a. Nhờ trời mưa sớm, đậu phộng của chúng ta mới xanh tốt như thế.

b. Anh được báo chí ca ngợi như vậy là do sự giúp đỡ nhiệt tình của ông ấy.

c. Quả thực vua xe hơi Henry Ford không biết rằng tên ông ta ghi vào lịch sử là nhờ phương pháp dây chuyền của ông.

d. Dân chúng vùng này không chết đói vì hạn hán là nhờ cứu trợ của Liên Hiệp Quốc.

UNIT 10

Trong một thời gian khá lâu, nhiều khoa học vẫn cho rằng lương thực sản xuất ra đủ cung cấp mọi người trên thế giới. Vấn đề đó có thể được giải quyết bằng cách tăng sản lượng cây trồng hoặc cải tiến phương pháp vận chuyển lương thực. Tuy vậy, vẫn có người chứng minh sản lượng lương thực không thể theo kịp mức tăng dân số. Những người này đã đưa ra lời cảnh cáo tuần trước trong tập niên san 1998 về các điều kiện xã hội và môi trường toàn thế giới.

Báo cáo này dựa trên thông tin của các chính phủ trên thế giới, Liên Hiệp Quốc, và các tổ chức tư nhân. Bản báo cáo lưu ý rằng trong những năm gần đây, lương thực mỗi đầu người đã hạ thấp, và kỹ thuật tăng năng suất trở nên giảm hiệu quả. Bản báo cáo cho rằng từ năm 1990, sản lượng lương thực đã không tăng đủ để cân bằng mức tăng trưởng dân số. (Ngoại trừ VN, mặc dù dân số tăng nhanh, nhưng đã mở rộng diện tích canh tác nên trở thành nước xuất khẩu gạo nhiều thứ 2 trên thế giới). Thí dụ, cá dành cho mỗi người đã giảm 7%, ngũ cốc giảm 11%, gia súc nuôi lấy thịt giảm 5% vì đất đai cung cấp lương thực cho chúng đã giảm.

Đồng thời sông, hồ, đại dương đều bị ô nhiễm. Do đó hạn thiếu nước ngọt đang xảy ra ở Hoa Kỳ, Mêhicô,

Trung Quốc, Ấn Độ và Trung Đông. Nông dân không còn đủ khả năng sản xuất lương thực cho tất cả mọi người nữa. Dân số thế giới đang gia tăng khoảng 90 triệu người/ năm. 96% số người này thuộc các quốc gia nghèo. Họ cho rằng việc hạn chế dân số là rất cần thiết. Đây là cách duy nhất để mọi người trong tương lai có đủ thức ăn. Vẫn có vài quốc gia và chuyên gia nông nghiệp không đồng ý với bản báo cáo. Họ cho rằng sẽ có đủ lương thực cho mọi người dù dân số tăng. Chính quyền Clinton đã cung cấp tiền cho các nhóm dân số thế giới và Các thành viên LHQ sẽ họp ở Cairo để bàn về vấn đề dân số một lần nữa.

NOTES:

Nạn đói: *Hunger, famine*

Niên san: *Yearly*

Liên Hiệp Quốc: *United Nations*

Sản lượng lương thực: *Food production, food yield*

Theo kịp: *Keep up with*

Mức tăng dân số: *Population growth*

Hạ thấp: *Lower*

Kỹ thuật tăng năng suất: *technology for productivity*

Mở rộng diện tích canh tác: *Expand cultivated land*

Gia súc nuôi lấy thịt: *livestocks for meat*

Ô nhiễm (vi): *Pollute (n) pollution*

Thiếu nước ngọt: *Shortage of fresh water*

Hạn chế dân số: *Population control*

Các nhóm dân số thế giới: *World population groups*

UNIT 11

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố bị ô nhiễm nặng nề nhất ở Việt Nam. Không khí ngoài phố đầy khói và bụi nhất là trong mùa nắng. Các bệnh liên quan đến đường hô hấp phát triển rất nhanh. Dân thành phố thường đeo khẩu trang khi đi ra phố.

Không phải chỉ ở Việt Nam, thành phố Los Angeles thuộc tiểu bang California cũng là thành phố ô nhiễm nhất nước Mỹ. Trong nhiều ngày, chính quyền khuyên dân chúng nên ở nhà. Mới đây các quan chức đã thông qua một kế hoạch làm sạch không khí thành phố L.A.. Nó sẽ được triển khai vào tháng giêng 1999. Kế hoạch này liên quan đến 390 công ty gây ô nhiễm nhất trong thành phố. Mỗi năm các công ty này thải ra hơn 4 tấn ôxít nitơ (nitrogen oxides) và SO₂ (sulphur dioxides). Bây giờ người ta sẽ giới hạn số lượng chất ô nhiễm mà các công ty này thải ra. Sự giới hạn này sẽ giảm được 7% chất ô nhiễm mỗi năm và kế hoạch sẽ kéo dài 10 năm. Như vậy, sau 10 năm, sẽ giảm được từ 60-70% các chất ô nhiễm. Kế hoạch này cho phép các công ty cắt giảm ô nhiễm tùy theo cách của mình. Một số công ty cắt giảm nhiều hơn quy định. Các đây 11 năm, thành phố Hồ Chí Minh đã có kế hoạch dời các nhà máy sản xuất ra ngoài ô nhưng vẫn chưa giảm được nạn ô nhiễm.

Các công ty phải đặt ra giới hạn ô nhiễm cho các thiết bị mà họ mua. Họ phải tìm kiếm các biện pháp hạn chế hữu hiệu hơn. Các công ty lớn sản xuất dầu khí và phi cơ đã ủng hộ kế hoạch này. Họ tin rằng nó sẽ dẫn đến một môi trường trong sạch hơn cho thành phố trong khi vẫn tiết kiệm được tiền bạc của công ty. Các công ty nhỏ hơn thì lo lắng kế hoạch này sẽ gia tăng công việc bàn giấy của họ.

Các nhà lập kế hoạch nghi ngờ liệu các công ty có báo cáo trung thực chất ô nhiễm mà họ sản xuất hay không. Hầu hết các nhóm môi trường đều thích kế hoạch này và họ tin tưởng rằng ô nhiễm sẽ giảm nhiều trong tương lai. Các ủy ban đặc biệt sẽ có trách nhiệm theo dõi kế hoạch này.

NOTES

Thành phố ô nhiễm nặng nề nhất: *The worst polluted city*

Mùa nắng: *Sunny season*

Khẩu trang: *gauze-mask, mouth-cover*

Các bệnh liên quan đến đường hô hấp: *Respiratory diseases*

Thông qua: *To approve, to pass*

Triển khai: *To develop, Work out, work up*

Thả ra: *To release, to produce*

Chất ô nhiễm (n): *Pollutant*

Tùy theo cách của mình: *their own way*

Quy định: *Set limit*

Dời: *To move*

Ngoại ô thành phố: *suburb, outskirts*

Thiết bị: *Equipment (no plural form)*

Dầu khí: *Oil & gas*

Biện pháp hữu hiệu: *Effective measures*

Công việc bàn giấy: *Paper work*

Dẫn đến: *To lead to*

Môi trường trong sạch: *Clean environment*

Ủy ban đặc biệt: *Special committee*

UNIT 12

Thế vận hội mùa Đông sẽ bắt đầu vào thứ Bảy tuần tới ở Na Uy. Người ta hy vọng sẽ có 2.000 khán giả đến từ các nơi trên thế giới. Các quan chức của Na Uy cũng hy vọng cuộc tranh tài này sẽ lôi kéo được sự chú ý của quốc tế đối với việc bảo vệ môi trường. Các nhà tổ chức thế vận hội muốn sử dụng những vật liệu tự nhiên. Các nhà môi trường đã có nhiều ảnh hưởng đối với Thế vận hội này hơn bất cứ Thế vận hội nào khác trong lịch sử. Các tổ chức Thế vận hội yêu cầu phải dời khu trượt băng tốc độ để bảo vệ khu vực đầm lầy tự nhiên. Khu vực này là chỗ trú tạm thời của các loài chim Bắc cực.

Các nhà tổ chức cũng đã xây dựng một sân chơi hốc key trên băng trong một ngọn núi. Như vậy thì công trình này không ảnh hưởng đến vẻ đẹp tự nhiên của khu vực. Một quan chức Thế vận hội nói rằng ông ấy sẽ cho xây dựng một tòa nhà vĩ đại ở bên trong ngọn núi.

Các quan chức Thế vận hội không cho phép xây dựng các tòa nhà cao tầng, họ làm như vậy để bảo vệ cảnh đẹp tự nhiên của thành phố. Những đường cong tự nhiên của sườn núi được sử dụng cho môn trượt tuyết. Các quan chức này cũng đưa ra những giới hạn cho các nhà xây dựng đang làm đường trượt tuyết chạy qua một khu rừng. Nếu hạ một cây trái phép các nhà xây dựng sẽ bị phạt 7.000 đôla.

Ngọn lửa Thế vận hội sẽ được đốt bằng *ethanol*, là một nhiên liệu được chế tạo từ khoai tây. Các du khách đến các khu vui chơi sẽ dùng đĩa làm bằng khoai tây để đựng thức ăn, sau đó người ta sẽ dùng những đĩa này để làm thức ăn cho gia súc. Tất cả các khu vực thuộc Thế vận hội sẽ sử dụng năng lượng ít hơn 30% so với các khu vực khác. Và sau Thế vận hội, các khu vực này sẽ được sử dụng làm ký túc xá, một số sẽ được làm trường đại học, thư viện và trung tâm văn hóa.

Nhiều nhà môi trường nói rằng các biện pháp đó không đủ để bảo vệ quang cảnh tự nhiên xung quanh. Họ nói rằng bất cứ tòa nhà mới nào cũng gây ra một số thiệt hại nào đó cho môi trường. Sau khi Thế vận hội kết thúc, một nhóm các nhà môi trường sẽ mang một thông điệp tới Nhật Bản nơi mà Thế vận hội mùa đông sắp tới sẽ được tổ chức. Thông điệp này nói rằng “hãy làm theo chúng tôi và làm tốt hơn.”

NOTES

Thế vận hội mùa đông: *Winter Olympic Games*

Na Uy: *Norway*

Cuộc tranh tài: *Event*

Lôi kéo sự chú ý: *Draw the international attention to*

Ảnh hưởng đối với: *Much influence on*

Cư trú tạm thời: *Temporary home/ shelter*

Trượt băng tốc độ: *Speed skating*

Đầm lầy tự nhiên: *Natural swamp*

Chim Bắc Cực: *Arctic birds*

Sân chơi khúc côn cầu trên băng: *Ice hockey ring*

Vẻ đẹp tự nhiên: *Natural beauty*

Đường cong tự nhiên của sườn núi: *Natural curves of the mountain slides*

Hạ một cây trái phép: *To cut down a tree illegally*

Sử dụng năng lượng ít hơn 30%: *To use 30% energy less than*

Quang cảnh tự nhiên chung quanh: *Natural surroundings*

Thông điệp: *Message*

UNIT 13

Một nhóm khoa học gia đã khám phá ra 70 chiếc răng cổ ở các ngọn núi Bắc Việt Nam. Những chiếc răng này thuộc về những người đầu tiên và những sinh vật giống như người. Các khoa học gia cho rằng khám phá này khiến họ tin rằng những nhóm sinh vật đó sống chung với nhau cách đây 250.000 năm

Những chiếc răng này có từ thời những sinh vật giống như người được xem là đã biến mất. Các khoa học gia cho rằng khám phá của họ buộc các nhà nghiên cứu xem xét lại ý kiến đó. Họ tìm thấy những chiếc răng cổ ở trong hang động Tâm Quy. Hang động này nằm trong dãy núi đá vôi ở tỉnh Lạng Sơn khu vực này nằm gần biên giới Việt Nam và Trung Quốc, kết quả đầu tiên của cuộc khám phá được xuất bản bởi viện bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ. Nó cũng được xuất bản bởi Viện khảo cổ Việt Nam.

Ba nhà khoa học Việt Nam đã dẫn dắt cuộc nghiên cứu hang động Tâm Quy trong mấy năm vừa qua. Họ thuộc Viện khảo cổ Hà Nội và Hội đồng khoa học xã hội TPHCM. Các nhà khoa học Việt Nam năm ngoái đã nghiên cứu cùng với các giáo sư của đại học Pittsburgh và Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ. Trong báo cáo của họ, các nhà khoa học nói rằng một số răng tìm thấy trong hang động

thuộc về loài đười ươi cổ. Một số thuộc về những sinh vật chưa được biết, tương tự như đười ươi và những chiếc răng còn lại thuộc về một nhóm vượn người khác.

Các nhà khoa học cũng tìm thấy 9 chiếc răng của nhóm người đầu tiên có tên là Homo Erectus. Những chiếc răng này là răng hàm và răng cửa của họ. Các khoa học gia không tìm thấy xương hoặc các bộ phận nào khác trong hang động. Vì thế họ chỉ thông báo những thông tin về răng mà thôi. Răng có thể cho thấy sinh vật cao hay thấp. Chúng cũng có thể cho biết sinh vật ăn thực vật hay ăn thịt. Tuy nhiên chúng không thể cho biết chính xác hình dáng sinh vật ra sao.

Các nhà khoa học Hoa Kỳ cho rằng các sinh vật không sống ở hang động mà chúng sống ở nơi khác. Khi chúng chết, nước lũ đã đưa các chiếc răng này vào hang. Họ nói rất tiếc là nước lũ đã không đưa các phần cơ thể khác vào hang.

NOTES

Răng cổ: *Ancient teeth*

Sinh vật giống như người *Human-like creatures*

Được cho là đã biến mất: *To be considered disappeared from the earth*

Buộc: *Force*

Hang động: *Cave*

Núi đá vôi: *Limestone mountains*

Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ: *American Museum of Natural History*

Dẫn dắt: *To lead*

Mấy năm vừa qua: *In the past few years*

Viện khảo cổ Việt Nam: *Vietnam' Institute of Archaeology*

Hội đồng khoa học xã hội: *Social Sciences Council*

Đười ươi cổ: *Ancient Orangutan*

Vượn người: *Human-ape*

Răng cửa và răng hàm: *Cutting and grinding teeth*

Nước lũ: *Flood water*

Đưa các phần cơ thể khác: *To bring the other parts of the body.*

UNIT 14

Chiều 5/2, Giám đốc Công ty Viễn tin Trần Văn Đức đề nghị với báo Người Lao Động đưa danh sách ứng viên lên mạng thông tin điện tử Phương Nam (TLNET).

Chúng tôi đã từng giới thiệu mạng TLNET trên trang Việc làm - Đào tạo, đây là mạng duy nhất ở TP. HCM có dịch vụ giới thiệu việc làm và hiện có hàng trăm khách hàng là các doanh nghiệp. Tham gia mạng, khả năng tìm việc của các bạn đọc chắc chắn sẽ cao hơn. Hồ sơ tự giới thiệu của các bạn sẽ được đưa vào kho dữ liệu của TLNET và nhà tuyển dụng có thể liên hệ với từng ứng viên sau này khi có nhu cầu.

Một đường dây điện thoại nóng của báo Người Lao Động dường như ... quá tải. Chúng tôi đang nghiên cứu để khi cần sẽ tung vào chiến dịch thêm hai đường dây điện thoại nóng nữa. Và, có lẽ nơi cần tuyển dụng trước tiên lại là Phòng Tiếp bạn Đọc của báo; hai nhân viên trực điện thoại trong chiến dịch.

Tổng kết đến cuối ngày hôm qua, có thêm 18 nhà tuyển dụng gọi điện thoại đặt hàng, nâng tổng số lên 23, và số chỗ làm được cung ứng là 70.

Tổng số hồ sơ tự giới thiệu mà chúng tôi nhận được hôm qua là 14, đối chiếu với số chỗ làm được cung ứng thì tỉ số đạt được là 5:5 là điều rất đáng phấn khởi đối với người tìm việc.

Lại chuyện đổi thông tin:

Bạn Nguyễn H.D, 36 tuổi, thợ thủy tinh bán khoán: bỏ nghề thì uống, nhưng đến nay tôi vẫn không biết nơi nào cần thợ thủy tinh bậc cao. Hình như chỉ có Nhà máy Thủy tinh Khánh Hội là có công nghệ của Đức. Tôi hy vọng qua chiến dịch này của báo sẽ tìm được cơ hội. Còn nếu “héo” quá, thì xin quý báo giúp tôi cơ hội làm bảo vệ cũng được.

Chúng tôi nhận được nhiều hồ sơ của bạn đọc gửi qua đường Bưu điện. Đề nghị bạn đọc chú ý: cần đính kèm đầy đủ bản sao văn bằng (nếu có) và một ảnh 3x4 cùng bản tự giới thiệu quá trình làm việc, mức lương đề nghị và khả năng có thể làm được những công việc gì. Hiện nay, chúng tôi còn giữ khoảng 20 hồ sơ thiếu một trong những chi tiết được nêu, sẽ rất trở ngại khi chúng được chuyển đến nhà tuyển dụng.

NOTES:

Ứng viên (n.): *candidates, applicants, job-seekers*

Đưa toàn bộ vào: *put all.... into*

Trang Việc làm - đào tạo: *Working Training page*

Dịch vụ giới thiệu việc làm: *Job Service*

Hồ sơ tự giới thiệu: *Self-introduced files*

Kho dữ liệu: *file storage*

Nhà tuyển dụng: *recruiter*

Đường dây điện thoại nóng: *hot line*

Phòng tiếp bạn đọc: *reception board*

Quá tải (adj.): *be overloaded*
Nhân viên trực điện thoại: *operators*
Cung ứng (v.): *to supply*
Đối chiếu (v.): *to compare with*
Tỉ số đạt được: *acquired score*
Băn khoăn (v.): *ask one's self, to puzzle, to wonder*
Đói thông tin: *shortage of information*
Uổng (adj): *wasteful*
Bậc cao (adj): *high-ranked*
Còn nếu “hở” quá: *and if so bad...*
Gửi qua đường Bưu điện: *by mail*
Đính kèm: *to enclose, to include*
Bản sao văn bằng: *diploma or certificate copies*
Bản tự giới thiệu quá trình làm việc: *resumé*
Sẽ rất trở ngại: *it would be inconvenient*

UNIT 15: CHUỘT VÀ NGƯỜI

Hàng triệu con chuột đang mở cuộc tập kích với quy mô lớn tấn công những cánh đồng lúa khắp ba miền Nam, Trung, Bắc, gặm nhấm hàng nghìn hecta lúa. Chưa có số liệu thống kê đầy đủ, chỉ ước lượng trước 1997, mỗi năm chúng gặm khoảng 45.000 ha/năm, tương đương 6 triệu USD. Còn vụ lúa đông xuân năm nay và cả năm 1998, số lượng chuột và mức độ tàn phá của nó dự kiến sẽ cao hơn cả những năm trước đây. Nông dân đang bước vào cuộc chiến với chuột, còn những đồng minh của con người đâu hết rồi? Rắn, mèo đang bị đưa vào các quán ăn, các đường dây qua biên giới. Ở làng Lệ Mật, một làng rắn nổi tiếng ở ngoại thành Hà Nội, những quán rắn cứ nở rộ theo thói quen chuộng đặc sản của người. Một chủ quán ở đây cho biết: trước đây nguồn thịt rắn chỉ được bắt quanh quần trong làng, sau đó làng cũng hết rắn, ông chủ phải thuê người lên các tỉnh miền núi bắt về. Rồi các tỉnh miền núi cũng thưa thớt rắn. Cuối cùng các chủ quán phải đặt các mối lái khắp 3 miền mang đến. Mà cả nước hiện nay đang có hàng ngàn quán rắn như vậy, còn đâu là rắn?

Nếu trước đây mèo chỉ được dùng làm thuốc... thì bây giờ, ở Hải Phòng, hàng chục quán “tiểu hổ” đã mọc ra. Mèo được chế biến thành nhiều món, nhưng cũng chưa thỏa thích các khoái khẩu của người. Ở Thái Bình, hàng

chục ngàn con mèo được đưa sang biên giới, rồi cái cung cũng không đủ cho cái cầu. Thế là cơn sốt mèo rộ lên trong cả nước. Những chú mèo xinh đẹp không còn xó bếp để mà nằm rình chuột....

Trời sinh ra mèo và rắn là để cân bằng sinh thái khi chọn mỗi chính của chúng là chuột. Người ta tính mỗi năm một con mèo diệt được khoảng 400 con chuột. Và cứ mỗi con mèo cư trú ở khu vực 100 m² thì chẳng một con chuột nào dám bén mảng tới. Ấy vậy mà....

Tất cả chỉ vì cái thú “đê nhất khoái” đã khiến cho người vô tình tiếp tay cho chuột. Trong khi ở các quán nhậu, người thì đang ngồi nhâm nhi thịt rắn, thịt mèo, người thì ngồi đếm tiền sau khi đưa hàng chục ngàn con mèo “vượt biên”... Ở nông thôn, hàng ngàn nông dân phải ra đồng diệt chuột... Hình ảnh trái ngược đó vừa hài hước, vừa xót lòng. Cũng giống như chuyện xe máy đang nhập lậu vào nước ta vậy, ai cũng biết là xe lậu, nhưng ai cũng vì ham rẻ mà mua. Cái thói quen tiêu dùng bất kể hàng phạm pháp đã ăn sâu vào đời sống người dân. Cái thói quen ích kỷ, vụ lợi đã lan sang hàng ngàn người khác, tạo nên một xã hội tiêu dùng tai hại cho đất nước.

Trước tình hình đó, chính quyền địa phương các cấp lý ra phải điều chỉnh thói quen tai hại đó bằng các chủ trương, chính sách triệt để hơn... Nhưng thật đáng tiếc, ở một vài địa phương họ đã chiều theo thói quen ấy, khiến cho tình hình buôn lậu trở nên trầm trọng hơn. Trong hai tháng 11 và 12/1997, tỉnh Đồng Tháp đã hóa giá hơn 3.800 xe gắn máy nhập lậu, và theo những người mua xe thì sau khi đóng tiền vẫn còn rẻ hơn giá thị trường 6-10 triệu đồng/xe.

Còn ngân sách tỉnh thì được thu về tới 23 tỉ đồng. Chủ trương ấy chẳng khác nào kích thích cho thói quen tiêu dùng bất chấp thiệt hại đã ngày càng ăn sâu vào đời sống xã hội của chúng ta.

NOTES:

Tập kích quy mô lớn: *a large scale raid*

Gặm nhấm: *to gnaw, to nibble, to eat up*

Số liệu thống kê: *statistical data*

Ước lượng: *to estimate*

Vụ lúa đông xuân: *winter-spring crop*

Mức độ tàn phá: *damage rate*

Dự kiến: *to foresee, to anticipate*

Đồng minh: *ally, alliance*

Bị nhốt vào lồng: *to be held in cages*

Đường dây sang biên giới: *crossing-border line*

Các tỉnh miền núi: *mountainous provinces*

Thưa thớt (adv.): *scarcely*

Rồi các tỉnh miền núi cũng thưa thớt rắn: *then snake turned scarce overthere*

Nguồn thịt rắn: *snake source*

Mối lái: *merchants*

Dùng làm thuốc: *to be used for medical purposes*

“Tiểu hổ” (sl): *“little tiger”*

Chế biến: *make, process*

Món: *course, dish*

Nhưng cũng chưa thỏa thích được khoái khẩu của người: *but that still didn't satisfy man's appetite*

Cung và cầu: *supply and demand*

Cơn sốt mèo: *the cat rush*

Rình chuột: *to prowl*

Cân bằng sinh thái: *to balance the ecology*

Ấy vậy mà: *but*

“Đệ nhất khoái”: *the first liking*

Quán nhậu: *pub*

Hình ảnh trái ngược đó vừa hài hước, vừa xốn lòng: *those conflicting illustrations both tickle and hurt us*

Nhập lậu: *be illegally imported*

Nhưng ai cũng ham rẻ mà mua: *but everybody buys them for their sleaziness*

Vụ lợi: *for profit's sake*

Hóa giá: *legalize*

Ăn sâu: *to root*

Chủ trương, chính sách: *policies*

UNIT 16: CAO NGUYÊN NĂNG CHÁY

Lửa trên Cao nguyên:

Bảo Lộc được mệnh danh là vùng khí hậu tuyệt vời nhất nước. Giờ đây, lần đầu tiên những ngọn đồi yên ắng bỗng nghe tiếng máy bơm tạch tạch suốt ngày đêm. Nông dân thức 24/24 bên máy bơm, đầu ống dẫn nước, tại bờ坎 dọc theo các con suối. Những cây cà phê mới 9 giờ sáng đã gục đầu ủ rũ. Những vườn trà bạt ngàn chuyển sang màu r ám nắng như khuôn mặt của người nông dân.

Mặt hàng được mua nhiều nhất trong một tháng gần đây ở Bảo Lộc là ống nước, máy bơm và nước trong các ao. Chị Hương, vợ anh Dương - thợ máy tại 613 Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Phát nói: “Từ sau Tết đến nay người ta mua máy bơm, ống nước nườm nượp. Có lúc xe chở ống nước từ thánh phố về tiệm chưa kịp bỏ hàng xuống thì có hàng đoàn xe cải tiến, xe gắn máy đến mua sạch. Không khí khẩn trương như cảnh các ông lính cứu hỏa xung trận chữa cháy.

Con trai đầu lòng anh Sinh, 21 tuổi, tính nhẩm: vùng Bà Đạ có 6.000 hộ, chỉ tính trung bình 2 hộ sắm một máy bơm, bình quân 3 triệu một máy, chi phí đã lên 9 tỉ, chưa tính đến tiền dây và dầu! Và rồi năm sau, nếu thời tiết bình thường trở lại các thứ này bị xếp xó. Dây ống nước bắt giá lên 20%. Máy bơm Trung Quốc giá rẻ trở thành sự lựa chọn của nông dân. Còn nước ao bán được 100.000 đồng một ngày bơm nước. Khi

đã có nước. Người dân không đủ tiền sắm máy, ống nước, phải xếp hàng mượn dịch vụ tưới giá 25.000 - 30.000/ giờ trong bán kính 300m dây. Xa hơn cứ 100m dây phải chịu thêm 1000đ/giờ.

Thời kinh tế khô hạn

Nước trở thành mặt hàng quan trọng hơn cả tình cốt nhục trong thời “kinh tế thị trường”. Hai anh em ruột con bà cụ Khải ở phường Lộc Phát có đất cà phê sát nhau và cạnh con suối. Đất người em ở gần vị trí đầu nguồn hơn đất người anh. Người em đắp bờ cản đứt dòng suối, dẫn nước vào đất mình. Đêm đến ông anh lên phá bờ cản, xả nước. Hai anh em đánh nhau đến thâm tím mặt mày phải đưa ra phường xử.

Những vụ gây gỗ tương tự xảy ra khá thường xuyên ở những căn hộ nằm men theo các con suối, giờ chỉ là những khe nước nhỏ. Tình hình có lẽ sẽ còn căng thẳng hơn khi sinh mạng của những vườn chè, cà phê ngày càng bị đe dọa.

Những người nông dân tìm ra đáp án cho việc bơm nước bằng máy 10 ngựa lên sườn đồi. Anh Dương, thợ máy, nói. “Chúng tôi bơm tiếp sức bằng ba đến bốn máy”.

Bác Chồi nói: “Bình thường dân không phải tha phương, năm nay ở đây không ai mượn, chắc phải tha phương. Tôi ở đây 20 năm chưa năm nào như năm này”

NOTES

Cao nguyên nắng cháy: *the burning highland*

Tiếng máy bơm tạch tạch: *the clattering sounds of pumping machine*

Đầu ống dẫn nước: *pipe-end*

Bờ cản: *small dike*

Gục đầu ủ rũ: *go wither*
 Vườn trà bạt ngàn: *the vast tea garden*
 Chuyển màu rám nắng: *turn into sunburnt color*
 Ao: *pond*
 Người ta mua nườm nượp: *people flock to buy...*
 Khẩn trương: *tensily, strainly*
 Lính cứu hỏa xung trận chữa cháy: *fire-fighters are on work*
 Bị xếp xó: *be put away*
 Dịch vụ tưới: *watering service*
 Bán kính: *semi-diameter*
 Xe cải tiến: *improved cart*
 Tình cốt nhục: *brethenship*
 Đầu nguồn: *upper part*
 Xả nước: *water off*
 Hai anh em đánh nhau đến thâm tím mặt mày, phải đưa ra phưởng xử: *the two brothers beat each other black and blue and were together on trial*
 Khe nước nhỏ: *rivulet*
 Máy 10 ngựa: *10 horse-power machine*
 Sườn đồi: *hill side, hill slope*
 Bơm tiếp sức bằng 3 đến 4 máy: *we use from 3 to 4 sets for a relay-pumping*
 Thôn trưởng: *head of the village*
 Mất trắng: *empty-handedly lose, lose all*
 Tha phương (cầu thực): *get bread in foreign land*

UNIT 17: CAO NGUYÊN NẮNG CHÁY (tt.)

*M*ùa nóng năm nay gay gắt hơn mọi năm. Nhiệt độ trung bình, theo cơ quan khí tượng, cao hơn mức trung bình hàng năm từ 1-2,5°C.

Nắng hạn không chỉ ảnh hưởng tới sản xuất mà còn ảnh hưởng đến đời sống thường nhật của một vùng dân cư rộng lớn, từ miền Trung, Cao Nguyên, đến miền Đông, đồng bằng sông Cửu Long, và khu vực duyên hải phía Nam.

Ở cao nguyên, khô hạn đang tàn phá các vùng cây công nghiệp lớn như cà phê, cao su, trà... Bảo Lộc, nơi có lượng mưa cao nhất nư và hầu như không bao giờ gặp hạn. Đắc Lắc, theo dự báo, sẽ thiệt hại khoảng 600 tỉ do hạn sớm và kéo dài. Cây cà phê đang mùa kết quả đang gục đầu trước cái nắng như lửa cháy của con nguyên. Hàng chục ngàn hecta đất công nghiệp ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng đang bị thiệt hại do cơn hạn đến sớm. Nước sông Hương, sông Thu Bồn, sông Vu Gia xuống thấp hơn mọi năm kéo theo tình trạng nhiễm mặn đồng ruộng. Ở miền Tây, chương trình thoát lũ đang phát huy tác dụng, nhưng cũng đặt ra vấn đề bảo vệ lượng nước ngọt cho cả thượng nguồn và hạ nguồn. Thành phố Hồ Chí Minh tái diễn căn bệnh cố hữu thiếu nước mà vào mùa hạn này mức độ căng thẳng chưa được cải thiện bao nhiêu.

Trong số 72 hộ có giếng đóng trong phường 10 quận 6, có đến 20 “công ty” sản xuất kinh doanh nước để cung cấp nước sạch cho hầu hết 3.398 hộ trong toàn phường. Chủ hộ kinh doanh bỏ ra khoảng 10 triệu đồng làm hoàn thiện hệ thống cấp nước này và mỗi tháng thu lãi từ 1-2 chỉ vàng.

Những dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn xem ra rất dè dặt. Người dân thì loay hoay đối phó bằng những giải pháp cấp thời trong phương châm trời hại, Nhà nước chưa kịp cứu thì liệu mà cứu mình, cho dù có khi việc tự cứu lại gây hại cho người khác hoặc mai sau.

NOTES

Gay gắt: *blazing*

Cơ quan khí tượng: *Weather Forecast Bureau or Meteorological Agency*

Nắng hạn (n.): *drought*

Ảnh hưởng xấu đến: *to affect on, to have bad effect on*

Đồng bằng sông Cửu Long: *Mekong Delta/plain*

Khu vực duyên hải phía Nam: *the Southern Coastal Area*

Vùng cây công nghiệp: *industrial crop zone*

Lượng mưa: *Precipitation, rainfall*

Bình nguyên vàng úa vì khô hạn: *wither plain from drought*

Do hạn sớm: *due to early drought*

Mức nước: *water level*

Nhiễm mặn đồng ruộng: *salinity*

Chương trình thoát lũ: *drainage program*

Đang phát huy tác dụng: *be on effect*

Bảo đảm lượng nước ngọt: *to assure the sufficient amount of fresh water*

Thượng nguồn và hạ nguồn: *upper and lower parts*

Thiếu nước: *water shortage*

Giếng đóng: *drilling well*

Phường: *ward*

Chủ hộ kinh doanh: *entrepreneur*

Hệ thống cấp nước: *water-supply system*

Dè dặt (adj): *hesitated*

Người dân loay hoay đối phó bằng những giải pháp cấp thời: *people deal with it strugglingly with the imminent measures*

Việc tự cứu: *self-rescue*

UNIT 18

Việt Nam và Hoa Kỳ dường như đã đi được nửa tiến trình bình thường hóa hoàn toàn các mối quan hệ song phương. Theo như thỏa thuận, bình thường hóa quan hệ kinh tế sẽ là chủ đề trọng tâm trên nửa quãng đường còn lại mà hai nước sẽ phải vượt qua. Chính vì vậy mà một trong những mục đích trong chuyến thăm Việt Nam lần này của bà Ngoại trưởng Albright là mở rộng thêm các quan hệ đối tác và thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

“Hoa Kỳ muốn nhân dân Việt Nam sống trong phần vinh và đất nước Việt Nam đóng góp vào sự thịnh vượng ở Đông Nam Á. Vì mục tiêu này, hai nước chúng ta đang tiếp tục đạt được tiến triển trong việc bình thường hóa các mối quan hệ ngoại giao, chính trị và kinh tế”. Ngoại trưởng Albright đã phát biểu như vậy trong cuộc họp báo tại Hà Nội.

Kết quả các cuộc hội kiến giữa bà Ngoại trưởng Mỹ với Tổng bí thư Đỗ Mười. Thủ tướng Võ Văn Kiệt và đặc biệt là cuộc hội đàm với Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm đã cho thấy ý nghĩa quan trọng của chuyến thăm chính thức đầu tiên của Ngoại trưởng Mỹ tại Việt Nam. Bên cạnh những cuộc thảo luận sâu rộng với các quan chức Việt Nam về hàng loạt các vấn đề trong quan hệ song phương, bà Albright

đã chính thức thông báo quyết định của chính phủ Mỹ cho phép Cơ quan Phát triển Thương mại (TDA) hỗ trợ các hoạt động thương mại với Việt Nam. Bà Ngoại trưởng cũng đưa ra lời hứa sẽ sớm kiến nghị với Tổng thống Clinton về việc hủy bỏ điều luật Jackson Vanik trong quan hệ với Việt Nam.

Bởi vì, một vướng mắc hiện nay là các công ty Mỹ cho đến giờ vẫn chưa được hưởng những quyền lợi mà họ đáng được hưởng, đó là sự tài trợ của Cơ quan đầu tư tư nhân hải ngoại (OPIC), và ngân hàng xuất nhập khẩu (Eximbank) của Hoa Kỳ, mà điều kiện để có được điều này miễn là áp dụng điều luật Jackson Vanik trong quan hệ với Việt Nam.

Theo sự đánh giá của chính bà Ngoại trưởng Mỹ, thời gian gần đây, cả 2 Chính phủ. Việt Nam và Hoa Kỳ đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ song phương, đặc biệt vấn đề then chốt là cả 2 bên đều muốn sớm ký hiệp định thương mại và đầu tư, tạo môi trường pháp lý cho kinh doanh.

“Bản Hiệp định về bảo vệ bản quyền mà tôi cùng Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm ký kết hôm nay là một bằng chứng cho thấy sự cần thiết phải tạo ra một cơ sở pháp lý và một bầu không khí đầu tư tốt hơn để trong quan hệ thương mại có thể tiến triển”. Bà Ngoại trưởng đã đánh giá như thế việc ký hiệp định thiết lập quan hệ quyền tác giả.

Phát biểu trong buổi lễ động thổ xây dựng Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh, Bà Albright nói: “Tổng lãnh sự sẽ có nhiệm vụ khó khăn, bởi vì tại đây, hàng năm sẽ xem xét cấp visa cho 16 ngàn đến 20 ngàn đơn xin đoàn tụ gia đình và 75 ngàn visa khác (như

du lịch, thăm thân nhân, kinh doanh...). Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi sinh sống và làm việc của 3 ngàn người Mỹ và là nơi đón tiếp ít nhất 30 ngàn khách du lịch Mỹ hàng năm. Ngoài ra có tới 80% hoạt động kinh doanh của các công ty Mỹ tập trung tại đây”.

Mặc dầu một số nhà quan sát nước ngoài cho rằng cuộc công du của bà Albright sang Hà Nội lần này mang biểu tượng chính trị nhiều hơn là ý nghĩa thực chất, chuyến thăm chính thức của Ngoại trưởng Mỹ vẫn được dư luận ở đây nhìn nhận như là sự khẳng định cam kết của Mỹ sẽ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực từ ngoại giao đến kinh tế.

NOTES

Bà Ngoại trưởng: *American Secretary of State*

Tiến trình bình thường hóa: *normalizing process*

Quan hệ song phương: *bilateral relationship*

Theo như thỏa thuận: *according to agreements*

Chủ đề trọng tâm: *the kernel/ core/ major subject*

Chính vì vậy mà: *for that reason*

Mở rộng thêm các quan hệ đối tác: *open further the counterpart relationship*

Thúc đẩy: *to push forward*

Sống trong phần vinh: *to become affluent*

Đóng góp vào sự thịnh vượng ở Đông Nam Á: *to contribute (her share) into the thriving in South East Asia*

Tiếp tục đạt được tiến triển: *to keep on gaining progress*

Họp báo: *press conference*

Hội kiến: *meeting*

Tổng bí thư: *General Secretary*

Hội đàm: *talks*

Hàng loạt các vấn đề trong quan hệ song phương: *a series of bilateral relationship problems*

Cơ quan phát triển thương mại: *Trade Development Agency*

Đưa ra lời hứa: *to promise, to pledge*

Kiến nghị: *to propose*

Hủy bỏ điều luật Jackson Vanik: *to call off Jackson Vanik Act*

Vướng mắc: *trouble, problem*

Mà họ đáng được hưởng: *that they deserve to have*

Sự tài trợ: *funding, sponsoring*

Cơ quan đầu tư tư nhân hải ngoại: *Oversea Personal Investment Cooperation*

Miễn áp dụng: *to exclude*

Nỗ lực: *efforts*

Vấn đề then chốt: *the key issue*

Hiệp định thương mại: *Trade agreement*

Tạo môi trường pháp lý cho kinh doanh: *to set up legal base for business*

Hiệp định bảo vệ bản quyền: *Intellectual Property Accord*

Bầu không khí đầu tư tốt hơn: *a better investment environment*

Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ: *American General Consulate*

Tổng lãnh sự: *General Consul*

Nhà quan sát nước ngoài cho rằng: *According to some foreign observers*

Chuyến công du: *mission*

Biểu tượng chính trị nhiều hơn là ý nghĩa thực chất: *political emblem rather than real sense*

Vẫn được dư luận ở đây nhìn nhận: *to be considered here as....*

Sự khẳng định cam kết của Mỹ: *the confirmation of pledges from American Government.*



Chapter 4

ENGLISH - VIETNAMESE TRANSLATION

Selection 1

THE FANTASTIC MADE REAL

*We've been thinking about cloning for years.
Can we now have a sensible debate about it?*

BY OLIVER MORTON

Some advances startle because they are undreamed of. Cloning is not one of them. Scientists' success in putting an adult's genes back into an egg, to guide a whole new life, comes as startling news precisely because the idea has lived in our dreams and nightmares for decades. No other issue highlights the way we think about ourselves and about others as clearly as the possibility of creating someone who would, in some strange way, be both dreams and nightmares.

Cloning human beings may not turn out to be possible. People have been trying to clone mice for nearly three decades with techniques quite like those used on sheep. but before anyone finds out whether it is possible to clone humans, we should decide whether it is desirable. In such decision nature offers little guidance. Cloning is the norm for some species - armadillos turn up in genetically identical litters of up to 12 - and humans do, occasionally, come into the world as identical twins. But neither identical twins nor identical armadillos are ever born at different times, or from different wombs. Clones could and would be unnatural in these ways.

That doesn't make them a bad idea. While armadillos must make do with the arrangements natural selection shapes for them, humans can increasingly choose to put nature to one side in such matters. Much of medicine flies in the face of nature, as do contraception, and telecommunications. "Unnatural" does not mean "bad"; it just means "proceed with caution".

NOTES

Fantastic: *Điều kỳ diệu*

To clone: *Sinh sản vô tính.*

Debate: *Cuộc tranh luận, thảo luận*

To startle: *Làm giật mình*

To highlight: *Làm nổi bật, nhấn mạnh*

To be possible: *Có thể thực hiện được*

To avail: *Đạt được*

To desire: *Mong muốn - Desirable (adj.)*

Norm (n.): *Nhóm mẫu*

Armadillos: *Con tê tê, con trút*

Litter: *Con cháu*

Womb (n.): *Dạ con, tử cung, bà mẹ*

Contraception: *Thuốc ngừa thai*

To proceed: *Xúc tiến, tiến hành*

To make do: *Cam chịu*

PATTERNS

1.1. Phrasal verbs- to wash

a. The surge washed against the promenade on which the couples usually took a walk as the night came.

b. The ebbs of the sea washed away the decay corpses that local policemen have long looked for but in vain.

c. That the old man snaps the dried sausage hungrily to wash down the diamond ring he has just got makes me feel vomit.

d. The hardened pol (chính khách) cunningly washed off his suspected corruption trails before being cross examined.

e. The Cali cartel and its partner Columbia cartel have the same procedures of washing their own dirty linen home, one of which is poisoning. (thanh trừng nội bộ)

f. Taliban gunmen last Friday washed out their insult Cadilla Hill's loss when the government troops disregarded their counter-attacks.

g. The rickety boats washed ashore, bringing a mass of weather-beaten boatpeople who longed for the promised land.

1.2. Rise, Raise

a. The sun rises early in the summer, emitting a dazzling halo that we cannot help snapping.

b. Prices have risen more than four times in a short time.

c. The landlord has raised his tenants' rent another \$500.

d. To take advantage of the oil crisis, the OPEC countries have raised the price of oil half dollar per barrel.

Selection 2

MOST WANTED KINGPIN?

*Amado Carrillo is Mexico's biggest drug trafficker.
He is also the country's best - connected.*

BY MARTHA BRANT

When soldiers combed Mexican drug czar Gen. Jesus Gutiérrez Rebollo's plush apartment on Feb. 22, they found cellular phones with scramblers. \$10,000 in U.S. currency and a particularly revealing tequila barrel. Attached to its top was a picture of a napping peasant wearing a sombrero. Above the quaint scene was a name: AMADO CARRILLO. That the Mexico's top drug cop had tequila from the private stock of the country's most powerful drug lord shouldn't have come as a surprise to the cops. The two, after all, had apartments just four floors apart.

Gutiérrez now is in prison, charged with accepting bribes from the drug trafficker. (The general says he was trying to get close enough to arrest him.) And where is Amado Carrillo Fuentes? It's a question U.S. drug-enforcement agents would love to have answers. As Mexico's

reigning drug kingpin, Carrillo moves four times more drugs into the United States each year than rival cartels. His take \$200 million a week, estimates the Drug Enforcement Administration. His continued impunity infuriates U.S. officials, who view his operation as proof that Mexico's war on drugs is, at best, thwarted by corruption and, at worst, a sham.

Mexican and U.S. authorities know little about Carrillo. They aren't even sure of his age (41 or 42) or his eye color (green or brown). He is the son of a mechanic from Sinaloa, and began his drug career in the early '80s as a "mule" for an uncle. Carrillo took over the Juárez cartel in 1993, and acquired a fleet of Boeing 727s to move as much as 15 tons of cocaine at a time from Colombia, earning him the nickname "Lord of the Skies". He got his big break last year, when drug lord Juan Garcia Abrego landed a life sentence in Houston, allowing Carrillo to pick up much of Garcia's coastal business. Says one former DEA agent. "He's now the Lord of the Seas".

NOTES

Drug trafficker: *Người buôn ma túy*

Kingpin (n): *trùm*

To comb: *Lục soát*

Drug czar gen: *Vị tướng (phụ trách) chống ma túy*

Plush (adj): *Xa hoa*

Scrambler: *Máy biến tần (chống nghe trộm)*

Sombrero: *Nón rơm rộng vành (Mexico)*

Quaint (Adj.): *Kỳ lạ, kỳ cục*

To charge: *Kết tội, buộc tội*

Reigning (Adj.): *Đang trị vì, đang trên ngai vàng*

D.E.A (Drug Enforcement Administration): *Cơ quan bài trừ ma túy*

Cartels: *Tập đoàn*

Take: *Doanh thu*

Impunity: *Miễn phạt, xá tội*

Proof: *Bằng chứng, sự chứng minh*

To thwart: *Làm hỏng, cản trở*

Sham (n): *Giả vờ*

“Mule” (slang): *Kẻ áp tải hàng*

To take over: *Đảm đương, nhận lãnh*

Nickname: *Biệt danh*

Break (slang): *Mánh, độ (a stroke of good luck)*

PATTERNS

2.1. Of a kind, of some sorts

a. Spanning a bridge of some sorts over Tigris River is not a piece of cake (chuyện dễ)

b. Don Amado’s mom insists he is simply a successful farmer. Well, of a kind.

c. The International Federation of Automobiles (FIA) has long intended to build a new drive of some sorts in Genoa.

d. The Brazilian Champion Ayrton Senna won an extra prize of a kind when he passed by his tough opponent.

e. To my thinking now, nothing is more valuable than a shelter of some sorts.

2.2. Apart

a. The two, after all, had apartments just four floors apart.

b. The soldier glares at his leaving daughter, unwilling to keep her apart.

c. Apart from this dirty task. I bet you cannot do anything else.

d. The veteran looked around and sat apart from the other.

e. Deep in his heart, he doesn't want to be a hermit, but he is forced to live apart from the world.

2.3. At best, at worst (nhiều lắm chỉ là, còn không thì)

a. His continued impunity infuriates U.S. officials, who view his operations as proof that Mexico's war on drug is, at best, thwarted by corruption and, at worst, a sham.

b. My professor considers my thesis, at best, an average one, at worst, a copy.

c. He is, at best, a secretary, what are you sad for?

d. Though my old dwelling cannot be compared with your plush apartment, it is, at worst, from my honest work. (tồi tàn đến đâu đi nữa)

e. The respectable cardinal prayed for the dying child, for he is, at worst, a Son of God.

Selection 3

MOST WANTED KINGPIN? (Cont.)

*Amado Carrillo is Mexico's biggest drug trafficker.
He is also the country's best-connected.*

BY MARTHA BRANT

Authorities have made a few clumsy attempts to nab Don Amado - as he likes to be called. He was arrested only once, in 1989, on drug charges. Authorities released him a few months later, saying they lacked sufficient evidence to pursue the case. Soldiers then raided his sister's wedding last January, but didn't find Carrillo among the 1,000 guests. And no Mexican court has a warrant for the arrest of El Cuatro (one of 38 code names and aliases) on trafficking charges, though there are at least three in the United States.

It is Carrillo's close ties to Mexican authorities that, some charge, have protected him. Police suspect that it was Gutiérrez who tipped off the drug lord about the wedding raid. Carrillo reportedly has a mansion behind a wall draped in bougainvillea in Cuernavaca. It's a stone's throw from

the home of Jorge Carrillo Olea (no relation), governor of Morelos. Carrillo Olea, according to The New York Times, is one of two governors who U.S. authorities believe are on Carrillo's payroll. "In Morelos there is no significant presence of the drug trade," Carrillo Olea told NEWSWEEK, adding that the accusations are "absolutely false".

Back in his hometown of Villa Angel Flores, Don Amado's mother says she hasn't seen her son for four years, and insists he is simply a successful farmer. Well, of a kind. Since he moves much of the coke and pot that cross the border, Mama Carrillo's boy does deal in lucrative crops.

With PETER KATEL

In Guadalajara and REINOUD
ROSCAMABBING in Cuernavaca

NOTES

Authorities: *Nhà cầm quyền, giới chức thẩm quyền*

Don: *Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là ngài*

Charges (n): *Sự buộc tội, sự kết tội, tội*

To pursue the case: *Theo đuổi vụ kiện*

To raid: *Tập kích, tấn công bất ngờ*

Warrant (n): *Lệnh bắt, trát của tòa án*

Code name, alias: *Bí danh, biệt hiệu*

To tip off: *Bật mí, bỏ nhỏ*

To drap: *Bao bọc, phủ*

Bougainvillea: *Hoa giấy*

A stone's throw: *Tầm ném 1 viên đá, không xa*

Governor: *Thống đốc, toàn quyền*

Payroll: *Bảng lương, biên chế*

Accusation: *Sự kết tội*

Accuser: *Công tố viên, biện lý*

Coke and pot (SL) cocaine and marijuana: *hàng trắng, hàng đen.*

Lucrative crop: *Vụ mùa bội thu*

PATTERNS

3.1. ING after clause

a. Authorities release him a few months later, saying that they lack sufficient evidence to pursue the case.

b. The Archbishop opens his eyes for a while, whispering something that seems to be an oracle to John.

c. Jeanne has recently gone wither, murmuring the vague spellings that her secrecy is under the wardrobe.

d. The thief stealingly enters the flat, unlocking the safe with the old tools he brings with.

e. The Detective's Informants tipped off the storage of the new amount of coke that the New York's tongs (băng xã hội đen) had covered.

f. The company is abusing their workers, telling them they will be covered, and they are not.

3.2. Past Perfect Continuous Tense

a. She stood in front of the old computer that he had been using.

b. Joe's mother had been working in the factory before she married his father.

d. He told me that he had been drinking for hours before falling asleep on the desk.

e. The DEA had been combing his hide-out many times, but nothing was found.

f. The vendors had been going around the General Attorney's mansion for nearly an hour before the assassin appeared.

3.3. Idioms with to/ into

a. I am scared to death, he puts a big worm into my shirt.

b. After buying a mass of second-hand machines, he brought them into operation.

c. Let's feed her something, she is starving to death.

d. My precious pictures of my calf's love (mối tình đầu) have been pulled into shreds.

e. His way of joking makes me bored to tears.

Selection 4

GRANNY GET YOUR GUN

AK-47s and fire bombs are now as 'normal' as casino chips in the future Chinese territory

BY DORINDA ELLIOTT

Sleepy backwaters like Macau aren't supposed to make so much noise. Over the last year, more than 15 bombings outside bars and government offices have shattered the somnolence of the 440 year-old Portuguese colony on the South China coast. Last month a wave of arson attacks reached finale when two cars and dozens of motorcycles erupted in flames almost simultaneously at four different places around the town. The murder toll doubled in 1996- to more than 20 in a tiny territory with fewer than a half-million people. In the most brazen attack, somebody fired rounds from a Chinese Army handgun into the head and back of government gambling inspector Manuel Apolinario, somehow failing to kill him. "I am not afraid", says Apolinario, who is back on the job, but with a full-time bodyguard. "This is normal"

Normal? Peace and quiet are supposed to be normal in Macau, the only place in capitalist East Asia that has

largely slept through the recent boom years. There's plenty of tension 50 miles to the East, in Hong Kong, where people are fighting to preserve the integrity of the courts, civil service and democratic legislature after Britain hands the territory back to China in July. Macau, which will return to China in 1999, shares no such anxieties: the Portuguese government has been ready and eager to give back its six-square-mile Asian colony for years. But what exactly will China get? Its Portuguese prize may turn out to be a draft of poison. Macau's economy is once again slumping, and the crime spree is hurting "social stability, economic development and the territory's smooth transition" to Chinese rule, warns Xinhua, the mainland news agency.

NOTES

Casino chips (n.): *Phỉnh đánh bạc (miếng nhựa tròn thay cho tiền)*

Territory (n.): *Lãnh thổ*

Back-waters (n.): *Vùng nước ngược, nơi cô lập*

To shatter: *Tan vỡ, tiêu tủng, đảo lộn*

Somnolence (n.): *Sự ngái ngủ, mơ mơ màng màng*

Arson (n.): *Đốt (nhà), thiêu hủy*

Finale (n.): *Cao điểm (nghĩa trong bài)*

Toll (n.): *Số tử vong*

Brazen (adj.): *Vô liêm sỉ, trơ trẽn, táo bạo*

Rounds (n.): *Băng đạn*

Inspector (n.): *Thanh tra*

To be back: *Trở lại*
Bodyguard (n.): *Vệ sĩ*
Capitalist (adj.): *Tư bản*
Boom (n.): *Bùng nổ, phát triển mạnh*
To preserve: *Gìn giữ, bảo tồn*
Integrity (n.): *Tính chính trực, sự toàn vẹn*
Legislature (n.): *Ngành lập pháp*
To hand: *Giao*
Anxieties (n.): *Mối lo*
Be eager: *Hăng hái*
Dawn: *Bình minh, buổi đầu*
Turn out to be: *Hóa ra là, lại trở thành*
Slump: *Suy thoái*
Draft (n.): *Bã*
Spree: *Lan tràn*
Spending, shopping spree: *Tiêu xài thỏa thích*
Transition: *Quá độ, chuyển giao*
Xinhua: *Tân Hoa Xã*

PATTERNS

4.1. Be supposed To

- a. Sleepy backwaters like Macau aren't supposed to make so much noise.
- b. Peace and quiet are supposed to be normal in

Macau, the only place in capitalist East Asia that has largely slept through the boom years.

c. You are supposed to finish this assignment before August 15.

d. The bloodshed war between the minorities in Rwanda is supposed to be settled by the UN.

e. The bettors are supposed to be charged on their cheating.

4.2. Turn out to be

a. I thought she was the director of IBM, however, she turned out to be the maid.

b. It seems to be dawning on Beijing that its Portuguese Prize may turn out to be a draft of poison.

c. Hilter's ambition of domination the western part of the world turned out to be a laughing stock.

d. His famous thesis of doctoral degree turned out to be a plagiarism.

e. All of the government's post war reconstruction plans turn out to be a sham.

4.3. Much more, much less (*huống hồ gì*)

a. Timothy Mc Veigh dared to bomb Oklahoma City on April 19, 1995, which killed 168 people, much less this lousy mission.

b. Even the American President he could assassinate, much less the unknown doctor.

c. She was able to bring President Clinton to the court for his harassment, much less this tiny case.

d. This laser-scanner can make a three-dimensional picture easily, much less a common photo.

e. Having recovered from a fatal disease, he finds it difficult to eat up a piece of steak, much more such a big loaf of bread.

f. Though this car looks beautiful, it cannot finish that distance without a break, much more such a drive from Washington to Virginia.

Selection 5

GRANNY GET YOUR GUN (Cont.)

AK-47s and firebombs are now as 'normal' as casino chips in the future Chinese territory

BY DORINDA ELLIOTT

Macau has long lived on the edge of quiet anarchy. Founded as a Portuguese trading post in 1557, it achieved more success as a Jesuit missionary center than as an economic dynamo. More recently the little enclave of crumbling colonial architecture and cheap wine has earned 70 percent of its budget from casino gambling. Portuguese Gov. Vasco Joaquim Rocha Vieira holds nominal power. But Chinese unions and societies- called the "Red Camp" by locals- keep Macau ticking. And the territory's casino king, billionaire tycoon Stanley Ho, has wielded enormous power since winning a monopoly on Macau's legal gambling businesses in the 1960s- in exchange for paying 30 percent of his gross revenue in taxes, investing in social services and promoting local culture. When Ho complained recently that the government had to do more to stop crime, Governor Vieira told him to do more himself.

Macau is no Monaco. Its hotel traditionally have catered to a low-rent local crowd typified by the Chinese grandma in pijamas working the slot machines. In the 1980s, as Deng Xiaoping's economic reforms ignited rapid growth and generated vast wealth in Hong Kong and southern China, Macau elevated its own ambitions- and that's when its problems started. Mainlanders flush with new money began to pour investments into construction in Macau and to shovel huge piles of cash into the casinos. Looking for easy money, the casino operators began leasing out VIP rooms to tour groups of high rollers from throughout Southeast Asia. At the casino Lisboa, a gilded 1960s vision of the space age, bettors crowded around the baccarat tables, which accept the highest wagers, attended by loan sharks in the coffee shop downstairs.

NOTES

Missionary center: *Trung tâm truyền giáo*

Economic dynamo: *Cỗ máy kinh tế*

Enclave (n.): *Vùng đất lọt giữa đất khác, vùng bị bao bọc, riêng biệt, cô lập*

Crumbling (adj.): *Đổ nát*

Gov. = governor: *Thống đốc, toàn quyền*

Keep something ticking: *Giữ làm vỏ bọc*

To wield: *Nắm giữ*

Monopoly (n.): *Độc quyền*

Gross revenue: *Lãi gộp*

To promote: *Gia tăng*

To cater: *Cấp dưỡng, phục vụ*

To typify: *Điển hình*

Slot-machine: *Máy cờ bạc*

To ignite: *Kích nổ, kích thích mạnh*

To elevate: *Nâng cao*

To flush: *(bóng) Mắt sáng lên*

to shovel: *Xúc bằng xẻng, đổ vào*

To lease out: *Thuê dài hạn*

High rollers: *(bóng) hàng đàng, hàng đồng*

Gilded: *Mạ vàng*

Bettor: *Khách đánh bạc*

Baccarat: *Bài Baccarat*

PATTERNS

5.1. In Exchange For

a. The casino's king has wielded enormous power in exchange for paying 30% of his gross revenue in taxes.

b. The Panama's authorities are blamed for releasing the terrorists, in exchange for the hostages.

c. Israeli Prime Minister eventually approved to give in (nhượng bộ) a little in exchange for the peace accord.

d. She unwillingly agrees to get married with that brazen old guy in exchange for getting herself out of trouble.

e. At last, Tamil guerrillas accept not to bomb the airport in exchange for getting back 15 soldiers.

5.2. ING after clause

a. The combination of so much money and so little law enforcement also proved irresistible to an exotic variety of Asian gangsters, indirectly allowing them to mushroom.

b. The successor has already distanced himself from the massacre, covering him with an immortal halo.

c. When incumbent presidents avoid a primary election, they win, allowing their close ally to get lucrative positions.

d. Last week an L.A judge imposed a sentence of nine years on Marion Knight, ruling that the Death Row Records had violated probation.

e. Diana's finery bidding is held ceremoniously giving proceeds to AIDS and cancer research.

Selection 6

JAPAN

OLYMPIC MUSIC: AN ODE TO GRIEF

The opening ceremony of next winter's Nagano Olympics should be a perfect opportunity to showcase Japanese culture. First temple gongs will clang, some wrestlers will waddle forth, children wearing traditional straw hats will dance. But then the festivities will build up to a resounding, climactic performance of choir music from Beethoven's Ninth Symphony- in German. Some Japanese are livid. "Why should German culture dominate?" says a member of the Nagano Olympic Organizing Committee. "It's stupid. In a very awful way, it could even revive memories of World War II: the alliance between Japan and Germany, the Nazis, the Holocaust".

Japanese producers of the ceremony, sensitive to any whiff of controversy, aren't taking any chances. They surveyed several European embassies, as well as members of world-class orchestra, to determine if foreigners were offended by their plan. Nobody was Beethoven's backers point out that his Ninth Symphony, whose fourth movement is called "Ode to Joy", was completed in the early 19th cen-

tury and is meant to be a celebration of harmony. And now Beethoven is part of global culture: some of his biggest fans live in Japan, where performances of the Ninth attract sellout crowds. “The meaning of the Ode to Joy is that we are all brothers”, say Haruhiko Hagimoto, a senior producer of the Olympic ceremony.

Global harmony will have to overcome some technological hurdles as well. Japan’s most renowned conductor, Seiji Ozawa, plans to lead a dream-team orchestra in Nagano, while choirs from five continents sing together via satellite link. The worry is that a slight time lag between, say, New York and Beijing could have voices clashing rather than harmonizing. The organizers plan to use a specially created “time-lag adjuster” to get around the problem. Now, that’s Japanese.

NOTES

Ode (n.): *Thơ ca ngợi*

Gongs: *Cồng, chiêng*

Clang: *Vang lên*

To waddle: *lạch bạch*

Festivities: *Hoạt động liên hoan, lễ*

Resounding (adj.): *Nhấn mạnh*

To dominate: *Vượt trội, thống trị.*

Nazi: *Đảng quốc xã Đức*

Holocaust: *Tên một trại giam có lò hơi ngạt*

Orchestra: *Dàn nhạc hòa tấu*

To offend: *Đả kích*

Backer: *Người ủng hộ*

Movement (n.): *(nhạc) phần*

Sellout crowd: *Đám đông mua sạch vé (nghĩa trong bài)*

To overcome: *Khắc phục*

Hurdles (n.): *Trở ngại*

Via (prep): *Qua*

Time lag: *Quãng thời gian chậm trễ*

To get around: *Giải quyết, hòa giải*

PATTERNS

6.1. Noun phrase/ clause

a. The worry is that a slight time lagging between, say, New York and Beijing could have voice clashing rather than harmonizing.

b. Living in the deserted house, to me, means a life imprisonment sentence.

c. That another Hong Kong gang, the Big Circle, includes former people's liberation Army commandos makes the governor puzzle.

d. Where the get-away refugees hid is still a mystery.

e. That the mainland has dominated the enclave's economy caused a surge of offence.

6.2. Might

a. If you hurry, you might just get there in time.

- b. He said he might be coming, but he wasn't sure.
- c. I can't find my umbrella, I've feeling I might have left it on the bus.
- d. Excuse me, do you think I might have something to drink?
- e. Jane asked her boss if she might have an afternoon off to do her Christmas shopping.

Selection 7
MEDICINE

TRADITIONAL HEALER, M.D.

Does your medical plan cover bone throwing?

*I*n a sparse compound of thatched huts in South Africa's desolate Northwest province, Olga Mokwena is hard at work in her thriving medical practice. Wearing a headdress of black, green and pink feathers and a brightly colored wrap, she shakes a fur sack, scatters its contents on a straw mat and concentrates on the jumble of animal bones, shells and trinkets that litter the floor. Mokwena is "throwing the bones" to diagnose a 20-year-old patient. A medical doctor would say that the frail woman with sores on her lips has AIDS. But Mokwena, a sangoma, or traditional healer, says there is more to her affliction. Her illness comes from dishonoring her ancestors, she says. As a result, they are withholding their healing powers. Mokwena will concoct a blend of herbs, animal parts, barks and incantations to help heal her. She claims she has already cured many AIDS patients. "This is unbelievable, but true", she says.

Mokwena may sound like a quack, but traditional healers like her are gaining respect in South Africa. During apartheid, Mokwena had to slip patients into her hut after midnight. “This kind of healing was not allowed”, she says. “We were called witch doctors”. Now not only can she practice by the light of day, but a growing number of companies are offering medical coverage that pays for her services. In January, South Africa’s electric utility, ESKOM, began paying for employees’ sangoma care. This spring the state-owned telephone company, TELKOM, and the postal service will follow suit. Private firms are due to start soon. The Thamba Traditional Healers Scheme, which enrolls sangomas and administers billing and payment, predicts that in six months as many as 40,000 employees could have their bone throwing paid for by their employers.

NOTES

Sparse compound (n.): *Khu thưa thớt*

Thatched hut (n.): *Lều tranh*

Wrap (n.): *Tấm vải quấn quanh người, xà rồng*

Straw mat: *Chiếu lát*

Trinkets: *Đồ trang sức nhỏ, rỏ tiền*

To litter: *Rơi, vãi*

Bone throwing: *xử quẻ, gieo quẻ (đoán số, đoán bệnh)*

Frail (adj.): *Ốm yếu*

Affliction (n.): *Nỗi đau, hoạn nạn*

To dishonor: *Bất kính*

To withhold: *Từ chối, ngăn cản, giữ lại*
Jumble (n): *Mớ lộn xộn, mớ bòng bong*
To concoct: *Pha, chế*
Incantation (n.): *Thần chú, bùa phép*
Quack (n.): *Lang băm*
Apartheid: *Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc*
Witch (n.): *Phù thủy*
Medical coverage: *Chi phí y tế*
State-owned: *Quốc doanh*
Follow suit: *Theo rắm rấp.*
Due (adj.): *Đúng hạn, đáo hạn*
To enroll: *Ghi danh*

PATTERNS

7.1. For the Sake of

a. Maria obviously tried to finish the task, despite the danger, not for the sake of money.

b. For heaven's sake pull yourself together!

c. The poor man begs the cruel thugs to pardon him for the pity's sake.

d. With "Lost Highway", David Lynch has made a movie that will drive you bananas for his own sake.(drive you crazy).

e. You are to hand in your assignments on time for your own sake,

7.2. Idiomatic Expression with 's

a. Carrillo's reportedly has a mansion behind a wall draped in bougainvillea in Cuernavaca which is a stone's throw from the home of Jorge Olea.

b. Martha ought to be more careful of her duty, she may be dismissed at the moment's notice.

c. That tough lawyer does stick to me, I am to keep him at my arm's length.

d. My Prof. Andrew is at his wit's end. His Dean is angry with him and a lot of difficulties are ahead of him.

e. Did Ann get her money's worth last month?

Selection 8

MEDICINE

TRADITIONAL HEALER, M.D. (Cont.)

Does your medical plan cover bone throwing?

For South African companies, it simply makes good business sense. There are more than 200,000 traditional healers in South Africa, compared with only 4,000 doctors. Health-care experts estimate that 80 percent of South Africans receive the majority of their medical care from healers. Companies like ESKOM and the mining houses have large rural black work forces. Health-insurance companies, looking for ways to lower their costs, asked employees which care options they wanted. Many said they wanted to be able to consult traditional healers. ESKOM says everyone benefits; employees receive the medical attention they are most comfortable with, and the company saves money.

Critics charge that such companies are merely paying lip service to alternative medicine. At ESKOM, each employee is limited to sangoma treatments worth 600 rand (about \$140) a year. "Six hundred rand is a joke", says

Solomon Mahlaba, head of the African National Healers Association. (At Mokwena's, for example, treatment for, say, diabetes can cost 4,000 rand; she plans to join Thamba next month). "These companies are abusing their workers, telling them they will be covered, and they are not".

Medical observes agree that if traditional healers are to become better accepted, their practices and qualifications need to be regulated. ESKOM spokesman Peter Adams admits the company's plan is "experimental". "Our exposure is very limited", he says, adding that fewer than 20 of ESKOM's 40,000 workers have elected the option so far. Still, he says, it's a start. "In the old South Africa, anything that smacked of African culture or heritage was regarded as second rate- as a matter of government policy". In the new South Africa, the sangoma is in.

Marcus Mabry in Northwest province.

NOTES

Traditional healer: *Thầy thuốc cổ truyền, thầy lang*

Mining houses (n.): *Công ty khai thác mỏ*

Rural (adj.): *Thôn quê*

Health insurance: *Bảo hiểm y tế*

To look for: *Tìm, kiếm*

Option (n.): *Sự lựa chọn*

To be optional: *Tùy ý*

To consult: *Tham khảo ý kiến*

To benefit: *Có lợi, được lợi*

Lip service (n.): *Đầu môi chót lưỡi*

Association: *Hiệp hội*

Diabetes (n.): *Bệnh đái đường*

To abuse: *Lạm dụng, lăng mạ, ngược đãi*

Abuse (n.): *Sự lăng mạ*

To be to: *Phải, sắp sửa*

Practice (n.): *Công việc, sự thực hành*

Qualifications: *Khả năng, tài nghệ*

To smack: *Vỗ mạnh, đung chạm đến (nghĩa trong bài)*

PATTERNS

8.1. Phrasal verbs- To give

a. Japanese industries definitely didn't give a way to American opponents in the field of automobile and telecom. (nhượng bộ)

b. After long hours of clinic practicing, the body of doctors let her on (báo tin) the news that her husband gives up his destiny.

c. The principal culprit of the Genoa Massacre has made up his mind to give himself up. (nộp mình, đầu thú)

d. There is one memory that I can never forget: that is she gave the world to marry me. (bỏ hết tất cả)

e. She feels at ease when she is given to appetite.

8.2. Phrasal verbs - To go

a. Never go aside (đi lệch) the path I showed you, otherwise you'll go astray (lạc) and you'll be picked up by the witch once again.

b. If there isn't enough food to go around (đãi mọi người), I'll fetch the chef to tear him off.

c. Once you give your words, don't go back on again. (nuốt lời)

d. As there's a long distance to get the aim, some pharmaceutical firms have gone back on the scheme. (quay lại)

e. The new play went down very well with the audience. (tỏ ra thành công)

f. Mike Tyson has been betted to give Hollyfied a K.O. but unluckily, he goes down before a strong-will opponent.

g. The sun has slowly gone down, the poor slave has to go home at full lick.

h. For he used to go about with the villains, his goodness gradually disappears into the thin air. (chơi với)

i. The paradigm Rockefeller would go to any lengths to force his enemies to give up. (bằng mọi giá)

j. If you hadn't gone against my advice last year, you would have been successful. (chống lại)

Selection 9

ITALY

FORMULA ONE ON TRIAL

Was a champion's death an accident or a crime?

BY DAVID GORDON

Almost three years later, the question is still why. On May 1, 1994, Brazilian racing star Ayrton Senna was zooming along on the seventh lap of the San Marino Grand Prix near Imola, Italy, Senna led the field, trailed closely by Michael Schumacher of Germany. As they approached the course's difficult Tamburello turn, Senna's Williams-Renault hugged the inside of the track. Suddenly, at a speed of 306 kilometers per hour, the car changed direction, veered off the road and smashed into a concrete wall. The king of racing was dead, and the controversy about the cause of the crash commenced. Was it simply an unfortunate accident? Did the 34-year-old Senna, regarded by many as the greatest driver of all time for his 41 victories and three world championships in 10 years, commit some fatal error? Was the track bad? Or, did a faulty car design cause the crash?

In a makeshift courtroom, not far from the Tamburello bend, six people just went on trial, accused of causing Senna's death. The most prominent defendant is Frank Williams, owner of the most accomplished team in Grand Prix history- and Ayrton Senna's last employer. Also in the dock: two Williams associates and three racing officials, including one from the Paris-based International Federation of Automobiles (FIA), Formula One's ruling body. Backed by a 500-page report on the crash, prosecutors say a faulty weld caused the steering column to snap as Senna tried to make the fatal turn, a charge aimed at the Williams team. The race officials are blamed for an unsafe track. All six defendants deny the charges.

NOTES

On trial: *Ra hầu tòa*

To zoom: *Vọt, phóng nhanh*

Lap: *Vòng đua*

Led the field: *Dẫn đầu*

To trail: *Theo sát*

Turn (n.): *Khúc cua, ngoặt*

To hug: *Ôm*

Track: *đường đua*

To veer off: *Xoay vòng, đổi chiều*

To smash into: *Đập mạnh vào, đâm sầm vào*

Concrete: *Bê tông*

To commence: *Bắt đầu*

To commit: *Mắc phải*

Fatal error: *Sai lầm chết người*
Faulty (adj.): *Có khuyết điểm*
Makeshift: *Tạm thời*
Defendant (n.): *Bị cáo*
Dock (n.): *Ghế của bị cáo*
Associates: *Cộng sự viên*
Paris-based (adj.): *(Có trụ sở) ở Paris*
Formula One: *Đua xe thể thức 1*
The crash: *Vụ đụng xe*
Prosecutor: *Công tố viên*
Weld: *Mối hàn* (*Welder: Thợ hàn*)
Steering column: *Trục lái*
To blame for: *Đổ lỗi vì*
Charges: *Sự buộc tội*

PATTERNS

9.1. Phrasal verbs- To carry

a. It was a difficult meeting, but he carried it off very well. (không nao núng)

b. I know you are excited about the newly-born puppy, but don't carry it away!

c. The teacher told them to carry on with what they'd be doing the day before. (tiếp tục)

d. The way he carries on, you'd think he was the manager, not the chief clerk! (thực hiện)

e. Having done so much work on the project, she thinks it's worth carrying it through to its conclusion.(đưa đến)

9.2. Verbs + prepositions

a. That is the party he belongs to and devoted his life to.

b. The artist of surrealism has dedicated his paintings to and deposited his soul on his hometown.

c. Strange enough, he is indifferent to and even shows his negative attitude to what I brought to him.

d. His supervisor asks him to move to and spend the rest of his life in Chicago.

e. The unknown writer asks the publisher to have a sympathy with and try to issue his work as soon as possible.

9.3. Phrasal verbs – To go

a. There they can torture you and kill you and they can go scot-free.(vô sự)

b. Having lost the only crutch in the last fighting, he went short to the rocky beach where his boat anchored.(cà nhắc)

c. I usually disagree with my General Director whenever he abides by his own standards and goes to extremes.(đi quá trớn)

d. At the end of the year, we were invited to go to grass for 3 weeks.(đi chơi)

e. At the news of her family's missing in her hometown, she went to pieces.(tan nát cõi lòng)

Selection 10

A CLONED CHOP, ANYONE?

Dolly will speed the race for new products like drugs and human organs. But don't look in the meat counter.

**BY LARRY REIBSTEIN
AND GREGORY BEALS**

Last week's cloning announcement predictably prompted a rash of phone calls to Lisa Tuckerman, a money manager whose job is to spot investments in the biotech field. Were these investors looking to make a buck in the New World of cloning? Not exactly. They were reporters wanting interviews. Tuckerman, in fact, said she didn't get a single Wall Street call wondering about Dolly's money making opportunities.

Wall Street is notoriously short-term oriented, so it's appropriate that investors ho-hummed the cloning news. After all, it will likely be five to 10 years, a lifetime for Wall Street, before any practical, or profitable, applications spring out of the development. To be sure, the stock of the tiny PPL therapeutics rose 65%, but most other biotech stocks

barely burged. Yet the Scottish advance adds promise to the race to engineer animals that could produce drugs for an array of human health problems. Scientists envision cows that produce milk formula for premature infants, and animal organs that genetically similar to human organs. All this is theoretically possible, and was even before last week's announcement. But the real business question is whether cloning will be a better way to build drugs- or an unreliable sci-fi adventure.

Cloning is the latest enhancement of a biotech field called transgenics. For at least a decade, a handful of transgenics companies have been altering the embryos of goats, pigs and mice with human genes so they can produce proteins and drug for treating cancer and other diseases.

No transgenic products are for sale, but human testing is starting. The furthest along, Genzyme Transgenic Corp., has grown goats whose milk contains a human anticlotting protein that can be used in heart-surgery patients. PPL has already bred cows, including one named Rosie, which may product milk containing a protein beneficial for infants who can't nurse. Other companies, like Alexion Pharmaceutical, are working on ways to get pigs to grow hearts and kidneys that won't be rejected in transplants.

NOTES

To clone: *Sinh sản vô tính*

A rash of: *Hàng loạt*

To spot: *Xác định, định vị*

To make a buck: *Kiểm tiền*

Notoriously: *Khét tiếng, nổi tiếng vì chuyện không hay*

Short-term oriented: *Đầu tư ngắn hạn, làm ăn chộp giật.*

To hohum: *Thờ ơ, không mặn mà*

To spring out: *Nảy sinh*

To budge: *Nhúch nhích*

To engineer: *Chế tạo*

Array (n.): *Hàng loạt*

Premature infants: *Trẻ sinh non*

Sci-fi adventure: *Phiêu lưu viễn tưởng*

Enhancement (n.): *Sự hấp dẫn*

Transgenics: *Ngành ghép gen*

Embryo (n.): *Phôi, bào thai dưới 3 tháng (của người)*

Anticlotting: *Chống đông máu*

The furthest along: *Công ty tiến xa nhất trong lãnh vực*

To breed, bred, bred: *Nuôi dưỡng*

Beneficial for: *Có lợi cho, tốt cho*

To be rejected: *Bị phản ứng nghịch*

PATTERNS

10.1. Had better/ Would rather

a. For a better result of the next exam, you'd better build up more experiments.

b. Had we better not work for Mitsui just for it often examine personnel's capacity?

c. Workers usually complain about the pay-scale, they'd better send their proposals to the Trade Unions.

d. Roche Therapeutics had better spot investments in Transgenics as soon as possible.

e. Marilyn Monroe would rather kill herself than living under such a pressure of public.

f. It's so nut to go camping in such a weather, we would rather stay home and enjoy the new hi-fi.

g. Be wary of car advertisements, I'd rather buy a second-hand Mercedes-Benz than anyone else.

h. Are you sure he would rather die on that faulty racing car than withdrawing from the list?

i. I'd rather have a drink with my buddies than seeing Arnold's comic films.

10.2. Defining/ Non- Defining clause

a. Lisa Tuckerman, a money manager whose job is to spot investments in the biotech field, had a lot of phone calls.

b. Rio Di Angelo is the last insider, the survivor who knows the secrets of the suicide cult.

c. The National Symphony director, who pieced together a 12-minute first movement of Beethoven's Tenth symphony notes, said it was the interpretation of the composer's idea.

d. The Spice Girls, who had a great success in Britain, brought their annoying Britpop to the U.S, spearheaded by the hit single "Wanna be".

e. Michael Selzer, who is the president of Bibliofind, Inc., said that the booksellers help keep sending daily electronic updates, about 3,000 files a day.

Selection 11

A CLONED CHOP, ANYONE? (Cont.)

Dolly will speed the race for new products like drugs and human organs. But don't look in the meat counter.

**BY LARRY REIBSTEIN
AND GREGORY BEALS.**

Cloning promises to some-day do all that – but quicker and more efficiently. Transgenics companies now must breed their genetically altered animals through several generations to get the right mix, a costly hit-or-miss process that could take several years. PPL spent \$4 million developing Rosie and two herds of cows in West Virginia, versus \$750,000 for Dolly. And traditional biotech firms produce proteins by altering human cells in large vats of yeast, an expensive technique too.

But with cloning, companies could engineer the desired animal with the new drug-producing genes and replicate it hundreds of times over – a paradigm Henry Ford would recognize. And not only would there be more ani-

mals, says PPL, but each would be more efficient. Alan Colman, PPL research director, says that when using normal transgenic breeding, only 1 or 2 of every 10 sheep produces a high level of the desired protein. But with cloning, he predicts, "they'd all be high-producing animals, and we'd have a production herd in the first generation".

PPL is already talking about a \$1 billion market for itself early in the next decade. It hopes to clone genetically engineered animals that will produce a tissue glue for use in surgery and a drug for cystic fibrosis.

Is all this just double talk? The potential needs clearly exist, but the scientific and commercial hurdles are steep. PPL first has to clone an animal with human genes, and Colman told Newsweek it hopes to do that with a sheep by the end of this year. But its success rate at cloning Dolly was only about 3 percent, a level it would have to improve considerably to make its technology cheaper than competing biotech methods. "In the end, it's simply a manufacturing question: can they make [drugs] cheaply and safely?" says Tuckerman.

There's another question when it comes to clone herds, of course: does any body want to eat a cloned chop? The real answer is that it may depend on how one tastes. But the marketing problems could be nightmarish, and last week giant food companies said they weren't interested.

Newsweek March 10, 1997

NOTES

To do all that: *Thực hiện tất cả*

Transgenics company: *Công ty ghép gen*

Generation (n.): *Thế hệ*

The right mix: *Đúng giống lai cần thiết*

Hit-or-miss process: *Tiến trình may rủi, một ăn hai thua*

Herd of cows: *Đàn bò sữa*

Versus (viết tắt là Vs.): *So với, chống với*

Vat of yeast: *Vại men*

Drug-producing genes: *Gen trị bệnh*

To replicate: *Nhân lên, sao ra*

Paradigm Henry Ford: *Vua xe hơi Mỹ, người sáng tạo ra phương pháp dây chuyền*

Desired protein: *Chất protein mong muốn*

Genetically engineered animals: *Các con vật được sinh theo công nghệ di truyền.*

Tissue glue (n.): *Keo dán mô*

Surgery (n.): *Ngành giải phẫu*

Cystic fibrosis: *Bệnh xơ nang*

Double talk (n.): *Nói nước đôi, nói mập mờ*

Commercial hurdle (n.): *Cản trở về mặt thương mại*

To improve considerably: *Cải thiện rất nhiều*

A cloned chop: *Một miếng thịt vô tính*

PATTERNS

1.1. Find N, It + adj.

Make N, It + adj.

a. At least, Boris finds his plan of expanding another branch theoretically feasible.

b. Health officials in the former U.S.S.R find the AIDS epidemic impossible to combat for the countless of prostitution and anonymous sex.

c. The yuppies find it easy and cheap to use HYMKA, a liquid opiad injected intravenously.

d. The Chief Executive of new Hong Kong tries his best to make his policy easy to abide by in the former colony.

e. She said she found it hard to finish the assignment within 3 weeks.

11.2. Inversion

a. And not only would there be more animals, says PPL, but each would be more efficient.

b. Never did the drug addiction thrive nearly everywhere in the former Republic than today.

c. Only does he agree to go out with me, his family feels comfortable.

d. Neither does China approve the U.S. proposals of human rights, nor does she cooperate in the military field.

e. Neither does the bitter personal feud threaten to topple Indian Prime Minister DEVE GOWDA, nor do the demonstrations menace him.

11.3. Consider it + N., As, Adj.

a. The interested people considered J.F.KENNEDY 's assassination a mystery that they were supposed to discover.

b. Nearly all the countries in the world consider Macau an independent nation.

c. The Gandhis, who ruled India for most of its 50 years, are considered the honest leaders in Indian history.

d. Nawa Sharif, who was elected Prime Minister of Pakistan in Feb. 1997, was considered as a hero as he pulled off a bloodless political coup.

e. It was a bold stroke for a leader who, during his previous terms in the early 1990s, was considered as a modest and unassuming man.

f. MAZAR- I- SHARIF, the capital of AFGHANISTAN, is considered vulnerable when the Taliban's Muslim zealots close in.

g. Even in the depths of winter, Taliban's gunmen, who were considered very brave, wear flimsy southern clothing and sometimes fight barefoot in the snow.

h. Ignorance about the risks of HIV, which is considered foolish nowadays, was widespread among intravenous-drug users.

Selection 12

TODAY THE SHEEP

Tomorrow the shepherd? Before science gets there, ethicists want some hard questions asked and answered.

BY KENNETH L. WOODWARD

Twenty years ago, when only the lowly tadpole had been cloned, bioethicists raised the possibility that scientists might someday advance the technology to include human beings as well. They wanted the issue discussed. But scientists assailed the moralists' concerns as alarmist. Let the research go forward, the scientists argued, because cloning human beings would serve no discernible scientific purpose. Now the cloning of humans is within reach, and society as a whole is worried.

Today the sheep- tomorrow the shepherd? Whether the cloning of human beings can be ethically justified is now firmly, perhaps permanently, on the nation's moral agenda. President Clinton has given an advisory panel of experts just 90 days to come up with proposals for government action. The government could prohibit the cloning of human beings or issue regu-

lations limiting what researchers can do. But the government cannot control the actions of individuals or private groups determined to clone humans for what ever purpose. And science has a way of outdistancing all ethical restraints. "In science, the one rule is that what can be done will be done", warns Rabbi Moses Tendler, professor of medical ethics at Yeshiva University in New York.

Some ethicists regard the cloning of humans as inherently evil, an intrusion into human life. Others measure the morality of any act by the intention behind it; still others are concerned primarily with the consequences- for society as well as for individuals. What's wrong with duplicating a sibling whose bone marrow could save a sick child? That, Father McCormick believes, is using another human being merely "as a source for replaceable organs". But why shouldn't an infertile couple resort to cloning if that is the only means of having a child? "Infertility is not an absolute evil that justifies doing any and every thing to overcome it", McCormick insists.

Other ethicists see possible exceptions to a general rule against cloning. Tendler opposes cloning on Biblical grounds. But if sterile second - generation Holocaust survivor wanted a male heir to continue a family line, the rabbi says he might advise the man to clone rather than use donor sperm. Boston College moral theologian Lisa Sowhill Cahill is "not yet convinced that cloning human beings is inherently evil". The mother of identical twins, Cahill questions whether creating a clone necessarily violates the dignity of the original or of the genetic copy. As with other ethicists, what most concerns Cahill is the commodification of human beings

and their genes. Forget hubris, consider commerce. What's to prevent the transfer of a dollop of DNA to a wealthy people who wants an especially beautiful, swift or smart child?

With ANNE UNDERWOOD in New York.

NOTES

Ethicist (n.): *Nhà đạo đức, nhà luân lý*

Tadpole (n.): *Nòng nọc*

To advance: *Tiến bộ*

To assail: *Tấn công, công kích*

Alarmist: *Kẻ gieo hoang mang*

Discernible: *Có thể phân biệt rõ*

Within reach: *Trong tầm tay*

To pant down: *Thở hổn hển, (bóng) lo sợ*

To justify: *Chứng minh*

Moral agenda: *Chương trình nghị sự về đạo đức*

Firmly: *Chắc chắn*

Panel (n.): *Nhóm*

To come up with: *Theo kịp*

To issue: *Đưa ra*

Regulations (n.): *Luật lệ, quy định*

Restraints (n.): *Cản trở, kiềm chế*

Rabbi: *Linh mục Do thái giáo*

Inherently Evil: *Tội lỗi cố hữu, tội tổ tông*

Evil: *Tội lỗi*

Intrusion: *Xâm nhập*

To measure: *Đo*

Intention: *Cố ý, ý đồ*

To duplicate: *Sao ra*

Sibling (n.): *Anh (chị, em) ruột*

Bone marrow: *Tủy xương*

Infertile (adj.): *Hiếm muộn*

Absolute evil: *Tội lỗi tuyệt đối*

To overcome: *Khắc phục*

Exception: *Ngoại lệ*

Donor sperm (n.): *Tinh trùng được tặng*

Sterile (adj.): *Vô sinh*

Holocaust survivor: *Người sống sót trong trại giam*

Holocaust (có lò thiêu xác thời Hitler)

PATTERNS

12.1. Purpose: to, in order to, that, in order that, so that

a. Whenever there is a calamity, a fund is set up to aid the victims.

b. She tries her best to learn another foreign language in order to modify her knowledge of linguistics.

c. The government does its utmost to restraint the spread of AIDS.

d. The rapidly rising number of HIV cases is espe-

cially ominous because none of the countries have the medical facilities, physicians or drugs that adequately treat the disease.

e. Parwasha, a refugee who fled the Taliban so that she could work to support her family, doesn't want to see fighting in her hometown.

f. Genghis Khan sent warriors to the vast alien areas in order that he could fulfill his dream of being the paramount.

12.2. Conditionals

a. Had he come to the party last night, he wouldn't have been so sad like that.

b. Had the thief known this picture is counterfeit, he wouldn't have spent a lot of energy and money to take it.

c. If Hector Feliciano hadn't dug around and turned up the names of former owners of the picture, France's general-audit office wouldn't have discovered that the museum held nearly 2,000 stolen art works.

d. If she were Culture Minister Philippe Blazy, she could use power to legally confiscate those paintings.

e. The fire would have wiped off easily, had the firefighters come without hurdles of curious people.

Selection 13

NEW HONGKONG

BY DORINDA ELLIOTT

The moment was 13 years in the making, the culmination of more than a decade of tense jokeying between the British and Chinese governments, of promises, finger-wagging and name-calling, and of nervous anticipation in Hong Kong. But the end of Empire finally is just a photo op that was over almost before it began. British and Chinese dignitaries watched stiffly from a stage before some 4,000 guests. As a crisp British military band, dressed in red uniforms and fuzzy Beefeater hats, launched a somber rendition of “God Save the Queen”, the Union Jack slowly dropped for the last time a few seconds before midnight. In the back of Hong Kong’s cavernous Convention Center, several Chinese guests jumped up unceremoniously to have friends snap their pictures in front of the descending flag. Ten seconds later the red and yellow flag of the People’s Republic of China rose. It was July 1, and the richest British colony was suddenly transformed into Hong Kong China.

PATTERNS

13.1. Causative Form: to have, to get

- a. Several Chinese guests jump up unceremoniously to have friends snap their pictures in front of the descending flag.
- b. The big oil spill off the TACU islands is so terrible that the government has it cleaned up by the cleanup crews at once.
- c. The president had the panel of experts engineer some new special optical tools.
- d. The Italian nutritionists get their new products market in Asian countries.
- e. The Minister of Industry has the power plants that he has long dreamt of built by the Australians.

13.2. Phrasal verbs- To pull, To put

- a. In the night of Sahara, Africa, she had to pull her lone oar in order to get away from the death.(tự xoay xở)
- b. The Taiwanese Representative pulled his opponents' nose by using his old tricks.(chơi khăm)
- c. His maiden art work was pulled to pieces by the contemporary critics.(phê phán kịch liệt)
- d. The aggressive parties pull wigs cat and dog when they meet financial problems.(cãi nhau dữ dội)
- e. The drug kingpin sat fishing in Rome and pulled strings that forced us to dance while cops were around.(giật dây)
- f. Don't pull the lobbying on me! You are to blame for it.(đổ vạ)
- g. He has put his best foot forward at the first meeting with his mates in the factory.(gây ấn tượng)

Selection 14

NEW HONGKONG (Cont.)

BY DORINDA ELLIOTT

*F*or many Hong Kong people, the moment was one of deep emotion - and ambivalence. For some, Jiang's delivery raised question about whether China understands the very different, international culture of Hong Kong - and whether its officials will be able to keep their hands off. The inaugural speech of Chief Executive Tung Chee Hwa, bland though it was, alarmed some people because he chose to speak not in Cantonese but Mandarin, the dialect of Hong Kong's new rulers. But people's relief at no longer having to wait and worry about an unknown future - and no longer having to declare their nationality as "British" or, even worse, "British (Hong Kong)", out weighed such political concerns. One Hong Kong financial executive said. "For today, this is just about being happy to be Chinese".

In the days leading to the historic event, the sense of excitement was as thick as the torrential rain that drenched all of the festivities. Celebrities from John Cleese to Grace Jones and international pols from Madeleine Albright to Kofi Annan all rubbed shoulders in the lobbies of the city's glittering hotels, as security personnel and thousands of

journalists kept watch. “It’s rather like a Grand Conservative Party conference”, said Britain’s former foreign secretary Douglas Hurd, one of the who’s who of British politics in attendance. William Hague, new head of the Tory Party, was a little upset when the Mandarin Hotel rejected his mainland Bankcard, which has expired, along with Britain’s lease, on June 30.

NOTES

Deep emotion: *Cảm xúc mãnh liệt, sâu sắc*

Ambivalence (n.): *Vui buồn lẫn lộn, mâu thuẫn*

Jiang: *Chủ Tịch Giang (Trạch Dân)*

Rally (n.): *Cuộc họp, mít tinh*

To raise question: *Đặt câu hỏi*

To keep their hands off: *Không nhúng tay vào*

Inaugural speech: *Diễn văn nhậm chức*

Chief Executive: *Đặc khu trưởng*

Tung Chee Hwa: *Đổng Kiến Hoa*

Cantonese (n.): *Tiếng Quảng Đông*

Mandarin (n.): *Tiếng Quan Thoại*

Dialects (n.): *Thổ ngữ*

Relief (n.): *Sự nhẹ nhõm*

To out-weigh: *Vượt hơn*

Financial executive: *Quan chức (cán bộ) tài chính*

Excitement (n.): *Sự hào hứng*

To drench: *Dội (nước) xuống*

Festivities: *Lễ hội*
Pol (n.): *Chính khách*
Lobby (n.): *Hành lang*
Glittering (Adj.): *Lấp loé sáng*
Security personnel: *Nhân viên an ninh*
Conference: *Hội nghị*
Who's who: *Danh nhân*
Tory Party: *Đảng bảo thủ Anh*
Labour Party: *Công Đảng Anh*
Expired: *Đã hết hạn*
To overbook: *Không còn chỗ đặt bàn*
To queue: *Xếp hàng*
To make his way: *Kiểm đường đi*
Shop-op: *Chụp hình (kiểu)*
Bump into: *Tình cờ gặp*
Commuter: *Khách đi xe tháng*
Tsui Hong Kwong: *Từ Hồng Quang*

PATTERNS

14.1. No longer, No more, Not any more

a. But people's relief at no longer having to wait and worry about an unknown future- and no longer having to declare their nationality as "British" or, even worse "British Hong Kong" outweighs such political concerns.

b. After defeating John Major's Tory, British new Prime

Minister Tony Blair has no longer to worry about his Labor Party's future.

c. Fewer than 15 percent of British voters are regular churchgoers, and some are no longer appealed to religion.

d. Six years after apartheid, blacks and whites don't argue over "transracial" adoption any more. (khác màu da)

e. Little Joshua was found on the concrete floor of a public toilet in Johannesburg's Hillbrow district in 1993 and she had obviously no more kits and kins. (thân thuộc xa gần)

f. The law against such "transracial" adoption was struck down 6 years ago and had no more arguments.

g. As the peace talks collapse, Netanyahu keeps reminding the Palestinians of their own impotence and gives them no more chance to negotiate.

h. Jordan's ruler, who pilots his own jet, wanted to fly Yasser Arafat from Amman to Gaza, but he has no more permission to land at the Israeli-controlled airport there.

14.2. Verb Prefixes

a. No examinee who was disqualified can be re-admitted to the exam room.

b. The drug-users who tried to overuse intravenous opiate can be died for the reaction.

c. He seems to half-understood what I signal him.

d. The fossil certainly ante-dates the coming of the Great pyramid.

e. The contract which we had signed before the coming of your opponent company can be post-dated at your will.

Selection 15

MEXICO

IS POPO READY TO POP?

A volcano blast puts the country on alert

The residents in and around Puebla were jolted last week when the government placed Mexico's only active volcano, Popocatepetl, on red alert. After two months of rumbling, on Monday the 18,000-foot Popocatepetl - "smoking mountain" in Nahuatl - let out its biggest blast since 1925, shooting ash 11 kilometers into the air. Mud slides threatened to wipe out the homes of 100,000 villagers living in the volcano's shadow. Soldiers rescued several farmers and remained on alert for further evacuations.

The blast was felt as far away as Mexico City, 72 kilometers to the northwest, where the airport was closed temporarily because of poor visibility and the threat of clogged engines. Residents of the capital woke up to a thin layer of gray grit covering everything. Street sweepers worked overtime, shoveling 400 tons of ash from the city center.

Though "Popo" calmed down a bit on Tuesday, scientists warned that their sensors were still picking up activity

inside the volcano. Yet villagers were reluctant to evacuate: when the government removed 50,000 farmers during a similar episode in 1994, many returned home to find that their livestock had been stolen. People seemed eager to make light of last week's eruption. Some joked that Popo must be a member of the Institutional Revolutionary Party (PRI), angry about the drubbing the ruling party was expected to take in the July 6 elections. That didn't stop some politicians from trying to take advantage of the disaster: the brochures they handed out explaining what to do in an emergency were emblazoned with the PRI logo.

NOTES

A volcano blast: *Núi lửa phun*

On alert: *Cảnh giác, báo động*

To jolt: *Xóc nảy lên, tung lên*

On red alert: *Báo động đỏ*

To rumble: *Chuyển động âm âm*

To shoot: *Bắn vọt*

Mud slides: *Dòng nham thạch*

To wipe out: *Hủy diệt, xóa sạch*

Shadow (n.): *Phạm vi*

To evacuate: *Di tản, triệt thoái*

Evacuation: *Sự di tản*

As far away as: *Cách xa chừng*

Temporarily (adv.): *Tạm thời*

Poor visibility: *Tầm nhìn kém, không thấy rõ*
Clogged engines: *Động cơ bị nghẹt*
Layer (n.): *Lớp, tầng*
Grit (n.): *Cát, sỏi*
Street sweeper: *Phu quét đường*
To shovel: *Xúc*
To calm down: *Lắng dịu*
Sensor: *Máy cảm ứng*
Episode (n.): *Giai đoạn*
Livestock (n.): *Gia súc*
Eager (adj.) to make light: *Hăm hở, hăng hái xoa dịu*
Eruption: *Sự bộc phát*
Drubbing: *Trận đòn thù*
To take: *Nhận được*
To take advantage of: *Lợi dụng*
Brochure (n.): *Truyền đơn, tờ bướm quảng cáo*
To emblazon: *Trang trí rõ*

PATTERNS

15.1. Phrasal verbs - To take

a. Some joke that Popo must be a member of the Institutional Revolutionary Party; angry about the drubbing the ruling party was expected to take in the July 6 elections.(nhận lãnh)

b. The hardened pol hesitates to take a bear by a tooth.(vuốt râu cọp)

c. These well-known paintings took a circuit to the museum after their owners, Jewish collectors, had died in the Nazi concentration camps.(đi 1 vòng)

d. Some traditional healers say they can restrain the wide spread of HIV by taking the hair of the dog that bit you.(dĩ độc trị độc)

e. The Chinese drunkard is taking a drop now but he seems to be very cunning.(ngà ngà say)

f. After a short time of working side by side, she began to take a shine to Bob.(để ý)

g. The modern doctor takes a sight at the traditional herbalists when they are trying to cure the patients.(chế nhạo)

h. Israeli Prime Minister Netanyahu takes at Jordan's king Hussein when they met in the Mid East peace talks. (niềm nở)

i. Don't take his words into account, he has been notorious with his breaking promises. (coi trọng, kể đến)

j. His refusal of returning the sum of money I lent him some months ago takes my breath away. (làm nín thở)

15.2. Adj. - after clause

a. The informant let me on some unexpected information, angry about the betrayal of the corporal.

b. He must have been the white who adopted Kier, an 8-month – old baby, happy to donate some bucks for that.

c. The prosecutor was so brave that he could confront the gang, clever in his new strategy of charging.

d. Ernesto Che Guevara, the Argentine insurgent, was along side Fidel Castro in the Cuban Revolution, angry about the rise of the counteraction force.

Selection 16

JAPAN

BIGGEST SPILL AND SPEEDIEST RESPONSE

The supertanker Diamond Grace was torn open like a tin can. As it was impaled on a reef in Tokyo Bay last week, the vessel spewed nearly 4 million gallons of black crud from two of its starboard tanks into the surrounding sea - Japan's worst oil spill ever. At one point, the slick was 5½ kilometers wide, contaminating a fishing ground as it drifted north toward Tokyo, just 35½ kilometers away. Noxious fumes from the spill sickened more than a dozen people on shore, mostly children, who were treated for headaches and other minor ailments.

But the news wasn't all bad: after coming under attack for their slack response to a long string of emergencies in recent years - including another massive oil spill just six months ago - Japan's leaders this time displayed some urgency. Within an hour of the accident, authorities formed two emergency committees to direct cleanup operations. Maritime officials worked with local fishermen, building floating fences to contain the slick and tossing gi-

ant sponges onto the mess, while a helicopter and boats sprayed the area with solvents. Even the sickening fumes were taken as a hopeful sign: the tanker spilled light rather than heavy crud, which dissipates more easily. Experts expected 40 percent of the floating oil to evaporate.

NOTES

(Oil) spill (n.): *Tràn dầu*

Speedy (adj.): *Nhanh*

Supertanker (n.): *Tàu dầu khổng lồ*

To tear (tore, torn): *Xé toang*

Impaled (adj.): *Bị xuyên qua, bị đâm bằng vật nhọn*

Reef (n.): *Đá ngầm*

Vessel (n.): *Con tàu*

To spew: *Nhả ra*

Crud: *Dầu thô*

Starboard tanks: *Bồn dầu mạn phải*

Slick (n.): *Màng dầu*

To contaminate: *Làm ô nhiễm*

To drift: *Trôi dạt*

Noxious: *Độc hại*

Ailment: *Bệnh tật*

Slack (adj.): *Chậm trễ*

Emergencies: *Khẩn cấp, cấp cứu*

Massive: *To lớn*

To display: *Phô diễn*

Authorities: *Nhà cầm quyền, giới cầm quyền*

Cleanup operation: *Chiến dịch dọn dầu*

Maritime (adj.): *Thuộc về biển*

Floating fences: *Hàng rào nổi*

To toss: *Thả xuống, tung*

Sponges (n.): *Bọt biển, vật thấm dầu*

Helicopter (n.): *Trực thăng*

Solvents (v.): *Chất dung môi (để hòa tan dầu)*

To dissipate: *Tiêu tan*

To evaporate: *Bốc hơi*

PATTERNS

16.1. Rather than, would rather than

a. The tanker spilled light rather than heavy crud, which dissipates more easily.

b. Hong Kong residents who rally for democracy in Victoria Park count money rather than politics.

c. They spend their time rather than money on the task that he was given a few years ago.

d. Mary says that Kim would launch an attack between July and October rather than next spring.

e. Lee Suk, the 23-year old lathe operator was strolling through SEOUL's Hanyang university last week as thousands of students prepared to hold an anti-government rally, would rather be tortured to death than giving any confession.

f. Strange enough! Hoechst therapeutics invests an enormous sum of money in AIDS, cancer, Alzheimer's rather than common diseases.

16.2. That, those

a. The scientific students in America study better than those in other countries.

b. Former lieutenant Kelly Flinn of America Air Force was dismissed for her adultery while those of infantry with the same problem were not.

c. The climate of the South is tougher than that of the North.

d. The Black Sea fleets of the former Soviet Union are stronger than those of Latvia; therefore the superiority undoubtedly belongs to the former.

e. Last week Defense Secretary William Cohen tried to stop his supporters from slandering those of Gen. Kavin.

me their service has gotten better, I say, “May be so. But if your customers think otherwise, you’ve got a problem”.

NOTES

To diss: *Làm bất mãn*

Horror (adj.): *Kinh hoàng*

Jolt (n.): *Trục trặc*

To book: *Mua vé trước, đặt mua*

To direct: *Chỉ qua, hướng dẫn*

Counter: *Quầy*

Blank-faced (adj.): *Mặt lạnh như tiền*

Supervisor (n.): *Tổ trưởng*

To disturb: *Quấy rầy*

Sprint: *Chạy vọt qua*

Cart: *Xe không động cơ*

Runway: *Đường băng*

To plead: *Khẩn khoản*

No dice: *Chẳng ăn thua*

To apologize: *Xin lỗi*

Quaint (adj.): *Kỳ lạ*

All the time: *Luôn luôn*

Index: *Chỉ số, chỉ dẫn*

Declining (adj.) *Giảm*

Quarter (n.): *Một quý, ba tháng*

Lament (n.): *Than phiền*

The heck: *Tiếng đê, giống the hell*

Spoiled gripers: *Lời phàn nàn độc địa*

Readings: *Chỉ số, con số*

Parcel delivery: *Giao hàng*

Grim (adj.): *Âm đạm, buồn*

Giants (n.): *Công ty khổng lồ*

Overall: *Toàn thể*

To sag: *Giảm, chùng xuống*

Perception: *Nhận thức, cảm quan*

PATTERNS

17.1. Future Continuous tense

a. The counteragent will be coming out there soon.

b. The British double agent is moving to Munich this summer, therefore, we'll be setting a trap for him.

c. I am going to Michigan in two months, so you'll be arranging what I told you last month.

d. The Presidents will be going to Switzerland for their summit next month; there is no reason for you to stay here for good.

e. The human cloning will be processing secretly in the desert outskirts of Montana where they have done many similar experiments.

17.2. So that, such that

a. The Argentina's Ambassador to Malaysia argues so full of inconsistencies that his opponents find it easy to counterattack.

b. The new Calcutta, India's infamously filthy city, is cleaning up so scaly that it is called "the environment revolution"

c. According to a new poll, there are so many Americans become the faithful, praying people that religious books are always sold out.

d. The Brunei's sultan suit turns so noisy that the plaintiff, Miss USA in 1992 who accused him of violation, sometimes wants to withdraw.

e. The Peru's hostage crisis dragged so long and with many tense negotiations that the government nearly gives up to the guerrillas.

f. Though he is one of the youngest presidents in American history, Bill Clinton is such a tough pol that none of his counterparts dares to disregard him.

g. Shannon Marketic was crowned Miss USA in 1992 and considered such a graceful Miss that the world's richest monarch, Brunei King, invited her to make a 40-day-trip to his country.

Selection 18
CONSUMERS

DISSING CUSTOMERS (Cont.)

*Why the service is missing from America's
service economy.*

DANIEL PEDERSEN

Nobody has more infamous service woes than the airlines these days. United recently stunned its competitors (and some of its own employees) by dropping its 30-year-old “friendly skies” theme for a riskier message—admitting flying’s a hassle. The campaign takes some remarkably contrarian shots on Madison Avenue: “Wouldn’t it be great if we could all fly commercials?” United pledges to spend \$400 million enhancing service over the next five years, preaching a new religion called the Customer Satisfaction Philosophy.

How did customer satisfaction become such an exotic notion? The numbers in Fornell’s index look even more like F’s when you remember the lip service that’s been paid to service. We were supposed to be enjoying a fabulous

experience with every retail transaction by now - at least according to all those books about super - duper getting close-to-your-customer excellence. What did we get instead? Downsizing, re-engineering and retrenchment, say Fornell and Berry. And while manufacturers can often replace workers with machines, that's not usually an option for services. Some companies- FexEx, UPS, Nordstrom's- kept customers happy despite the new pressures.

At the airlines, according to David Coltman the senior vice president behind United 's new ad campaign, there's no secret about what happened. Deregulation, he says, focused the industry on three words: "cost, cost, cost". In the last few years, he says, United has rediscovered that the S word counts, too. Its latest research shows that 60 percent of United travelers (providing 91 percent of its revenue) say they care deeply about factors besides cost. Some competitors will believe that when they see it. "They've set themselves up for a huge fall", one airline exec told Newsweek last week. Phooey, says Coltman. Rivals are wasting huge amounts of money on ads that key customers simply no longer believe.

NOTES

Woe (n.): *Nỗi buồn*

To stun: *Làm choáng váng*

Theme (n.): *Chủ đề*

Hassle (n.): *Vấn đề tranh cãi*

Contrarian (adj.): *Tương phản*

Film - plam: *lừa gạt*

Punchiest live: *Dòng chữ mạnh mẽ nhất, nặng nề nhất*
To pledge: *Cam kết*
To preach: *Thuyết giáo, rêu rao*
Lip service: *Lời nói đầu môi*
Fabulous (adj.): *Thần thoại*
Retail transaction: *Bán lẻ*
Super-duper: *Lừa đảo siêu hạng*
Down sizing: *thu nhỏ lại*
Re-engineering: *Tái chế*
Retrenchment: *ting giản nhân viên*
Option (n.): *Sự lựa chọn*
Surly: *Gắt gỏng, cáu kỉnh*
Senior (adj.): *Cao cấp*
Ad (n.): *Quảng cáo*
Campaign (n.): *Chiến dịch*
Cost (n.): *Giá thành*
To count: *Đáng kể*
Revenue: *Lợi nhuận*
Set up: *Dựng lên, sắp đặt*
Exec: *Viên chức*
Rival: *Đối thủ*

PATTERNS

18.1. Phrasal verbs- To say

a. She's doubted by her would-be husband, can you say a good word for her?(bênh vực)

b. With the dissing customer situation nowadays, the Head of the ACSI has said a mouthful to the audience.(nói rất hay)

c. Many guests were surprise when they saw the Muslims say grace before the meals.(to pray)

d. Though Dr. Arlington was a leading member of the American federation of teachers, he couldn't say in its management.(có quyền tham gia)

e. She has done her best to improve the situation and said her say but it is in vain.(phát biểu)

18.2. Phrasal verbs- To set

a. Jordan King Hussein is suspected to set Israeli Prime Minister Barak against Palestinian President Yasser Arafat.(make somebody against somebody)

b. That he writes a new book of economics sets him apart from those who devalued him.(tách ra khỏi)

c. When he agrees to set aside all formality once more, he clearly wants to confront new battles.(gạt bỏ)

d. All of the participants in the conference definitely set the Chairman's success down to the Bank of America's help (consider).

e. That his interests from the bonds, the stocks set forward his businesses in the government's post-war Reconstruction plan surprises no one.(push forward)

f. It is rumored that Lynda Hobson, who is doubted of poisoning her tycoon husband, is setting her cap at the newly elected senator.(giăng câu)

g. The coming of the once- leading band of the world to Mexico this June drives the young pop fans crazy.(làm ai phát điên)

Selection 19

ALBANIA, NORTH VS. SOUTH

In half of the country, heavily armed civilian militia's rule. The government is talking amnesty, but the army is in position to attack. Is civil war next?

The Fishermen of Vlore are fishing with hand grenades these days. There's precious little food in the Albanian port town, now that antigovernment protests have turned into an armed insurrection. Roving gangs of masked gunmen have looted most of Vlore's stores (as well as hospitals, grain warehouses and nearly every other place they could think of), and the few shops that dare to open for a few hours during the day don't have much on the shelves. Bread has nearly doubled in price, although it is still available from street vendors. But the outdoor market is full of fish. After chasing out the local government and army on Feb. 28, rioters seized a huge weapons cache in the military barracks, including automatic rifles, dynamite and hand grenades. Ordinary citizens, as well as ordinary criminals, are now armed to the teeth. As for the fishermen, blame! One explosion brings a lot of death fish floating readily to the surface of the sea.

It won't be nearly as easy to subdue Albania's rebellious south. Demonstrators emptied local armories and government authority crumbled across the region; at least 22 people have been killed so far. In many towns, the rebels are now armed with tanks, artillery and Kalashnikovs. In Sarande, a mob that included many teenage irregulars stormed the Albanian naval base and, in one fell swoop, took control of half the country's navy. One tenth of the country's operational air force- that is, a single MIG-15 and two pilots- defected to Italy. The pilots claimed they'd been ordered to bomb their own civilians, though Italian authorities found no weapons on board. President Sali Berisha sacked several military leaders and put his secret- police chief in charge of quelling the rebellion. He also declared a state of emergency and, at the end of the week, a two-day truce and an amnesty for anyone who would lay down his weapons (there were no known takers). Instead rebels took advantage of the cease-fire on Saturday to chase government troops out of the key town of Gjirokaster.

NOTES

Militia (n.): *Dân quân, dân vệ*

Amnesty (n.): *Lệnh ân xá*

Civil war (n.): *Nội chiến*

Hand grenades (n.): *Lựu đạn*

Antigovernment (adj.): *Chống chính phủ*

Insurrection (n.): *Nổi dậy*

Roving (adj.): *Lang thang*

Masked (adj.): *Đeo mặt, bịt mặt*

To loot: *Cướp*
Vendor (n.): *Người bán rong*
To chase (n.): *Đuổi*
Rioter (n.): *Người nổi dậy*
Cache (n.): *Kho (nhỏ)*
Barrack (n.): *Đồn lính*
Rifle (n.): *Súng trường*
Dynamite (n.): *Mìn, cốt mìn*
To the teeth: *Đến tận răng*
To subdue: *Đàn áp*
To empty: *Dọn sạch*
Armories: *Kho vũ khí*
To crumble: *Vỡ vụn, đổ nát*
So far: *Cho đến giờ*
Artillery (n.): *Pháo (binh)*
To storm: *Tàn phá*
Swoop (n.): *Nhào xuống*
To defect: *Đào ngũ*
Authority (n.): *Nhà chức trách*
To sack: *Sa thải, cách chức*
To quell: *Đàn áp*
Truce (n.): *Hiệp ước*
Take advantage: *Lợi dụng*

PATTERNS

19.1. Phrasal verbs- To get

- a. We all got behind him in the election. (rớt lại sau)
- b. The temporary victory doesn't satisfy the young general, he is busy with the thought of being counter-attacked tomorrow.
- c. The entrepreneur looks at the new extension that he's just invested in, he gets value for his money.
- d. After pushing the peace talk process in the Mid East, he got on his high horse in the speech to Arab leaders.
- e. In the last heavy weight championship, Holyfield was much older but at last he got the upper hand. (chiếm thượng phong)

19.2. Adverb + comparative

- a. The new procedure is proved to be considerably more efficient than that of Prof. Andrew introduced in July.
- b. The local militias showed that their fighting ability is much better in the rocky mountains than in the swamp areas.
- c. His new design of AMAC center is a lot uglier than those of Bowline University's architects, which can pose the conformity between landscape and function.
- d. The drug traffickers by the end of this year will buy an appreciably larger amount of coke to hand over the kingpin at his will.
- e. The health of Russian President Putin is slightly more encouraging now than it was 3 months ago.

Selection 20

ALBANIA, NORTH VS. SOUTH (Cont.)

In half of the country, heavily armed civilian militia's rule. The government is talking amnesty, but the army is in position to attack. Is civil war next?

The people of Vlore are fighting for one reason, according to Krenar Hoxha, 25, a self-appointed militiaman guarding the hills above the town: "Berisha stole our money. We want it back, and we want him to resign". The protests began in January, when a series of Ponzi schemes collapsed and as many as 800,000 Albanians were bilked of their savings. "It was greed, that's all. Just greed", said Ismet Manallari, a money-changer in Tirana. "We are living in a capitalist society now, we expect the government to do everything for us. And we blame the government for everything". The regime didn't run the schemes, but neither did it regulate them or warn people of their obviously impending failure.

Out Of Money: But the government itself is flat broke, hoping for international aid but very unlikely to get as much as it needs. Per-capita income was about \$770 last year, and in a country with pockets of poverty that rival the worst in Africa, tax receipts don't amount too much. Berisha's own

Democratic Party got campaign contributions from at least one of the failed schemes, Gjallica, which shut down with \$600 million in assets and \$800 million in liabilities.

Berisha doesn't seem inclined to compromise. Western diplomats say he's been passing out weapons to Democratic Party loyalists. Plainclothes toughs, with guns under their fake leather jackets, are everywhere in Tirana. The secret-police chief, Bashkim Gazidede, has been recruiting new paramilitaries and giving them some quick training. A little too quick, in some cases: last week a rookie in the State Security Service shot himself in the head while sleeping on duty with his rifle. Despite calls from the international community for Berisha to share power with opposition parties (including the former communists, who are still the largest political force in Albania), the president refuses to budge. "It's not in his character", remarked one Western diplomat. "I just don't see any way out of this that isn't awfully bloody".

The standoff looked increasingly like a real civil war between north and south. When demonstrations broke out in Tirana two weeks ago, Berisha's riot police managed to pull them down- at one point fighting a pitched rock battle with furious youths. But the south is the traditional stronghold of resistance in Albania. The region is slightly more prosperous, so its investors lost more in the financial collapse.

NOTES

Self-appointed (adj.): *Tự phong*

To resign: *Từ chức*

Scheme: *ngân hàng, định chế tài chính*

To collapse: *Sụp đổ*
To bilk: *Quyt nợ*
Greed (n.): *Lòng tham*
To blame: *Đổ lỗi*
Regime (n.): *Chế độ, chính quyền*
Impending (adj.): *Sắp tới*
Be broke: *Cạn túi*
Per-capita income: *Lợi tức mỗi đầu người*
To rival: *Đối thủ*
Campaign contribution: *Đóng góp chiến dịch tranh cử*
To shut down: *Đóng cửa*
Liabilities: *Nợ*
Loyalist: *Người trung thành*
Plainclothe: *Quần áo trơn (Một màu không sọc)*
Tough (sl.): *Gã*
To recruit: *Tuyển mộ*
Paramilitary: *Bán quân sự*
A rookie: *Tân binh*
On duty: *Đang trực*
Budge: *Động dẩy*
Standoff: *Sự chia cắt, phân hóa*
Civil war: *Nội chiến*
Demonstration: *Biểu tình*
Riot police: *Cảnh sát chống bạo loạn*
A pitched rock battle: *Một trận ném đá*
Stronghold (n.): *Căn cứ*

PATTERNS

20.1. Passive infinitive

a. When President Suharto was invited to speak, he usually held forth from in high- a lofty speech from the presidential podium.

b. The suspects are requested to declare what they have been doing after a bus bomb rattled the terror- free Oasis of Beijing in Feb.

c. Richard Ralph was appointed to be Falkland governor to uphold the sovereignty of the Argentine islands.

d. Macaulay Culkin, star of 1994's "GETTING EVEN WITH DAD", was granted to wield his assets- an untouchable \$17 million, which were formerly managed by his warring parents.

e. Lt. Col. Joseph Michel was forced to give up to the enemy, but he would rather kill himself than doing that.(trung tá)

20.2. Used to, be used to + V-ing.

a. They used to live hand in hand for long time, I really wonder why they live separately now.

b. Calcutta used to be the India's infamously filthy city, now it is cleaning up and rediscovering some of its old grace.

c. Zairean Rebel forces may be on the verge of victory, although they used to be cracked down in the previous battles.

d. He was used to living apart from the public after the military Junta ousted the Haiti's elected president in 1991.

e. He has been used to donating millions of dollars to the presidential campaign in exchange for his White House's coffees and overnights.

Chapter 5

SCRIPTS FOR ENGLISH-VIETNAMESE SIMULTANEOUS INTERPRETATION

1. Scientists Make Copy of Animal

Last week, scientists in Scotland shocked the world with the news they produced an exact copy of an adult animal. It is the first time a copy, or clone, of an adult animal has been created. The animal is the sheep. Ian Wilmut and a team at the Roslin Institute in Edinburgh did the experiment.

Doctor Wilmut replaced the genetic material in a sheep's egg with the genetic material from an adult sheep. The genetic material is known as DNA. From that egg, a young sheep was produced. That is an exact copy of the adult sheep.

Doctor Wilmut used cells from the breast of a six-year-old sheep. He removed the nucleus from the egg cell of another sheep. The nucleus contains the sheep's DNA. He linked that egg cell to one of the adult sheep's breast cells.

The DNA from the adult sheep moved into the egg. The egg then divided and grew into an embryo. Doctor Wilmut placed the developing embryo in a third female sheep. It

gave birth to a healthy lamb, an exact copy of the adult that provided its genetic material.

Doctor Wilmut says he wants to create animals for medical research. Yet most experts believe that farm animals would not be the only ones cloned. They note that the United States has no laws banning human cloning. Britain and several other countries do.

Many people are concerned about future use of this new technology. Experts say the method used in Scotland was extremely simple and could be reproduced easily. Supporters say cloning could be very useful. It could produce cows that could give large amounts of milk. It could increase the numbers of animals now in danger of disappearing.

The cloned sheep was not created easily. The scientists placed the DNA from two-hundred seventy-seven adult sheep into the same number of eggs. Only twenty-nine eggs survived. These were placed in thirteen female sheep. And only one sheep became pregnant.

Sunday news reports said scientists in Oregon had produced exact copies of monkeys from embryo. Clones of other animals have been produced from embryo. But this is the first time a clone has been produced of an animal closely related to a human. President Clinton has asked a special committee to study the issues involved in making clones of animal.

2. Men's And Women's Brains

Researchers at Yale University have found evidence that men and women use their brains differently. The Yale

researchers used a special device to show brain activity. It is called a magnetic resonance imaging x-ray.

The researchers used the device to look at the brain activity of nineteen men and nineteen women when they were thinking. One of the thinking tasks involved words that mean nothing.

For example, the people in the study were asked if two meaningless words would sound the same. The words are spelled “r-a-n-e” and “f-r-a-i-n”. The only way to know how to say the word is to try to make the sounds of the letter groups.

All the men and women performed the task correctly. But they used different parts of their brains to do it. The x-ray showed that men used a small area in the front of the left side of the brain. Women used this area, too. But they also used a similar area on the right side of the brain.

In recent years, researchers have come to better understand a reading problem called dyslexia. People with dyslexia have troubles separating the sounds within a word. Languages have rules about how to say letters and groups of letters. Learning these rules and recognizing when to use them is extremely important in learning to read.

One way to see if children have reading problem is to give them a word they have never seen before. For example, they may be shown the letters Z-I-Z. A good reader will quickly say “ziz”. A child with reading problem will not.

Bennett Shaywitz and Sally Shaywitz wrote the report about the study. It was published in the magazine, “Nature”.

They are experts about reading disorders. Sally Shaywitz says the study shows that researchers must study men's and women's brains separately. She says the next step is to see how children and adult with reading problem use their brains.

Other researchers say the study makes great progress in the scientific effort to understand reading problem. They say it may be possible to design tests that will tell if young children will have problem before they start learning to read. It may also be possible to design ways to help them learn to read more easily.

3. Nicotine and The Brain

Most people who smoke find it is very difficult to stop. Nicotine is a chemical in tobacco that makes it hard for people to stop smoking. The American Medical Association says nicotine is one of the most powerful of the drugs that make people dependent.

Researchers have learned more about how nicotine affects the brain. Their finding help explain why nicotine is so powerful. It also may lead to new ways to help people stop smoking.

Nicotine raises the heart rate and restricts the flow of blood. This affects the central nervous system. Some people say they think more clearly and their memory improves when they smoke tobacco. Yet the dangers of tobacco are well-established. Smoking cause heart disease, lung cancer, low birth weight, and other conditions. It is considered the leading preventable cause of death.

Researchers at Columbia University in New York experimented to see how nicotine affects the brain. They tested the effects of nicotine on brain cells from chickens. They found that nicotine increases communication between nerve cells.

They found it seems to affect areas of the brain called molecular receptors, which receive chemical signals.

The receptors that the Columbia team found are not designed to receive nicotine. They are designed to control the release of the chemical glutamate. Glutamate carries messages in the central nervous system. It help provide very fast communication between cells. The researchers found that nicotine increases the release of glutamate.

In past experiments on brain cells, researchers tested much more nicotine than the average smoker receives. But they did not in the latest one. A researchers at University College London said the latest study shows the effects on the cells at a level of nicotine similar to that found in the blood of people who smoke.

Columbia University researchers Lorna Role was a leader of that study. She said the results could lead to new drug treatments to break the dependence on nicotine.

The study also may help older people who are suffering memory loss from Alzheimer's disease. Drug companies are searching for chemicals similar to nicotine that might help people keep their memory.

4. Personality Gene Update

Last January two team of scientists reported in separate studies the discovery of the gene that influence personality. Personality is the feelings and thoughts that make each person different.

The scientists studies people in Israel and the United States. They found that many people who enjoy taking part in possibly dangerous activities have a long kind of the gene D-Four-D-R [D4DR]. The scientists called such people “novelty seekers”. Novelty seekers become excited quickly and change decisions easily. They also are likely to spend money quickly and act before thinking about the effects of the action.

The two team of scientists found that people who were not novelty seekers had a short kind of the D-Four-D-R gene. Non-novelty seekers think about decisions before they act, are slow to anger, and not spend money easily.

Now, other scientists from the United States and from Finland say they tried to repeat the finding, but could not do so. They studied two groups of Finnish men.

One group included one-hundred ninety-three men considered normal by mental health experts. The men answered questions about activities they enjoyed. The second group involved one-hundred thirty-eight criminals considered not normal by mental health experts. The men in this group also answered questions about activities.

Their answers showed that the criminal group had more novelty seekers than the other group. The scientists took

blood from all the men. They measured the D-Four-D-R gene in each man's blood.

The earlier studies showed novelty seekers had the long kind of the gene; other people had the short kind. But the new studies found no link between the long gene and novelty seeking. They found, in fact, that the novelty-seeking group has more short D-Four-D-R genes than long ones. The magazine "Molecular Psychiatry" published the results.

The scientists who did the earlier studies were not surprised. They say the D-Four-D-R gene is only one of maybe six genes novelty seekers have all six genes. Some have only three; some even fewer. The scientists say the real meaning of the studies will not be understood until all the genes involved in novelty seeking have been found.

5. Older Mother

An American woman has become the oldest known woman to have a baby. The sixty-three-year-old woman gave birth to a healthy baby girl. She took part in a program that helps women become pregnant. As part of the treatment, the woman received an egg that was provided by much younger woman. The woman also was given a series of drug to help her become pregnant.

The woman and her husband, who is sixty years old, had been married for thirteen years. They had tried unsuccessfully to have children.

The program to help women get pregnant is at the University of Southern California at Los Angeles. Doctors

there say the woman lied about her age to get into the program. Normally, women who are older than fifty-five are not permitted to take part. The woman has not been identified to protect her privacy.

The woman had to pass a number of medical tests before she could receive the treatment. After that, she received a series of fertilized eggs. The eggs were fertilized in a laboratory dish with sperm from the woman's husband. Then the eggs were placed into her uterus. The first three efforts failed. But the fourth resulted in a pregnancy. After she was thirteen weeks pregnant, the woman admitted she was sixty-three years old.

The baby girl weighed about three kilograms at birth. The mother has been breastfeeding her.

The woman was well past menopause, the age when a woman's ovaries stop producing eggs. That usually happens when a woman is in her early fifties. The age of the oldest mother keeps increasing. The record has been held by an Italian woman who gave birth three years ago at the age of sixty-two.

Many older women are getting pregnant with the help of modern reproductive technologies. This is forcing doctors to consider the medical and moral questions linked to pregnancies in older women. Some doctors say older women have the right to try to have a baby. Yet, other doctors set age limits and will refuse to give treatments to older women. They say it is unnatural to have a baby late in life.

Many doctors say it is not yet known if late pregnancies could be dangerous to the health of the mother or the baby.

6. Mice and Mothering Gene

Scientists have discovered a gene in mice that helps make female mice good mothers. The gene produces a reaction in the brains of female mice that leads them to care for their babies.

When this gene is missing, mice show no interest in their babies. Instead, they leave them alone and let them die. The discovery is part of an effort by scientists to learn how genes influence complex actions in animals.

The missing gene is called Fos-B. Fos-B is one of a small family of genes called “Immediate Early Genes”. Scientists believe the gene causes animals to react to changes in the environment, such as stress, changes in light levels, and drugs. In this case, the gene probably becomes active by the sight and smell of baby mice.

Humans also have a fos-B gene, it is not known, however, if it influences mothering actions in women.

The study was carried out at Children’s Hospital in Boston, Massachusetts. Jennifer Brown and other scientists from Harvard Medical School and Tufts University did the study. The scientists began by creating mice that were missing the fos-B gene. Until now, scientists did not know exactly what the fos-B gene did. The goal was to learn how the gene works by seeing how the animals acted without it.

The mice seemed normal until they gave birth. After giving birth, normal mice make nests, gather their young together, feed them, and keep them warm. The abnormal mice investigated their young. They failed, however, to help them in any way. Unfed and cold, the babies die in about a day or two.

Further studies showed that the mothers were physically able to care for their young. In other studies, when baby mice were removed from their abnormal mothers and cared for by normal females, the babies were healthy.

The gene also controls similar actions in male mice. Researchers say the gene also may have an affect on other kinds of behavior. Scientists say, however, that this gene is not the only way to produce this effect. They say social conditions, experience, and other environmental changes also help produce the effect in people and other complex mammals. They say different genes also influence mothering behavior.

The study was published in the magazine "Cell".

7. Studying Earthquakes from space

People who live in Southern California are getting help from space in dealing with earthquakes. Scientists in that Western American states are doing an experiment using satellites to watch for very small movements in the surface of the Earth. Earthquakes are common in California, as they are throughout the Asia-Pacific area known as the "Ring of Fire". It is an area of active volcanoes.

Earthquakes happen along faults - like the big San Andreas Fault near Los Angeles. Faults are breaks in rock formations just under the surface of the Earth. these huge formations are called tectonic plates. As many as twenty of them cover the Earth. These plates float about slowly, sometimes crashing into each other, and sometimes moving away

from each other. Pressure builds along the faults as the plates move in different directions. And earthquakes release this pressure.

That last big earthquake that shook the Los Angeles area happened early one morning in January 1994. Sixty people were killed. And almost nine-thousands others were injured. The earthquake did thousands of millions of dollars in damage.

Scientists have spent years trying to develop earthquake-warning systems.

One new project involves using satellites to study the movements of faults in Southern California. These satellites are part of the United States government's Global Positioning System. Twenty-four GPS satellites orbit the Earth. They serve as guides. Their signals tell soldiers, sailors, and anyone else with a special radio receiver where they are on Earth.

Now, GPS satellites will help scientists in Southern California continuously measure movements in the surface of the Earth. A project scientist says the satellites will be able to observe ground movements of as little as one-millimeter per year. These observations will show where pressure is building and where an earthquake might happen.

Two-hundred-fifty GPS receivers will be operating in the Los Angeles area within three years. Earthquake scientists already are using more than forty that are in place to gather measurements. They say the continuing GPS information will help efforts to prepare for earthquakes in Southern California.

8. Water on the moon?

American scientists say they have evidence of what may be ice on the moon. The evidence was gathered by a spacecraft called Clementine. It was part of the Defense Department project. It orbited the moon for four months in 1994.

Clementine sent radar waves to the bottom of a deep hole at the moon's South Pole. The signals returned to receivers on Earth. Scientists spent two years studying the signals. They say the signals appear to show the existence of water molecules in ice in the hole. They say the same kinds of signals were received from areas of water ice on the planets Mercury and Mars, and on some of the moons of Jupiter.

The scientists reported their discovery at a news conference last week. The magazine "science" published a report about their findings.

The hole on the moon is huge. It is about two-thousand five-hundred kilometers around. It's about thirteen kilometers deep. The hole was made by a comet that hit the moon about four-thousand-million years ago.

The ice is not in the form of a frozen lake. Instead, small pieces of ice are mixed with dirt. Scientists say the ice probably is left when the comet hit the moon. Comets are ninety percent water. The icy area is on the dark side of the moon. The sun never shines there. The temperature is extremely cold, about two-hundred-thirty degrees below zero, Celsius. Once water is trapped in that cold dark area, it cannot escape.

Not all scientists accept the new findings. They say other materials might produce the same radar signals.

Next October, America's space agency plans to launch a satellite called Lunar Prospector to study the moon. Prospector will carry instruments to examine chemicals in the moon's surface. Two of those instruments will be able to measure the amount of hydrogen. Any hydrogen found near the moon's South Pole would confirm that water ice exist there.

Paul Spudis is one of the scientists who studied the radar signals from the moon. He worked at the Lunar and Planetary Institute at Rice University in Houston, Texas. Mister Spudis says if the discovery is confirmed that area of the moon could be the most valuable territory in the solar system. The ice could provide drinking water for people. And it could be separated into hydrogen and oxygen for use as rocket fuel.

9. Space Snowballs

New pictures from space suggest that small comets continually hit the upper atmosphere of Earth. These space objects may have brought the chemicals of life to our planet and filled the oceans. The evidence comes from NASA's Polar satellite.

A research team reported these findings last week at a meeting of the American Geophysical Union. Louis Frank of the University of Iowa in Iowa City led the team. He says the objects are about the size of a small house. They are destroyed thousands of kilometers above the Earth. So, he says, they are no threat to people on the ground or astronauts in space.

The objects are being called snowballs. Mr. Frank says they contain mostly water. Water is necessary for life. He

says they may also contain simple organic matter from which life developed on Earth. Scientists believe life grew from chemicals brought to Earth by comets thousands of millions of years ago.

Mr. Frank says the satellite information shows that as many as thirty small comets are hitting Earth's atmosphere each minute. They melt into clouds of water gas as they speed toward Earth.

A device called the Visible Imaging System on the Polar satellite provided images. Mr. Frank designed the device. The images show lights - both visible and ultraviolet - as the objects are destroyed above the atmosphere.

Eleven years ago, Mr. Frank proposed an explanation of dark circles found in images of the sunlit atmosphere of Earth. An ultraviolet camera on the Dynamics Explorer One satellite made these images. Mr. Frank said the dark circles were "atmospheric holes" twenty-four to forty kilometers across. He suggested they were caused by small comets breaking apart in the upper atmosphere.

Mr. Frank said water gas formed when the comets broke apart. These areas of water gas looked like dark circles because water takes in light. Other scientists disagreed. They believe the dark areas were caused by a problem with the camera. The new Polar satellite images included more detailed observations of the atmospheric holes.

Robert Hoffman is a scientist for the Polar spacecraft. He says the findings give scientists something new to consider in debating theories about how our solar system developed.

10. Earliest Life

An international team of scientists had reported evidence that life existed on Earth almost four-thousand million years ago. That is about three-hundred-fifty million years earlier than had been estimated.

Scientists from Australia, Britain, and the United States studied pieces of Earth's oldest known rocks. The rocks are found on Akilia Island on southwestern Greenland. The rocks were once part of the ocean, but changed under great pressure and extremely hot temperatures. As the rocks changed, they locked carbon inside calcium phosphate crystals.

The scientists used a modern device to measure the chemicals in very small parts of the rock without destroying it. The device shoots cesium ions into the rock. The cesium ions free the rock's carbon ions. The scientists then studied the carbon ions. They measured the amount of Carbon-12 in comparison to the amount of Carbon-13. Carbon processed by non living things.

The international team of scientists reported the results in the publication "Nature". They reported that the difference in amounts of the two kinds of carbon provides evidence of form of life.

Scientists say Earth formed more than four-thousand-million years ago. No one knew when life first appeared on the Earth or how it first developed from inorganic material in the universe. The new study, however, shows that life had begun within seven-hundred million years after the planet formed.

Until now, remains of bacteria more than three-thousand million years old represented the earliest evidence of life. They were found in western Australia.

Scientists say the newest evidence is a surprise. It leaves almost no time between the end of the period when asteroids were crashing into Earth and the first appearance of life. Large asteroids hit Earth almost four-thousand million years ago.

Scientists had believed that the asteroid crashes destroyed any life that might have already existed on the planet. They say now that the newly discovered small life forms may have survived those asteroid crashes. Or, they say, such life forms may have resulted from biochemical changes that developed quickly after the last large crash.

11. Dinosaurs and Birds

A researcher in Argentina says he has found new evidence that modern birds may have developed from dinosaurs.

Fernando Novas works for the Museum of Natural History in Buenos Aires. and Pablo Puerta, of the Patagonian Paleontological Museum in Argentina, described the discovery in the publication "Nature". The National Geographic Society supported the research.

Mr. Novas says he found more than twenty pieces of bones from an animal. He found the fossils in Argentina's Patagonia area. The animal was the size of the large modern bird, the ostrich. He says they are formed a creature

that has never been found before. The creature is more like a bird than any other dinosaur yet discovered.

Mr. Novas and Mister Puerta named the creature *Unenlagia comahuensis*. The name means “half-bird” in the language of the Mapuche who live in the area where the fossils were found.

Mr. Novas says the creature’s bones show that it moved its shoulders and lower arms the same way modern birds do. However, he says the ancient animal could not fly. It ran on two legs like an animal. It may have used its arms to help it run and jump.

Mr. Novas says the fossil evidence shows the creature was more than one meter tall and more than two meters long. He says it was a fast hunter that ate meat. The creature lived about ninety million years ago. Birds were already flying at that time. Mr. Novas says the creature was linked to birds in much the same way that man is linked to chimpanzees.

Not all scientists agree that the finding is important. Some say that sharing similar bones does not prove dinosaurs and birds are related. Yet most scientists believe birds developed from dinosaurs. They say the two kinds of creatures are similar in many ways. Mr. Novas and Mr. Puerta say the fossils of the *Unenlagia* suggest that birds began flying from the ground, not from the trees. Experts say the debate will continue about how flight began.

Mark Norell is a dinosaur expert at the American Museum of Natural History in New York. He says that several newly discovered fossils from around the world will provide more information about the link between dinosaurs and birds.

12. Growing Vaccines in Food

Vaccines are medicines to prevent diseases. Traditionally they are injected into the body or take as a liquid by mouth. In the future, though, it may be possible to eat some vaccines in genetically-changed foods. Someday, preventing diarrhea in developing countries may be as simple as giving a child a banana to eat.

Experiments are taking place at the Boyce Thompson Institute for Plant Research at Cornell University in New York. Researchers are hoping to grow bananas containing a vaccine against enteric disease. That is the name for conditions such as diarrhea. In many developing countries, enteric diseases are the leading cause of death among children. They killed several million children each year.

Now, researchers at the Boyce Thompson Institute will begin exchanging information with scientists in developing countries. The Rockefeller Foundation is paying for the information exchange.

Mexico is the first to take part. A Mexican government scientist will spend part of the next three years in Ithaca, New York, at the Institute. He will help design studies to be done in the United States and Mexico to test vaccines in food.

Researchers at the Institute are growing eight large banana plants. Each produces forty-five kilograms or more of fruit. The plant grows in a building with control temperatures. They have survived the long local winters. So, now the researchers have begun to put genes into them. They expect to see results within eighteen months.

There are modern, genetically-engineered vaccines given by mouth to prevent enteric diseases. These are highly successful, the American researchers says. But it can cost one-hundred dollars each time the vaccine is given. Giving vaccines in bananas, they say, would cost very little.

Bananas are not the only food that the scientists are studying. Last year they showed that animals could be given vaccines in genetically-changed potatoes. Such new technology could make it easier for farmers to give medicines to their animals. The researchers also are planning tests to see if potatoes can be used to give vaccines to people.

13. Cleaning Water with Crop Materials

A chemist in the United States has found a way to fight pollution using crop materials that are wastes. Jacob Lehrfeld is with the Agricultural Research Service. He says corn bran and other low-value materials can be used to remove lead and other metals, as well as some poisonous chemicals, from water.

Mr. Lehrfeld did experiments at the National Center for Agricultural Utilization Research in Peoria, Illinois. He prepared a report for a meeting of the American Chemical Society.

He heated waste crop materials and phytic acid. This produced a solid substance called a resin that can be used to clean wastewater. The resin was heated in a container that had less air pressure than normal.

An oil-based resin is widely used now in cleaning wastewater. Mr. Lehrfeld says phytic acid resin would be

better in industries that use chromium and copper. He says it collects almost three times more heavy metal than the petroleum-based product.

Currently, however, the phytic acid resin would cost more to make. Phytic acid now sells for about twelve dollars per kilogram in a liquid solution. It is used to protect some metals from rust. Also, in some countries, phytic acid is added to food oils to prevent bad taste.

Phytic acid can be removed from a thick, dark liquid called "corn steep liquor" produced when starch is made. Half a century ago, Agricultural Department scientists made the first large amounts of the drug penicillin from corn steep liquor.

Corn steep liquor is usually mixed with corn bran and made into dry animal feed. Yet phytic acid makes calcium, zinc, and other valuable minerals pass through some animals such as hogs, chickens, and fish. So, removing phytic from corn steep liquor would improve the animal feed.

Mr. Lehrfeld says other materials could be combined with phytic acid to form resins. These include crushed corn-cobs, oat and soy hulls, and sugarbeet pulp. He tested small piece of newsprint paper, too.

Mr. Lehrfeld found that phytic acid resins also remove from water some organic chemicals such as the insect killer atrazine. The chemist is continuing his research about how phytic acid resins collect lead, cadmium, and other metals in water.

14. Rainforest Cafe

A new eating place recently opened in Mclean, Virginia, near Washington, D.C. It is called the Rainforest Cafe. It reproduces some of the sights, sound, and smells of the world's rainforests. People who go to the Rainforest Cafe to have a meal can see colorful birds. They can hear the sounds of a rain storm. And they can smell flowers of the rainforest.

The Rainforest Cafe also has waterfalls and many plants that grow in the rainforests. It has huge water tanks filled with beautiful fish. The eating place also has animals that live in the rainforests. These include gorillas, elephants, and crocodiles. But they are machine animals, not real ones.

The chief cook at the restaurant is Peter Katsiotis. He says he considered using real food products from the world's rainforests. But he said the plants and fish were too costly to ship to the United States in large amounts.

The food served in the Rainforest Cafe shows the owner's concern about the environment. For example, only fish that were not caught with nets used. Environmental activists oppose catching fish with nets because the nets accidentally can trap and kill dolphins.

Steve Schussler of Minneapolis, Minnesota first had the idea for this kind of eating place. He was interested in the world's rainforests and the birds that live there. Several years ago, Mister Schussler opened the first Rainforest Cafe in the Mall of America shopping center near Minneapolis. Since then, he has opened several other rainforest Cafes. Two are in Chicago, Illinois. One is at Walt Disney World in Florida.

Martin O'Dowd is president of the company that owns the Rainforest Cafes. He says children like them because they combine an eating place with a trip to the zoo. He says the Rainforest Cafes organize educational programs for children in local schools. Shops next to the eating places sell products made by people who live in the rainforests.

The company gives some of the profits from the sale of these products to environmental organizations. These include the World Wildlife Fund, Conservation International, and the Rainforest Action Network. The Rainforest Cafe company plans to open more eating places in the United States, as well as in Mexico and Britain.

REFERENCE

Bell, Roger T., (1991) *Translation and Translating*, Longman, London and Newyork.

Dương, Ngọc Dũng, (1991) *Phương Pháp Luyện Dịch Anh-Việt, Việt- Anh*, Nhà Xuất Bản Long An, TP. HCM.

Duff, Alan. (1989) *Translation*, Oxford University Press, China.

Newmark, Peter, (1988) *A Text Book of Translation*, Prentice Hall International (UK) ltd., Great Britain.

Nguyễn, Tiến Hùng, (1986) *A Course in the Theory of Translation*, HCMC.

Nguyễn, Văn Tạo, (1965) *Phiên Dịch Báo Chí*, không rõ nhà XB.

Nida, Eugene A., (1975) *Language Structure and Translation*, Standard University Press, USA.

Pyle, Michael A. & Page, Mary Ellen Munoz, (1991) *TOEFL* Cliffs inc., Lincoln, Nebraska.

XEM CÁC BÀI DỊCH ĐỀ NGHỊ
TRONG CUỐN “PHIÊN DỊCH & BIÊN DỊCH
(CÁC BÀI DỊCH ĐỀ NGHỊ CHO CUỐN I, II)”
CÙNG TÁC GIẢ

PHƯƠNG PHÁP MỚI
Phiên Dịch - Biên Dịch
Anh-Việt, Việt-Anh (Cuốn 2)

*

NGUYỄN ĐỨC CHÂU

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập : THÀNH NAM
Trình bày : TRUNG KHẢI
Sửa bản in : THANH BÌNH
Bìa : GIA NGHI

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - TPHCM
ĐT: 9316289 - 9317849 - 9316211
Email: nxbtre@hcm.vnn.vn

Chi nhánh NXB TRẺ tại HÀ NỘI
40 Láng Hạ - Hà Nội
ĐT: (04) 7762128 - Fax: (04) 8357444
Email: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

In lần thứ 1, số lượng 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm
tại Công ty cổ phần In Khánh Hội, TP.HCM
GPXB số 497/157/CXB cấp ngày 26/4/2004
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2004



NGUYỄN ĐỨC CHÂU

PHƯƠNG PHÁP MỚI PHIÊN DỊCH - BIÊN DỊCH ANH - VIỆT

Phương pháp mới
PHIÊN DỊCH - BIÊN DỊCH
Anh-Việt, Việt-Anh
Cuốn 2

INTERMEDIATE ENGLISH

THƯ VIỆN ĐHDL HP

DLv878



* 2 0 0 7 - D L V 8 7 8 *

A PHƯƠNG PHÁP MỚI PHIÊN DỊCH

Giá 40.000đ

